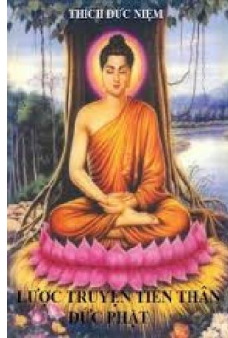


LƯỢC TRUYỆN TIỀN THÂN ĐỨC PHẬT



HT Đức Niệm

Phật Học Viện Quốc Tế, California, 1998

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 08-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Thay Lời Tựa
Thái Tử Nhân Nhục Khải
Xá-Lợi-Phất Niết Bàn Trước Phật
Cắt Thịt Nuôi Cha Mẹ
Thiện Hữu và Ác Hữu
Hai Nhà Vua Hiền Đức
Chuyển Luân Thánh Vương
Vua Chuyển Luân Đánh-Sanh
Vì Hiếu Quên Thù
Kẻ Ngu Hay Cãi
Chòn Cưới Công Chúa
Chim Phượng Hoàng
Nai Cứu Người
Quốc Vương Hữu Đức
Tề Tướng Đại Điển Tôn
Nhân Nhục Tiên Nhân
Người Đệ Tử Cuối Cùng

---o0o---

Thay Lời Tựa

Nhân-quả, Luân-hồi, Nghiệp báo là đạo lý căn bản của Phật giáo. Sông biển có thể cạn khô. Mặt trời mặt trăng có thể rơi rụng. Nhưng đạo lý này muôn đời không sai. Dù thế pháp hay đạo pháp, tăng hay tục, bất luận hạng người nào, hễ còn vào ra trong sanh tử, trôi lăn trong sáu đường, đắm chìm trong ngũ dục, lặn hụp trong lợi danh dục tình, thì nhất định không cách nào thoát khỏi mãnh lực của luật nhân quả, luân hồi, nghiệp báo chi phối.

Không tin nhân quả, luân hồi, nghiệp báo là tự mình đào sâu hố thăm thối hóa, tự mình mở cửa tội lỗi, đi vào bóng đêm tăm tối thăm thẳm. Không tin nhân quả, luân hồi, nghiệp báo là đi ngược luật tiến hóa thiên nhiên, là tự nghiền nát khả năng phát triển thánh thiện của mình. Ngày xưa, khi đức Phật đang tĩnh tọa dưới gốc cây, có vị thiên thần đến hỏi Phật: "Bạch đức Thế-Tôn! Trên đời này cái gì tăm tối nhất? Cái gì tội lỗi nhất?"

Đức Phật trả lời: "Lòng dạ ngu si không biết phân định chánh tà là tăm tối nhất. Không tin nhân quả, luân hồi, nghiệp báo là nguồn gốc sanh ra tội lỗi nhất".

Có tin nhân quả, luân hồi, nghiệp báo mới thấy được cội nguồn tội phước, mới chuyển bước hướng thiện, mới tìm thấy ánh sáng chân lý cuộc đời, mới giải tỏa được bao nỗi ưu tư thắc mắc của tâm thức, và mới thực sự liễu giải mọi hiện tượng sanh diệt chuyển biến thịnh suy của thế nhân.

Nhân quả, luân hồi, nghiệp báo bao trùm và chi phối muôn loài vạn vật. Thế nên tất cả những hiện tượng nhân sanh vũ trụ thăng trầm sanh diệt không ngoài luật nhân quả. Tin hiểu nhân quả, luân hồi, nghiệp báo là chìa khóa khai mở kho tàng bí ẩn thâm kín thâm sâu của kiếp người, là đài gương quán chiếu giải tích mọi hiện tượng nhân sanh vũ trụ. Một khi đã hiểu rõ và tin sâu đạo lý nhân quả, luân hồi, nghiệp báo, con người không còn thắc mắc về thân phận mình và hoàn cảnh tha nhân.

Nhân quả, luân hồi, nghiệp báo là quỹ đạo, là mấu chốt cho những hệ quả hiện tượng dây chuyền thiên chuyển biến dịch của các pháp, là hiện trạng hiển hóa sanh sanh diệt diệt thăng trầm chuyển kiếp của hữu tình chúng sanh

đời này sang đời khác. Mọi hiện tượng của kiếp người trong vũ trụ thăng trầm tan hợp chỉ là sự thay hình đổi lớp hệ lụy theo nghiệp nhân quả báo, chứ bản chất cốt tủy của nó không bao giờ mất. Như sóng biển lặn nơi này nổi nơi khác. Nhà bác học Lavoisier (1743-1794) đã nói: "Mọi hiện tượng trên đời không có gì còn mãi, cũng không có gì vĩnh viễn mất".

Đức Phật đã thấu suốt diệu lý chơn thường của vạn pháp, nên trên đường giáo hóa độ sanh, Ngài đã bao lần giải đáp thắc mắc cho thính chúng đệ tử. Ngài thường dẫn chứng đạo lý nghiệp quả, luân hồi, nhân duyên, tiền kiếp. Nhờ đó mà thính chúng thấu rõ mọi hiện tượng sinh sinh hóa hóa, giải tỏa nghi hoặc, tiến tu, thể nhập diệu lý Đại-thừa.

Do công đức tu hành mà đức Phật có được trí huệ giác ngộ, thấu suốt chân lý vũ trụ nhân sanh. Nhờ giới thể thanh tịnh mà đức Phật có huệ nhãn suốt thấy các kiếp chúng sanh biến chuyển đổi dời từ thời quá khứ sang thời hiện tại và tiếp diễn đến đời vị lai. Ngài là người bộ hành đã lên đến đỉnh núi giác ngộ, ngồi thưởng thức trăng thanh gió mát với quầng trời giải thoát bao la, rồi nhìn lại quầng đời đầy sông núi suối đèo ghềnh thác chông gai mà mình đã trải qua. Ngài thấu suốt tất cả ngọn ngành uẩn khúc của kiếp chúng sanh trong sáu nẻo luân hồi. Trong lúc đó, chúng sanh nghiệp chướng sâu dày, sống trong vô minh vọng thức, tội lỗi chất chồng. Do tà tâm vọng tưởng, nên phiền não dày vò, phàm tánh cuốn lôi, lạc lối trong rừng núi thâm u đầy bất trắc. Kiếp người như thuyền nan trong biển cả đầy hiểm nguy không địa bàn để tìm ra định hướng.

Tuy đức Phật đời đời thương xót gọi kêu chúng sanh thức tỉnh, tiếng pháp âm không ngừng vang vọng, nhưng chúng sanh không thức liễm thân tâm, cứ mãi mê say đắm trong ngũ dục lạc trần gian mộng huyễn. Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, đức Phật nói: "Mười phương các đức Như-Lai đời đời thương xót chúng sanh như mẹ hiền thương con nhỏ, lúc nào cũng muốn giúp đỡ cho con nên người sáng suốt an vui. Nhưng con cứ tìm cách trốn tránh mẹ, thì cho dù mẹ có thương con đến mấy đi nữa, cũng không cách nào giúp đỡ con được. Mẹ tìm con mà con cứ mãi trốn mẹ, thì mẹ con đời đời xa cách!" Chư Phật Bồ-Tát luôn luôn mang từ bi trí huệ an lành hướng về chúng sanh, như mặt trời lúc nào cũng trải nguồn sáng ấm cho vạn vật. Nhưng có những võ cây sanh trong kẹt đá, những sinh vật sống trong rừng thẳm biển sâu thì không thể nào tiếp nhận được nguồn sáng ấm của mặt trời.

Kiếp người diễn biến từ đời này sang đời khác vô cùng tận, như lượn sóng trên đại dương, chỉ có trí huệ giác ngộ của Phật mới kiểm chứng được số

lượng kiếp kiếp. Và chỉ khi nào đạt quả Vô-thượng Bồ-đề mới chấm dứt kiếp luân lưu sanh tử từ thời quá khứ sang thời hiện tại.

Bàng bạc khắp trong tam tạng kinh điển, hằng hà sa số mẫu truyện, đức Phật thường nhắc đến sự liên hệ giữa Ngài và các đệ tử, giữa chúng sanh và Ngài trong những kiếp quá khứ.

Trong tâm nguyện đền ơn giáo hóa muôn một của đức từ phụ Thế-Tôn và cũng để giúp tư liệu cho những ai muốn biết phần nào về những kiếp quá khứ của đức Phật, do vậy, tỳ kheo Quê Mùa tôi không ngại tài hèn đức bạc, mạo muội soạn dịch một ít truyện trong muôn ngàn truyện tiền thân của đức Phật, để công hiến quý hiền giả.

Nơi đây, tôi chân thành tán thán công đức Phật tử Trần-Hải-Hùng - Pháp danh Chơn Lạc, và Vương-Mỹ-Linh - Pháp danh Diệu Tâm, đã phát tâm Bồ-đề hiến cúng tịnh tài để cho tập *Lược Truyện Tiền Thân Đức Phật* này đủ duyên tái bản hầu kết thiện duyên Bồ-đề cùng bạn lành bốn phương.

Nguyện đem công đức này cầu nguyện Phật tử Chơn Lạc và Diệu Tâm cùng gia đình thường được bình an, đồng thời hồi hướng đến tứ trọng ân và pháp giới chúng sanh đều được an lành, sớm phát tâm Bồ-đề quy-y Tam-Bảo, liễu ngộ chánh pháp Đại-thừa, đạt thành đạo quả giải thoát.

Hoa-Kỳ, Vu-Lan Mậu Dần - 1998
Thích Đức Niệm

---o0o---

Thái Tử Nhẫn Nhục Khải

Trong kinh Thiên Bí Yếu Pháp, A-Nan thuật lại rằng: Một thuở nọ, đức Phật cùng với chúng đệ tử tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người đang ở nước Xá-Vệ trong vườn Cấp-Cô-Độc, rừng cây thái tử Kỳ-Đà, thì tôn giả Ma-Ha Ca-Diếp dẫn người đệ tử của mình tên là A-Kỳ Đạt-Đa đến ra mắt dâng lễ đức Phật, rồi thưa: "Bạch đức Thế-Tôn! A-Kỳ Đạt-Đa theo con tu học trọn hạnh đầu đà, ngày đêm tinh tấn trải đã 5 năm, tâm an trụ thâm sâu thiền định, đạt được đạo quả A-na-hàm. Ông tiếp tục cố gắng hết sức để đạt đạo quả A-la-hán mà không thể đạt tới được. Ông khẩn cầu tha thiết xin phương pháp tu để đạt được quả Thanh-văn tối hậu. Con nhập định quán sát thì thấy ông còn vướng mắc nghiệp chướng khó mà đạt đến đạo quả A-la-hán như ông mong muốn. Nhưng A-Kỳ Đạt-Đa nhất quyết phải đạt cho kỳ

được quả vị cùng tột Thanh-văn, dù phải bỏ thân mạng, chứ nhất định không cam chịu lưu trệ ở quả A-na-hàm. Con thấy đạo lực của con không thể giúp ông đạt thành tâm nguyện, nên con dẫn ông ấy đến đây cầu xin Thế-Tôn từ bi gia hộ khai thị cho ông tỏ ngộ, để ông đạt thành sở nguyện".

Tôn giả Ma-Ha Ca-Diếp vừa dứt lời thì A-Kỳ Đạt-Đa liền đánh lễ quỳ gối chấp tay khấn thiết bạch Phật: "Kính lạy đức thiên nhân Đạo-Sur, mong Ngài từ bi thương xót khai đạo cho con. Không biết bởi nghiệp chướng gì ngăn ngại con phải bị ngưng trệ nơi quả A-na-hàm mà không tiến lên được đạo quả A-la-hán, dù con hết tâm lực tu hành!"

Đức Phật từ hòa bảo A-Kỳ Đạt-Đa rằng: "Lành thay A-Kỳ Đạt-Đa! Ông hỏi việc ấy! Vậy ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ vì ông mà giải nói: Thuở đời quá khứ vô lượng kiếp về trước, lúc đó có đức Phật Đại-Quang-Minh ra đời thuyết pháp độ vô số chúng sanh. Thời bấy giờ có Quốc-vương nước Ba-La-Nại tên là Phạm-Ma-Da, thái tử của quốc vương này là Nhãn-Nhục-Khải. Thái tử Nhãn-Nhục-Khải tin sâu Phật Pháp, không sát sanh, chuyên tâm tu Thập Thiện, thực hành sáu pháp Ba-la-mật, chí thành hành đạo, không thiết ngôi vua cao quý, chỉ một lòng nguyện đạt đạo quả Vô-thượng Bồ-đề.

Trong nước có ông trưởng giả tên là Nhật-Nguyệt-Âm giàu sang phú quý, tài sản có đến hàng trăm, nhưng ông chỉ có người con trai độc nhất bỗng nhiên phát bệnh đại nhiệt phong nhập tâm, lòng sân hận bộc phát cuồng loạn mất trí, cầm dao chạy vào xóm làng tìm người chém giết. Ông trưởng giả thấy con điên loạn như thế rất đổi buồn lo. Vì quá thương con, nên ông bùng lư trầm khói hương nghi ngút đi khắp bốn cửa thành rải hoa phát nguyện: "Nếu thế gian này có vị thần tiên lương y, thánh nhân nào cứu được con tôi lành bệnh, thì tôi nguyện đem hết tất cả của cải sở hữu dâng hiến không một chút luyện tiếc".

Đang lúc đó, thái tử Nhãn-Nhục-Khải ra thành dạo chơi, thấy đại trưởng giả vì quá thương con, mà phát nguyện xả bỏ hết tài sản không chút tiếc nuối, thái tử thấy vậy động lòng từ tâm về mối tình thâm phụ tử, nên chấp tay ngược mặt lên trời thâu nguyện rằng: "Hỡi những đấng thần linh tiên nhân lương y thần dược, nên vì tình phụ tử của trưởng giả kia mà ra tay đến cứu hộ công tử".

Thái tử Nhãn-Nhục-Khải thành tâm khấn vái vừa dứt lời, Đại tiên nhân Nhựt-Quang đang tu trên núi tuyết cảm đức thái tử, liền rời chỗ mình bay

đến nói với trưởng giả: "Bệnh của công tử do đại nhiệt phong khởi đã nhập tâm, nên phát cuồng. Theo kinh tiên dạy thì phải lấy huyết của người hiền đức tu hạnh nhân nhục thoa vào mình công tử và lấy tủy của người thiện tâm độ lượng cho công tử uống thì mới lành bệnh được".

Vừa nghe Đại tiên nhân nói xong, trưởng giả lo buồn suy nghĩ. Thái tử Nhẫn-Nhục-Khải thấy dáng điệu lo rầu đau khổ của trưởng giả, nên cảm thông liền hỏi: "Trưởng giả có việc chi nan giải mà ưu tư lắm vậy?"

Trưởng giả đáp: "Thưa thái tử! Đại tiên nhân Nhựt-Quang sau khi xem bệnh con tôi rồi bảo cho tôi biết rằng, muốn hết bệnh thì phải lấy huyết người tu hạnh nhân nhục thoa vào thân nó, và lấy tủy người nhân từ tán nhỏ cho nó uống thì bệnh mới khỏi". Tôi đang nghĩ cách nào để lấy tủy huyết của chính tôi để cho con tôi mau lành bệnh thì tôi mới an lòng.

Thái tử Nhẫn-Nhục-Khải an ủi trưởng giả: "Tôi nghe kinh Phật dạy rằng, chúng sanh nào làm khổ cha mẹ thì sẽ bị đọa vào ác đạo". Nay trưởng giả vì thương con mà cắt thịt lấy huyết chẻ xương lấy tủy, hủy hoại thân thể như vậy, công tử sẽ phải bị đọa trong ba đường khổ biết bao giờ mới ra khỏi. Thôi, tôi xin làm việc đó thay cho trưởng giả để cho công tử sớm được lành bệnh. Nói xong, thái tử tay cầm dao nhọn đâm vào mình lấy huyết và tủy cho con ông trưởng giả. Được huyết tủy của thái tử Nhẫn-Nhục-Khải thì công tử liền hết bệnh.

Riêng về thái tử, sau khi tự tay cắt mình lấy huyết, chẻ xương lấy tủy cứu bệnh, thì trời đất rung động sáu lần, vua trời Đế-thích, Phạm-Thiên và vô số Thiên-tử kéo nhau đến chỗ thái tử đồng thanh ca ngợi tinh thần đại-hùng-lực đại-từ-bi của thái tử, và hỏi thái tử rằng: "Vì lòng từ bi cứu người mà hy sinh không tiếc thân mạng, hay vì muốn cầu được làm Phạm-Vương, Chuyển-Luân Thánh-Vương, cầu sanh về cõi Trời hưởng phước lạc?"

Thái tử nói với trời Đế Thích: "Tôi chỉ nhứt tâm cầu đạo quả Vô-thượng Bồ-đề. Nếu nguyện tôi thành thì xin cho thân thể tôi được hoàn nguyên như cũ". Thái tử vừa dứt lời, thân thể hoàn nguyên như trước, lại còn có phần khỏe đẹp hơn xưa. Liền đó thái tử nói kệ:

*Nguyện khi tôi thành Phật
Phổ độ khắp trời người
Thân tâm không quản ngại
Lòng thương giúp tất cả*

*Đều được trụ Niết-bàn
Được an lành vĩnh viễn.*

Thái tử nói kệ xong, chư Thiên mưa hoa cúng dường, lại đem nhiều châu báu đến hiến cúng thái tử.

Ông trưởng giả thấy con mình lành bệnh, liền cho người chở hết vàng bạc châu báu đến dâng tặng cho thái tử để tỏ lòng đền ơn. Thái tử đem hết của báu đó bố thí khắp tất cả mọi người.

Đức Phật nói đến đây, xoay về tôn giả Ma-Ha Ca-Diếp mà bảo rằng: "Này Ca-Diếp! Vua nước Ba-La-Nại khi xưa đó không ai khác, chính là tiền thân của Phụ-vương ta ngày nay. Còn trưởng giả Nguyệt-Âm xưa kia chính là tiền thân Ma-Ha Ca-Diếp ông ngày nay đó. Người con ông trưởng giả thời đó chính là tỳ-kheo A-Kỳ Đạt-Đa đây. Vua trời Đế-Thích chính là ông Xá-Lợi-Phát ngày nay. Còn thái tử Nhẫn-Nhục-Khải chính là Thích-Ca ta đây vậy".

---o0o---

Xá-Lợi-Phát Niết Bàn Trước Phật

Khi biết đức Phật sắp vào Niết-bàn, tôn giả Xá-Lợi-Phát đã tận dụng khả năng thần thông trí huệ của mình giáo hóa vô số người phát tâm Bồ-đề tu học đạo giác ngộ, rồi chính tôn giả đến trước đại chúng nói lớn rằng: "Thưa chư đại chúng! Tôi không yên lòng nhìn thấy cảnh đức Như-Lai vào Niết-bàn". Nói xong, tôn giả Xá-Lợi-Phát bay lên hư không dùng lửa thần thông tự thiêu đốt mình, làm sáng rực cả bầu trời mà vào Niết-bàn.

Trước cảnh tượng lạ lùng khiến cho đại chúng ai nấy đều xúc động bàng hoàng thương tiếc, trầm lặng nhìn nhau, lắc đầu não ruột thâm than. Để giải tỏa không khí yên lặng nặng nề bao trùm nỗi hoài nghi trong lòng đại chúng, tôn giả A-Nan từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước pháp tòa đánh lễ đức Phật rồi kính cẩn thưa: "Bạch đức Thế-Tôn! Tại sao tôn giả Xá-Lợi-Phát lại vội vàng dùng lửa thần thông nhập diệt trước đức Thế-Tôn, việc làm khiến cho đại chúng đều sững sốt xót xa thương tiếc như vậy? Cúi mong đức Thế-Tôn rủ lòng thương xót, vì giải tỏa sự nghi ngờ của đại chúng và chúng sanh đời sau mà giảng nói cho".

Đức Phật dạy rằng: "Này A-Nan! Chẳng những chỉ ngày nay Xá-Lợi-Phát nhập diệt trước khi Như-Lai vào Niết-bàn đâu, mà nhiều kiếp về trước ông ấy cũng đã làm như vậy rồi".

A-Nan thưa: "Bạch đức Thế-Tôn! Trong những kiếp quá khứ tôn giả Xá-Lợi-Phất cũng đã từng làm như thế, vậy việc ấy ý nghĩa như thế nào? Cúi xin đức Thế-Tôn đủ lòng từ bi giảng nói những nguyên nhân sâu xa đó để cho Đại-chúng dứt mọi nghi ngờ".

Đức Phật bảo A-Nan rằng: "Này A-Nan! Ông hãy lắng nghe cho kỹ, cách đây hơn một kiếp A-tăng-kỳ, có vị quốc vương tên là Đại-Quang-Minh tu hạnh bố thí không nghịch ý. Hằng tháng nhà vua cho voi ngựa xe cộ chở thức ăn áo quần thuốc men đồ dùng ra bốn cửa thành bình đẳng bố thí cho những người thiếu thốn. Dân chúng các tiểu quốc đều đến nhận lãnh đồ bố thí của nhà vua. Đức bố thí của vua Đại-Quang-Minh đã khiến cho dân chúng bốn phương đều được ấm no, đất nước thái bình thịnh trị. Tiếng thơm đồn xa, khắp thiên hạ nức lòng ca ngợi ân đức của nhà vua. Lúc bấy giờ có vị Tiểu-vương nước láng giềng thấy sự thịnh trị hùng cường của nước Ba-La-nại và vua Đại-Quang-Minh được khắp nhân gian bốn phương thiên hạ tôn sùng ân đức như cha mẹ, nên đem lòng ganh ghét oán thù.

Vị Tiểu quốc vương nước láng giềng này biết vua Đại-Quang-Minh tu hạnh bố thí bất nghịch ý, nên đã triệu tập quần thần hỏi rằng: "Này các khanh! Trong các khanh ai là người có thể vì ta đến kinh đô nước Ba-La-Nại để xin đầu nhà vua Đại-Quang-Minh đem về đây, ta sẽ trọng thưởng chức đệ nhất quan đầu triều và ngàn cân vàng". Quần thần đều im lặng, không ai dám nhận lãnh sứ mạng nguy hiểm ấy cả. Trước sự im lặng đó, khiến cho Tiểu-vương thất vọng buồn bực vô cùng.

Sau đó, Tiểu-vương lại truyền lại khắp trong nước rằng, ai đến thành Ba-La-Nại xin được đầu vua Đại-Quang-Minh đem về thì sẽ được trọng thưởng mười ngàn cân vàng. Lúc ấy có người Bà-la-môn nghe được phần thưởng quá to lớn như vậy sanh lòng tham, nên đã yết kiến Tiểu-vương, xin nhận lãnh sứ mạng đó. Tiểu-vương vô cùng mừng rỡ, liền ra lệnh cấp lương thực ngựa xe và thúc dục người Bà-la-môn gấp rút lên đường. Trải hơn tháng trời lên núi trèo đèo vượt rừng băng suối, người Bà-la-môn mới đến được nước Ba-La-Nại.

Khi người Bà-la-môn đến trước cửa thành Ba-La-Nại thì quả đất bỗng nhiên chấn động nứt nẻ, bầu trời u ám lạnh buốt, chim muông sợ hãi bay tứ tán, mặt trăng lu mờ, sao băng, tinh tú chuyển động mất vị trí, suối hồ ao giếng cạn khô, hoa quả héo sâu, cây lá vàng úa rơi rụng, hiện tượng tiêu điều thảm hiển bày khắp cả nước Ba-La-Nại, khiến cho dân chúng kinh hãi lo âu.

Lính gác cửa thành thấy kẻ lạ Bà-la-môn vừa đến thì xuất hiện nhiều hiện tượng suy đồi kinh hoàng, nên hỏi người Bà-la-môn về xuất xứ từ đâu và mục đích đến đây để làm gì? Người Bà-la-môn kể lể nỗi cực khổ đã trải qua trên đường đi từ tiểu quốc lân bang đến đây. Và y đến chỉ mong được yết kiến vua Đại-Quang-Minh để trình bày việc quan trọng. Dù mấy lần quan giữ cửa gạn hỏi việc quan trọng ấy là việc gì, người Bà-la-môn vẫn giữ bí mật không nói ý định của mình, mà chỉ nằng nằng nài nỉ xin được yết kiến Đại-vương. Lính gác cửa thành vẫn quyết không cho vào. Người Bà-la-môn quyết tâm đứng ngoài cửa thành suốt bảy ngày đêm, và cuối cùng nói sự thật ý định của mình là, nghe Đại-vương Quang-Minh tu hạnh bố thí bất nghịch ý, tiếng thơm đồn xa, nên đến đây ra mắt để được xin cái đầu của Đại-vương.

Vừa nghe, quân lính gác thành nổi khí xung thiên, giận dữ đánh đuổi quát mắng, nếu không có sự can gián kịp thời thì người Bà-la-môn không toàn tánh mạng. Thấy vậy, viên tướng ngự lâm quan đem việc xảy ra ngoài cửa thành trong bảy ngày qua tâu với vua Đại-Quang-Minh. Nhà vua nghe kể xong đầu đuôi câu chuyện, liền hạ lệnh quân gác cửa thành cho người Bà-la-môn vào triều ra mắt.

Người Bà-la-môn quỳ trước bệ rồng giả vờ khóc lóc kể lể về nỗi khổ cực hiểm nguy trên đường đi, nỗi nhục nhã bị quân lính giữ thành hành hạ bảy ngày qua. Người Bà-la-môn tiếp tục lay lục lia lịa, khóc than khẩn thiết thưa: "Dù vậy cũng không quản ngại. Kẻ tiện dân này từ xa đến đây được yết kiến Đại-vương là vạn phúc lắm rồi! Dù có bao khổ nhục đi nữa cũng chẳng đáng gì. Chỉ mong Đại-vương thương tình hứa khả cho xin một điều duy nhất thôi, thì kẻ tiện dân cũng thỏa nguyện lắm rồi".

Vua Đại-Quang-Minh phán rằng: "Điều gì, nhà ngươi cứ nói tự nhiên, đừng e sợ".

Người Bà-la-môn vận dụng khổ nhục kế thiêu não với giọng khẩn thiết run run thưa: "Tâu Đại-vương! Đức độ nhân từ cao cả của Đại-vương rộng lớn vang lừng bốn phương thiên hạ đều tôn sùng ngưỡng mộ bái phục. Hạnh tu bố thí bất nghịch ý của Đại-vương mười phương thánh thần trời đất đều chứng giám. Đức độ nhân từ của Đại-vương chỉ có một không hai trên đời. Tiện dân từ vạn dặm lặn lội gian nan, cam chịu vô cùng cực khổ đến đây, chỉ mong được Đại-vương mở lượng hải hà mà bố thí đầu của Đại-vương, thì ơn mưa móc cứu nhân độ thế của Đại-vương, thật vô lượng vô biên, tiện dân này nghìn triệu kiếp ghi xương khắc cốt không dám quên".

Người Bà-la-môn vừa dứt lời, các vị đại thần nhìn nhau, nhao nhao lớn tiếng, nổi giận, cảm tức cực độ. Muốn lôi cổ người Bà-la-môn ra chém đầu ngay.

Nhưng vua Đại-Quang-Minh vẫn thái độ ung dung trầm tĩnh từ hòa can gián quần thần: "Này các khanh! Các khanh đừng làm nghịch ý người".

Rồi nhà vua quay sang dùng lời hiền hòa an ủi người Bà-la-môn. Người Bà-la-môn được thể lại tỏ ra thảm não khẩn thiết quỳ tâu tiếp: "Muôn tâu Thánh-lượng! Ân đức bố thí bất nghịch ý của Thánh-thượng bốn phương thiên hạ xa gần ai nấy cũng nức lòng khâm phục ca tụng tôn sùng ngưỡng mộ. Cho dù kẻ tiện dân này có chịu gian nan mất mạng mà được Đại-vương bố thí bất nghịch ý, thì kẻ tiện dân này còn gì sung sướng phước đức cho bằng".

Nghe người Bà-la-môn nói xong, nhà vua trầm tư suy nghĩ: Từ vô thi kiếp đến nay, ta đã bao lần sanh tử tử sanh cũng chỉ vì tham tiếc cái thân này. Nay ta vì hoàn thành hạnh nguyện bố thí bất nghịch ý, để cầu đạo quả Vô-thượng Bồ-đề phổ độ chúng sanh, thì có xá gì cái thân ô uế giả tạm này mà tiếc? Suy nghĩ một hồi, rồi nhà vua nói với người Bà-la-môn rằng: "Người yên tâm, không có gì trở ngại. Ta sẽ làm cho người toại nguyện. Xin hãy chờ ta trong vòng bảy ngày để ta có thời gian sắp đặt người giao phó ngôi vua, phu nhân, thái tử và quốc thành, rồi ta sẽ tặng đầu ta cho".

Quần thần và phu nhân, thái tử cùng hoàng tộc nghe nhà vua quyết định đem đầu cho người Bà-la-môn, tất cả đều vô cùng xúc động bỏ ăn mất ngủ lẫn lộn khóc lóc thở than, tìm đủ mọi cách can gián nhà vua nên bỏ ý định. Cùng lúc ấy, hơn năm trăm vị đại thần uất hận đau khổ đập mình xuống đất than thở, họ muốn phanh thây nuốt sống người Bà-la-môn kia. Họ hỏi tại sao người Bà-la-môn không xin châu ngọc vàng bạc quý báu mà lại cứ nằng nằng nài nỉ xin cho được cái đầu máu mủ làm gì? Họ thương lượng với người Bà-la-môn muốn đổi cái đầu làm bằng bảy thứ báu kim cương thay vì đầu của nhà vua, để cho người Bà-la-môn được giàu sang đời đời. Nhưng thuyết phục dẫn dụ thế nào đi nữa, người Bà-la-môn cũng đều từ chối, chỉ nhất quyết xin cho được cái đầu của vua Đại-Quang-Minh mà thôi.

Mặc dù quần thần, phu nhân, thái tử và hoàng tộc khóc lóc lay lụy van xin, nhưng nhà vua lòng đã quyết nói: "Nay ta vì các người và hết thảy chúng sanh mà xả thân bố thí, không vì lý do gì làm ngăn cản hạnh nguyện bố thí bất nghịch ý của ta".

Nói rồi, nhà vua chấp tay thành kính hướng về bốn phương đánh lễ phát nguyện: "Kính lạy mười phương chư Phật, chư vị Bồ-Tát từ bi thương xót chứng minh gia hộ cho con được trọn thành hạnh nguyện". Nói xong, tạy tay cất lấy đầu trao cho người Bà-la-môn. Ngay lúc đó, trời đất rung động, trên hư không nhạc trời chúc tụng, mưa hoa rải khắp trên mình nhà vua.

Đang trong lúc nhà vua thành tâm lễ lạy mười phương, phát nguyện thực hành hạnh bố thí bất nghịch ý, thì trong quần thần có vị đệ nhất quan đầu triều không nhẫn tâm nhìn thấy cảnh tượng đau lòng của nhà vua xả thân cất đầu bố thí một cách đau đớn, nên vội vào phòng riêng một mình tự sát trước khi vua Đại-Quang-Minh thực hành tâm nguyện đầu. Và trải qua nhiều kiếp, tôn giả Xá-Lợi-Phất thực hành tâm nguyện chết trước ta như thế, chứ nào phải chỉ riêng trong kiếp này!"

Nói đến đây, đức Phật bảo ngài A-Nan rằng, vị quan đệ nhất đại thần đó chính là tiền thân Xá-Lợi-Phất. Kẻ Bà-la-môn kia là tiền thân Đề-Bà Đạt-Đa. Còn vua Đại-Quang-Minh chính là tiền thân của Thích-Ca Như-Lai ta đây vậy.

---o0o---

Cắt Thịt Nuôi Cha Mẹ

Thuở quá khứ vô lượng kiếp A-tăng-kỳ nhằm vào thời đức Phật Tỳ-Bà-Thi ra đời. Lúc ấy, có vị vua hiệu là Đức-Phạm. Nhà vua thân hình tốt đẹp, tâm tánh nhân từ đức hạnh, công bình chánh trực, dùng chánh pháp trị quốc, được nhân dân kính mộ, nhà nhà sung túc, hạnh phúc hòa vui, thiên thần địa kỳ thấy đều ủng hộ.

Vua Đức-Phạm và hoàng hậu Diệp-Đầu-Đàn sanh được một thái tử tên là Tu-Xà-Đề, thân hình sáng láng, sắc vàng kim. Thái tử tuổi vừa mười bảy, hiển lộ tướng mạo khôi ngô anh tuấn, tánh tình thuần hậu, tâm lượng từ bi cương trực được vua cha yêu quý, hoàng triều dân chúng ai ai cũng mến mộ đức hạnh của thái tử.

Một hôm, vua Đức-Phạm đang ngủ mơ nghe có tiếng gọi rằng: "Nhà vua phải cấp tốc lánh nạn, có nghịch thần La-Hầu làm loạn, muốn sát hại vua. Vậy phải mau chân thì mới thoát nạn". Nhà vua giật mình thức giấc, bán tín bán nghi, trong lúc bàng hoàng trầm ngâm tâm thần bối rối, thì trên hư

không lại có tiếng vang vọng thúc dục: "Nhà vua phải gấp rút ẩn thân, bằng chậm trễ sẽ không hoàn tánh mạng!"

Vua Đức-Phạm kinh hãi, toàn thân toát mồ hôi, dựng cả chân lông, tâm trí giao động cực độ, lòng đầy phiền não bối rối, té xỉu xuống đất bất tỉnh, hoàng hậu và thái tử phải đỡ dậy, đắp khăn nước, hồi lâu vua mới tỉnh.

Thế rồi vua, hoàng hậu và thái tử gấp rút âm thầm rời cung thành đi lánh nạn. Trong lúc tâm trí bán loạn, đi lầm phải con đường dài xa đầy gập ghềnh chông gai, nên đã hơn nửa tháng trời rồi mà chưa đến nước láng giềng. Lương thực đã cạn, cả ba người đều đói lả, cái chết lảng vảng trước mắt. Nhà vua định giết hoàng hậu để nuôi sống mình và thái tử. Thừa lúc hoàng hậu đói khát mệt lả ngã lả bất tỉnh ngủ mê, vua Đức-Phạm tay run run nhẹ rút gươm định chém hoàng hậu. Tay cầm thanh gươm vừa đưa lên, thì ngay lúc đó, thái tử Tu-Xà-Đề giật mình thức giấc, mở mắt thấy vua cha run lập cập thất sắc trong thái độ bất bình thường với cử chỉ khác thường, thái tử kinh hãi chụp lấy tay vua quỳ gối thưa:

- Thừa Phụ-vương! Phụ-vương định làm gì mà có cử chỉ kỳ lạ như thế này?

- Con ơi! Việc bất đắc dĩ, không dấu gì, ta định hy sinh mẹ con để lấy thịt nuôi sống cha con ta qua cơn hoạn nạn này, để đến nước láng giềng chờ ngày phục quốc.

- Thừa Phụ-vương! Con không muốn thấy việc đó xảy ra. Thừa Phụ-vương! Xưa nay chưa có sách thành hiền nào dạy con ăn thịt cha mẹ để sống bao giờ. Thà chết chứ con không thể nào nhìn thấy làm điều bất hiếu bất nhân như vậy.

- Con ơi! Con là con mắt của ta, là máu huyết ta, là nguồn sống của hoàng tộc ta! Xưa nay có ai ăn con mắt của mình, uống máu huyết của mình, và đoạn diệt giống nòi mình bao giờ?

- Thừa Phụ-vương! Con nguyện ngày ngày tự tay cắt thịt của con để dâng Phụ-vương và Mẫu-hậu dùng cho đến khi nào con tắt thở mà thân con còn thịt thì lúc đó xin Phụ-vương và Mẫu-hậu cứ tiếp tục lóc thịt con dùng để sống cho qua cơn ngặt nghèo, hầu mong đến nước láng giềng chờ ngày thực hiện quang phục tổ quốc.

Nói xong, thái tử liền lấy dao cắt thịt dâng cho cha mẹ. Mỗi ngày cắt thịt dâng cha mẹ như thế cho đến một ngày nọ thịt gần hết thái tử kiệt sức, té sấp

xuống đất, vua và hoàng hậu đau lòng nhìn con mà kêu than khóc nức nở. Thái tử cố lấy sức trong hơi thở yếu tàn khuyên vua và hoàng hậu nên bình tĩnh tiếp tục cắt thịt mình dùng để tiếp tục cuộc hành trình lánh nạn, chớ nên quá xúc động mà lụy đến sức khỏe, sẽ hỏng đại cuộc.

Trong lúc vua và hoàng hậu còn đang dùng dằng bịn rịn đi không đành, thái tử cố lấy hết sức tàn, khuyên vua cha và hoàng hậu phải nên đi gấp rút, nếu không thì lại thiếu thức ăn cả ba đều đói chết dọc đường, trước khi đến nước láng giềng. Vua và hoàng hậu đau lòng òa khóc, đành đoạn chân thấp chân cao từng bước nặng nề, dắt nhau đi đã xa mà vẫn còn ngoảnh lại nhìn thái tử với cõi lòng đau thắt. Thái tử nhìn theo bóng mờ của cha mẹ trong hơi thở tàn cho đến khi khuất dạng.

Bấy giờ thái tử Tu-Xà-Đề một mình giữa rừng sâu, chỉ còn hơi thở thoi thóp trong bộ xương đầy máu mủ với mùi hôi tanh xông lên, khiến cho các loài ruồi nhặng kiến dòi bu lại rút tia cái thân xương trắng máu đào của thái tử. Thái tử cố lấy hết sức tàn phát hùng tâm thệ nguyện: "Nguyện đời trước đời này lỡ làm những điều oán ác vay trả thì xin dứt sạch từ nay. Xương thịt thân này còn lại xin bố thí cho các loại chúng sanh thọ dụng. Nguyện đem thân này cúng dường cha mẹ mong cha mẹ được mười điều hạnh phúc: 1- Khi ngủ cũng như lúc thức, ngày đêm được an vui. 2- Không thấy ác mộng. 3- Chư thiên thường ủng hộ. 4- Mọi người đều ái kính. 5- Không gặp những sự kiện tụng. 6- Không bị trộm cướp. 7- Không bị giặc dã. 8- Không bị mưu hại. 9- Không bị oán cừ thù nghịch tàn hại tiêu diệt. 10- Gặp việc gì cũng đều được thuận lợi tốt lành".

Khi thái tử Tu-Xà-Đề phát nguyện như thế rồi, trời đất sáu phen rung động, sóng biển nổi dậy, núi Tu-di khuynh đảo, cõi trời Đao-Lợi rung chuyển. Lúc bấy giờ vua trời Đế-Thích thấy điềm lạ, nên dùng thần lực quán sát biết rõ sự việc, liền đem chư Thiên cõi trời Dạ-cấp xuống thế giới Ta-bà này, đến chỗ thái tử Tu-Xà-Đề hóa làm sư-tử hổ lang ra oai hùng hổ muốn nhảy đến vồ bắt ăn tươi nuốt sống, để xem thái tử có khiếp sợ không? Nhưng thái tử Tu-Xà-Đề vẫn thản nhiên hiền hòa bảo các loài sư-tử hổ lang rằng: "Các ngươi muốn ăn thịt ta thì cứ tùy ý, chớ sao lại có thái độ hùng hổ hung tợn như thế làm chi?"

Liền khi đó vua trời Đế-Thích hiện nguyên hình và nói với thái tử rằng: "Ta không phải là loài lang sói sư-tử hổ báo mà là trời Đế-Thích hóa hình đến đây để thử lòng ngươi. Vậy nhà ngươi hy sinh thân mạng để cúng dường cha

mẹ, bố thí cho chúng sanh là vì để cầu làm Thiên Ma Vương, Phạm-vương, Thiên-vương, Nhân-vương hay Chuyển-luân Thánh-vương?"

Thái tử Tu-Xà-Đề đáp: "Thưa vua trời Đế-Thích, tôi chỉ có một điều cầu mong duy nhất là đắc đạo quả Vô-thượng Bồ-đề, để độ thoát tất cả chúng sanh".

Vua trời Đế-Thích lại nói: "Người thật là quá u ngu dại! Đạo quả Vô-thượng Bồ-đề cần phải nhẫn nhục khổ lắm, lại dụng công tu hành rất lâu mới được, làm sao người có thể đủ sức chịu đựng nỗi sự cần khổ đó?"

Thái tử đáp: "Giả sử đặt vòng sắt nung đỏ trên đầu để cầu đạo Vô-thượng Bồ-đề, ta cũng chẳng thối tâm".

Vua trời Đế-Thích: "Đó chỉ là lời nói suông, lấy gì làm bằng chứng cho tâm chân thành của nhà người?"

Thái tử Tu-Xà-Đề liền lập nguyện: "Nếu tôi dối lòng với Thiên-Đế-Thích thì thân thể tôi sẽ mãi mãi bị chia lìa đau khổ như thế này cho đến ngày mục nát thành cát bụi. Ngược lại, nếu tôi thành tâm thật lòng, thì xin cho thân tôi được bình phục tốt đẹp hơn xưa".

Lời phát nguyện vừa xong, thân thể thái tử Tu-Xà-Đề bình phục như cũ, tướng mạo tốt đẹp hơn trước.

Thấy hiện tượng quá nhiệm mầu như vậy, vua trời Đế-Thích và các thiên thần bay lên hư không đồng cất tiếng ca ngợi:

*Cao cả thay! Lòng tinh tiến
Tâm dũng mãnh thần tiên kính phục
Vô-thượng Bồ-đề chẳng còn mấy lúc
Xin đoái thương trước độ chúng tôi.
Ngài sẽ là Đạo sư ba cõi trời người
Đế-thích xin nhờ ngôi Vô-thượng-giác.*

Nói về vua Đức-Phạm và hoàng hậu từ ngày đau lòng phải từ biệt thái tử, đã lần lượt đến được nước láng giềng trình bày rõ sự tình, khiến vị Quốc-vương nước này vô cùng cảm động lấy lễ quốc khách tiếp đãi vua và hoàng hậu. Quốc-vương vô cùng cảm phục tấm lòng hiền đạo của thái tử Tu-Xà-Đề đã xả thân làm việc khó làm.

Sau nửa tháng nghỉ ngơi dưỡng sức, vị Quốc-vương nước láng giềng giúp bốn đạo binh lính voi ngựa đưa vua Đức-Phạm và hoàng hậu về nước, giết kẻ nghịch thần La-Hầu và khôi phục lại giang sơn tổ quốc.

Cùng đoàn quân trên đường quang phục giang sơn, vua Đức-Phạm và hoàng hậu tìm đến chỗ chia tay và từ biệt thái tử Tu-Xà-Đề để mong tìm góí nắm xương tàn của thái tử đem về đất tổ chôn cất trong hoàng mộ, liệt thờ trong tông miếu. Đến nơi, vua và hoàng hậu vô cùng kinh ngạc trông thấy thái tử mạnh khỏe, thân hình trẻ đẹp khác thường hơn xưa. Vua Đức-Phạm và hoàng hậu vội xuống ngựa ôm chầm lấy thái tử nước mắt chảy ròng ròng mà không nói nên lời.

Nhờ đức hiếu của thái tử Tu-Xà-Đề, nên quang phục đất nước dễ dàng, và ngay sau đó, vua Đức-Phạm lập thái tử lên ngôi Hoàng-đế thay thế cho mình để trị vì thiên hạ.

Nói đến đây, đức Phật nhìn tôn giả A-Nan mà phán rằng: "Này A-Nan! Vua Đức-Phạm khi xưa đó chính là tiền thân của vua Tịnh-Phạn phụ vương ta. Hoàng-hậu Duyệt-Đầu-Đàn kiếp xưa đó chính là Ma-Da Phu-nhân mẫu hậu ta ngày nay. Vua trời Đế-Thích lúc đó chính là tiền thân của tôn giả A-Nhã Kiều-Trần-Như ngày nay. Còn thái tử Tu-Xà-Đề chính là tiền thân của Thích-Ca Như-Lai ta đây vậy.

---o0o---

Thiện Hữu và Ác Hữu

Một hôm trên pháp tòa, đức Phật thuyết giảng về lý nhân quả luân hồi, Ngài nói:

Ngày xưa có một vị vua rất mực đạo đức, công bằng, bốn phương thiên hạ đều ngưỡng mộ. Nhà vua đóng đô tại thành Ba-La-Nại. Trên sáu mươi nước chư hầu quy phục. Cung thành có trên năm trăm thớt voi thiện chiến, và trên hai chục ngàn cung phi mỹ nữ trẻ đẹp.

Tuy uy danh vang lừng bốn phương, nhưng nỗi buồn thâm kín của nhà vua là không có thái tử để kế tự. Nên việc nối dõi tông đường lúc nào cũng làm cho nhà vua suy tư lo nghĩ. Nhà vua thường phát tâm bố thí bần dân, khuyến trăm họ ăn ở hiền lành. Hằng ngày, ngoài việc triều chính ra, nhà vua ngày đêm ăn chay nằm đất khấn Phật cầu trời cho được một hoàng nam để nối nghiệp đế vương, để cho dòng tôn thất của nhà vua khỏi bị vô nhân kế tự.

Suốt mười hai năm trầm tư khẩn cầu như thế, hoàng hậu và thứ hậu mới cùng lúc thọ thai sanh ra hai hoàng tử. Đặc biệt hoàng tử của chánh hậu thì tướng mạo khôi ngô anh tuấn, có đức tướng trượng phu.

Sau khi hai hoàng tử chào đời, nhà vua vui mừng trút hết bao nỗi ưu sầu trong suốt mười mấy năm lo âu. Nhà vua hội họp quần thần, và cho mời thầy tướng số giỏi nhất trong nước đến để xem tướng cho thái tử.

Vừa thấy con của chánh hậu, các thầy tướng nhìn kỹ một hồi rồi nói: "Tâu Bệ-hạ, khi thọ thai thái tử và khi thái tử sanh ra có điều chi lạ không?"

Vua phán: "Từ ngày thọ thai thái tử thì đặc biệt tánh tình hoàng hậu trở nên hiền lành đôn hậu, khoan dung đại độ, lúc nào cũng lộ vẻ tươi cười dịu dàng, lại hay làm việc bố thí giúp đỡ người khác".

Các thầy tướng thưa rằng: "Đây là nhờ thiện nghiệp của thái tử mà cảm hóa tánh tình của hoàng hậu. Vậy theo chúng tôi, xin tâu Thánh-thượng, tên thích hợp nhất đặt cho thái tử là Thiện-Hữu".

Các thầy tướng lại xoay sang nhìn kỹ con của thứ hậu một hồi lâu rồi cũng hỏi giống như trước, được quan Thái-giám trả lời rằng: "Từ khi thứ hậu thọ thai cho đến khi sanh hoàng nam đến nay, tánh tình của thứ hậu bỗng trở nên kiêu căng ngạo nghễ, tham ác ích kỷ, ăn nói cộc cằn, ưa chấp trách oán giận người khác, thật khác hẳn ngày trước".

Các thầy tướng thưa rằng: "Ấy là do nghiệp ác của hoàng nam ảnh hưởng đến tánh tình của thứ hậu".

Nhà vua hỏi: "Vậy theo các khanh thì nên đặt tên gì cho hoàng tử?"

Các thầy tướng số bậm tay suy tư ngập ngừng một hồi rồi tâu vua rằng: "Tâu Bệ-hạ, theo sở kiến của các hạ thần chúng tôi thì nên đặt tên cho hoàng tử là Ác-Hữu".

Thời gian thấm thoát trôi qua, hai hoàng tử lớn khôn theo năm tháng. Hoàng tử Thiện-Hữu càng lớn, tướng mạo càng lộ vẻ khôi ngô anh tuấn của bậc trượng phu, tánh tình càng đôn hậu thông minh bình dị, lại hay tha thứ thương giúp người. Vì thế, nên vua và hoàng hậu rất mực vui mừng thương mến. Triều đình các quan và hoàng thân quốc thích đều kính yêu. Trái lại, hoàng tử Ác-Hữu thì nghịch ác, đồ kỵ tìm cách chống báng phá hại, ăn nói cộc cằn, tánh tình nóng nảy, lại hay nói xấu hoàng tử Thiện-Hữu.

Một hôm hoàng tử Thiện-Hữu xin vua cha ra cung thành dạo chơi, thấy trâu kéo cây dưới làn roi đánh, người cày mạ chân tay lấm bùn sình, mình mẩy mồ hôi nhễ nhại dưới ánh nắng. Đó đây trên dãy đồng trùng điệp bị lưỡi cây cắt đứt chúng dẫy dựa trên mặt đất. Chim tranh nhau chụp mổ cắn nuốt. Đây là kẻ giết heo bò, để lấy thịt. Kia là người quay tơ dệt vải không hở tay. Nó là kẻ ăn xin tật nguyên đói rách. Cảnh tượng người vật vất vả chân lấm tay bùn, mồ hôi cực nhọc. Cảnh khôn hiếp đại, mạnh hiếp yếu hiển bày trước mắt. Thiện-Hữu lấy làm lạ và khởi tâm thắc mắc. Bởi vì từ ngày sanh ra đến nay, thái tử Thiện-Hữu sống trong bốn bức tường của hoàng thành vây kín, ngày ngày chỉ thấy hoa thơm cỏ lạ, nhạc múa đờn ca của các cung phi mỹ nữ trong cung thành, chứ chưa có một lần nào thấy được thực trạng cuộc sống của người dân. Nên thái tử hỏi quan hầu: "Tại sao người ta sống trong cảnh tượng khổ sở như thế?"

Quan hầu thưa: "Tâu thái tử! Người sống nhờ ăn uống. Muốn có thức ăn uống thì phải dãi nắng dầm mưa, cày sâu cuốc bẫm để trồng trọt, giết thú vật để lấy thịt; muốn ấm thì phải quay tơ dệt vải để may áo quần. Dân mạnh nước giàu là nhờ những bàn tay cần cù khổ cực đó. Cung thành vững chắc, ngôi vua trường tồn, thái tử sống trên ngôi vị tôn quý an vui, đều nhờ những người dân cần cù lam lũ này, họ ngày ngày vất vả cực nhọc để xây đắp nguồn sống cho quốc gia hoàng triều".

Thái tử suy tư hồi lâu rồi thở dài: "Sự sống sống trên sự chết! Sự vui vui trên sự khổ! Mạnh được yếu thua, khôn hiếp đại. Cuộc sống được xây đắp trên sự tàn hại lẫn nhau! Ôi! Sao kiếp sống nhân sanh chất chồng bất công và tàn nhẫn thế này!"

Không còn vui thú để tiếp tục du ngoạn nữa. Thiện-Hữu hiện nỗi ưu tư trên nét mặt, liền hỏi nguyên nhân. Thiện-Hữu thuật cho vua cha cảnh tượng tai nghe mắt thấy trong chuyến du ngoạn ngoài thành, khiến cho Thiện-Hữu u buồn. Vua cha khuyên Thiện-Hữu: "Đó là lẽ thường tình của thế nhân thời nào mà chẳng có? Sao con lại ưu tư lo phiền làm chi?"

Thiện-Hữu thưa: "Tâu Phụ-vương! Con muốn xin Phụ-vương một điều, chẳng biết Phụ-vương có hứa khả không?"

Nhà vua vì quá thương con, nên chẳng cần suy nghĩ do dự, liền đáp: "Con là đứa con ngoan của cha! Cha thương yêu con nhất đời, không điều gì con xin mà cha từ chối, miễn là con được vui".

Thiện-Hữu thưa: "Tâu Phụ-vương! Con muốn đem của cải vàng bạc trong kho ra bố thí cho dân chúng, để họ đỡ bớt nỗi cực khổ, hy vọng có được đời sống sung túc".

Nhà vua đáp: "Không trở ngại. Cha đồng ý cho con được miễn nguyện".

Được Phụ-vương cho phép, Thiện-Hữu vui mừng khôn xiết, liền lạy tạ vua cha, đồng thời ra lệnh cho quan hầu mở cửa kho đem lương thực, của báu ra ngoài bốn cửa thành bố thí. Hay tin thái tử bố thí, dân chúng gần xa khắp bốn phương nô nức lũ lượt hướng về hoàng cung để nhận vật bố thí của Thiện-Hữu. Việc bố thí chẳng bao lâu đã hết một phần ba số kho lương thực của báu trong hoàng triều. Các quan giữ kho thấy vậy lo âu, nên vào tâu vua: "Muôn tâu Thánh-thượng, thái tử đã bố thí hết một phần ba trong số các kho lương thực của triều đình rồi, cúi mong Thánh-thượng mau mau xét lại".

Nhà vua phán rằng: "Trẫm đã hứa cho thái tử tự tiện bố thí tùy ý mình. Vậy phải làm sao bây giờ?"

Thiện-Hữu chẳng hay biết việc gì xảy ra, với lòng phấn khởi, cứ vẫn tiếp tục tuôn của kho ra bố thí. Quan giữ kho thấy lương thực gần hết, chỉ còn một phần ba số kho lương thực mà thôi, nên lo lắng nóng ruột vào tâu vua. Nhà vua lại cũng trả lời như trước. Thiện-Hữu chẳng để ý gì, vẫn tiếp tục bố thí. Đến khi các quan giữ kho thấy lương thực của báu trong các kho của triều đình gần hết sạch, mới lo sợ nghĩ rằng: Triều đình vững chắc, quốc gia xã tắc hùng mạnh là nhờ những kho lương thực của báu này. Nay nếu để cho thái tử đem ra bố thí hết sạch thì nhất định quốc gia sẽ nguy cơ. Họ liền kéo nhau vào bệ kiến vua và tâu tỵ sự. Nhà vua nghe qua cũng đâm ra lo lắng, nhưng đã lỡ hứa với thái tử Thiện-Hữu rồi chẳng biết phải làm sao, nên phán rằng: "Giờ đây tùy sáng kiến của các khanh định liệu, bí mật tìm cách giữ kho lại, nhưng đừng cho thái tử biết có ý kiến của ta".

Nhe nhà vua phán như thế, các quan giữ kho mừng rỡ, họ liền cùng nhau khóa chặt các kho và lánh mặt nơi khác. Thiện-Hữu không tìm ra họ, đành chịu, không cách nào lấy của kho để tiếp tục bố thí nữa. Nhưng hình ảnh người dân đói nghèo cực khổ cứ lảng vảng trong đầu óc Thiện-Hữu làm cho thái tử ăn ngủ không yên. Thái tử đã hỏi ý kiến của các quan đại thần trong triều làm cách nào có được nhiều tiền để bố thí. Mỗi người mỗi ý kiến khác nhau. Người thì bảo thái tử nên có nhiều ruộng đất canh tác trồng trọt để có được nhiều lúa gạo bông sợi. Người thì thưa với thái tử nên chăn nuôi nhiều súc vật để lấy sữa, thịt v.v... Nhưng trong số đó có một đại thần đầu triều

khuyên thái tử nên đi tìm ngọc Như-Ý Ma-Ni bảo châu thì sẽ được toại nguyện. Ngọc ở biển khơi, nằm tại nơi Long-vương. Nghe đến đây, Thiện-Hữu rất đỗi vui mừng liền vào xin vua cha cho phép được đi biển tìm ngọc Như-Ý Ma-Ni.

Nhà vua vừa nghe Thiện-Hữu thưa, thì rất đỗi ngạc nhiên lo sợ, than rằng: "Con là vị thái tử, từ bé đến giờ quen sống trong nhung lụa ngọc ngà, kẻ hầu người hạ. Bây giờ lại ra biển khơi sóng dồi gió đập sẽ gặp không biết bao là tai biến hiểm nguy của sóng nước ba đào, gió mưa bão táp, giặc cướp, cá dữ. Xưa nay trăm người đi chỉ một hai người trở về. Giang sơn của cha đây thanh bình thịnh trị cũng là giang sơn của con. Từ từ rồi con toại nguyện bố thí có gặp chi đâu. Sao con lại chọn cho mình việc làm nguy hiểm như thế?"

Nghe vua cha khuyên can như vậy, Thiện-Hữu nằm lăn ra đất buồn khóc suốt tám ngày liền không ăn bỏ ngủ. Mặc dầu vua và hoàng hậu cũng như đình thần khuyên giải, nhưng Thiện-Hữu đã quyết tâm. Cuối cùng vì lo đến tánh mạng của Thiện-Hữu ngày một suy kiệt, nên nhà vua đành lòng chiều thuận cho. Khi được vua cha chấp nhận, Thiện-Hữu ngồi dậy, sắc mặt tươi tỉnh hơn hở, ôm hôn chân vua và hoàng hậu rồi thành kính lạy tạ.

Nhà vua truyền lệnh trong nhân gian, nếu ai cùng đi với thái tử Thiện-Hữu ra biển cả để tìm ngọc Ma-Ni, khi trở về sẽ được trọng thưởng vàng bạc cho suốt cả bảy đời con cháu.

Dân chúng nghe được thánh chỉ này, trên năm trăm người đến hoàng cung ra mắt vua để tình nguyện cùng đi biển với thái tử. Lúc bấy giờ trong nước có nhà mạo hiểm về biển cả, nổi tiếng đầy kinh nghiệm. Tuổi ông tuy đã tám mươi, nhưng vẫn còn sáng suốt khỏe mạnh. Vì quá thương lo cho thái tử, nhà vua đích thân đến nhà mời lão này cùng đi với Thiện-Hữu.

Lão nói: "Ôi! Biển cả đầy hiểm nguy, số người ra đi đến hàng vạn mà khi về chỉ còn một hai. Tâu Bệ-hạ! Thái tử còn quá trẻ, lại quen sống trên nhung lụa ngọc ngà, nữ nào ngại lại vì ngọc quý mà sai thái tử đến chỗ hiểm nguy như thế?"

Nghe câu nói của lão, nhà vua lại càng trầm buồn xót xa đáp: "Trẫm nào có muốn thế! Trẫm và hoàng hậu cùng quần thần đã hết lời khuyên thái tử, nhưng lòng thái tử đã quyết đi tìm cho được ngọc Như-Ý Ma-Ni để về bố thí cho dân chúng. Ta đành bóp bụng phải ưng thuận đó thôi!"

Nghe thế, lão cảm động xin tình nguyện cùng đi với thái tử Thiện-Hữu.

Sau khi được phụ hoàng ưng thuận cho, Thiện-Hữu lo sắp đặt lương thực, áo quần, thuyền bè cho năm trăm người lái thuyền cùng đi ra biển cả. Trong khi đó, Ác-Hữu nghĩ bụng rằng: "Thiện-Hữu vốn đã được cha mẹ thương mến nay lại đi biển tìm châu ngọc, nếu thành công thì lại càng được sự yêu dấu của phụ hoàng và đình thần hơn nữa. Còn ta thì sẽ bị coi chảng ra gì". Nghĩ vậy rồi liền xin vua cha để được đi với thái tử Thiện-Hữu.

Vua hỏi: "Con đi biển để làm gì?"

Tâu phụ vương: "Con muốn cùng đi với anh con cho có bạn, để chia xẻ nỗi khổ cực hiểm nguy".

Nhà vua nghe thế liền phán: "Được! Như thế thì tốt lắm! Anh em con giúp đỡ lẫn nhau".

Nói về Thiện-Hữu, khi hành trang chuẩn bị đâu đó xong rồi, Thiện-Hữu ra lệnh cho neo tất cả thuyền tại bờ biển bảy ngày. Mỗi ngày sau bữa cơm sáng, Thiện-Hữu ra lệnh đánh trống tập hợp tất cả thuyền nhân lại và lên đài tuyên bố to rằng: "Trong các người, có ai vì vương mắc vợ con cha mẹ không muốn đi, thì cứ tự tiện ra về. Còn ai muốn cùng ta đi ra biển cả tìm ngọc Như-Ý Ma-Ni, thì im lặng".

Sau bảy ngày, thuyền nhổ neo nhắm biển khơi lướt sóng. Ròng rã hơn tháng trời mới thấy một hòn đảo đầy ngọc, lóng lánh dưới ánh nắng mặt trời. Thiện-Hữu cho thuyền đậu lại và truyền lệnh cho mọi người tự tiện mặc tình nhặt lấy vàng ngọc, rồi trở lại quê hương để nuôi vợ con quyến thuộc. Còn Thiện-Hữu cùng với lão già kinh nghiệm biển cả kia tiếp tục cuộc hành trình tìm ngọc Như-Ý Ma-Ni.

Trước cảnh phân ly đôi đường, kẻ về người đi tạo nên bao nỗi sầu bi nước mắt. Thiện-Hữu khước từ tất cả những người nguyện xin theo mình đến bước cuối cùng cuộc hành trình tìm ngọc báu. Bởi Thiện-Hữu e ngại về cha mẹ vợ con của họ trông đợi họ. Và chính họ cũng không khỏi nhớ thương những người thân, đã khuyên họ nên mang vàng bạc trở về với gia đình. Năm trăm thuyền nhân quay thuyền trở lại đất liền, còn Thiện Hữu tiếp tục cuộc hành trình với lão già tám mươi tuổi.

Hai người đã băng núi vượt biển tiến về hướng Đông Bắc. Hai bóng người song song trải qua mây dầy núi bạc, núi vàng. Hơn hai tháng trời leo núi lội biển, lão già đã ngã quỵ. Thiện-Hữu ôm lấy lão già vào người đấm bóp an ủi. Lão biết sức mình đã kiệt, năng lực không còn, nên trong giọng nói hồn

hễn yếu ớt đứt quãng, lão chỉ rõ hướng đi và khuyến khích thái tử Thiện-Hữu hãy cố gắng đạt mục đích. Giọng nói của lão yếu dần yếu dần ... Lão rùng mình một cái rồi ngã lăn tắt thở.

Giờ đây, Thiện-Hữu một mình một bóng nhắm hướng Đông Bắc mà đi, trải qua bãi biển bạc mênh mông, rồi băng qua bãi biển vàng rộng lớn. Cuối cùng vượt qua ba cái đầm pha lê, trong đó nở đầy hoa sen trắng, hoa sen xanh đỏ. Thiện-Hữu thấy trước mắt hiện ra bức thành cao bằng vàng với cửa tam quan bằng bảy báu. Thiện-Hữu xin phép Long Thần giữ cửa để được vào yết kiến Long-vương. Các Long-nữ đưa Thiện-Hữu vào bệ kiến.

Thiện-Hữu kể hết bao nỗi cực nhọc khổ nguy, thập tử nhất sinh về cuộc hành trình.

Long-vương hỏi: "Với mục đích gì mà nhà ngươi phải chịu cực khổ lặn lội đến đây?"

Thiện Hữu đáp: "Muôn tâu Long-vương! Dân chúng trong nước tôi nghèo khổ. Vì muốn cứu giúp cho họ được no cơm ấm áo mà tôi không màng vượt biển cả vạn dặm thập tử nhất sinh đến đây cầu xin Long-vương rủ lòng thương xót cho tôi được xin ngọc Như-Ý Ma-Ni để tôi có phương tiện bố thí theo ý muốn".

Long-vương cảm kích người có lòng nhân từ nên nhận lời, đồng thời mời Thiện-Hữu lưu lại Long-cung một tuần lễ để thăm viếng và đàm đạo. Thiện-Hữu nhận lời. Trong thời gian lưu lại nơi đây, ngày ngày Thiện-Hữu được mời đi thăm viếng lầu đài điện ngọc bằng lưu ly pha lê, đất đai cây cỏ toàn bằng vàng bạc, núi bằng ngọc ngà, sông suối bằng pha lê, nước bằng lưu ly. Đêm đêm yến tiệc linh đình, đờn ca múa hát đủ thứ khoái lạc vui chơi. Sau bảy ngày, Thiện-Hữu từ tạ Long-vương trở về nước. Trên đường về, Long-vương phái hai tướng rồng đưa đến mé biển, nơi núi vàng đầu tiên mà Thiện-Hữu đã cho các thuyền nhân cập bến lấy vàng và chia tay. Đồng thời nơi đây, gặp lại Ác-Hữu.

Vừa thấy Ác-Hữu, Thiện-Hữu mừng rỡ hỏi: "Bây giờ năm trăm người kia ở đâu em?"

Ác-Hữu đáp: "Năm trăm thuyền nhân kia, vì sóng to gió lớn, nên đã đắm thuyền chết hết cả rồi. Riêng em nhờ ôm được mảnh ván trôi dạt vào đây, nên còn được sống sót đến ngày nay để chờ anh".

Nghe xong, Thiện-Hữu ngược mắt lên trời vừa mừng vừa than: "Ôi! Đòi người quá vô thường. Ta thương họ, nên cho họ ở lại lấy vàng để trở về quê quán được giàu sang với cha mẹ vợ con. Nào ngờ đâu xảy ra cảnh tử biệt thê thảm đến thế này".

Thấy Thiện-Hữu trầm ngâm suy tư, Ác-Hữu hỏi: "Hơn hai tháng trời anh đi nơi nào, có tìm được ngọc quý không?"

Thiện-Hữu đáp: "Anh đã đến Long-cung xin được ngọc Như-Ý Ma-Ni. Ngọc quý này giúp cho anh muốn gì được nấy. Từ đây anh sẽ có đủ phương tiện bố thí thân dân, làm điều lợi ích cho xứ sở".

Ác-Hữu nghe nói như thế, long tham cuộn cuộn trào dâng ngập tràn tim óc, không còn không chế được nữa! Lòng Ác-Hữu sôi sục thúc dục nghĩ mưu tìm cách đoạt lấy, nên nói với Thiện-Hữu rằng: "Ngọc quý giá như vậy cần phải hết sức cẩn thận. Nếu mất thì không còn cơ may có lại được. Hay là anh em mình thay phiên nhau giữ gìn, hễ khi anh ngủ thì em giữ nó, và khi em ngủ thì anh giữ gìn. Như thế thì chắc chắn không bị mất".

Thiện-Hữu nghe có lý, liền lấy viên ngọc quý cất kỹ trong đầu tóc đem ra trao cho Ác-Hữu giữ lấy, rồi nằm dưới gốc cây cỏ thụ ngủ ngon lành. Trong khi Thiện-Hữu an nhiên ngủ say, thì Ác-Hữu lòng bồn chồn không yên, liền nảy sanh ý nghĩ: "Hắn vốn đã được cha mẹ thương mến cung chiều, nay lại được ngọc Như-Ý Ma-Ni bảo châu nữa, thì chắc ta sẽ bị phụ hoàng, mẫu hậu và cả triều đình coi rẻ như đồ mảnh sành chén bể". Càng nghĩ, lòng càng uất ức, cơn ganh tức lên tới cực độ. Ác-Hữu liền tìm thanh tre bén nhọn, không một chút do dự, đâm mạnh vào hai mắt Thiện-Hữu, rồi mang ngọc Như-Ý đi.

Thiện-Hữu đang ngủ say, bỗng nhiên bị cây đâm sâu vào đôi mắt đau nhức vô cùng, kêu la cầu cứu. Mắt mù quờ quạng gọi em, nhưng không thấy Ác-Hữu lên tiếng, tưởng là bị cướp giết đoạt lấy châu ngọc. Thiện-Hữu đau nhức than khóc, khóc vì bản thân đau nhức, khóc vì thương em đã mất tấm tích đầu rồi!

Tiếng khóc than thê thảm động đến trời đất. Vị thần cây hiện ra nói: "Đừng khóc than nữa. Không phải kẻ cướp hại ngươi, mà chính em ngươi là Ác-Hữu đã dùng thanh tre đâm vào mắt ngươi để đoạt lấy ngọc quý. Nó đã lấy ngọc đi rồi!"

Từ khi đoạt được ngọc quý, Ác-Hữu mừng rỡ liền trở về thành Ba-La-Nại vào ra mắt vua cha. Vua và hoàng hậu thấy Ác-Hữu trở về, lòng mừng vô cùng mừng vui và hỏi về Thiện-Hữu đâu không thấy về? Ác-Hữu thưa: "Tâu Phụ-vương và Mẫu-hậu! Tất cả đều chết hết, chỉ còn lại một mình con. Lại nhờ phước đức mà con lấy được ngọc Như-Ý Ma-Ni đem về đây". Nghe Thiện-Hữu đã chết, Vua và Hoàng-hậu như sét đánh vào đầu, cả hai người đều bất tỉnh ngã ra than khóc, chẳng để ý gì đến ngọc quý của Ác-Hữu trình khoe.

Nói về Thiện-Hữu, từ ngày bị mù, một mình la lét rày đây mai đó. Một hôm nọ, có đàn bò đi ngang qua đưng té, người chăn bò thấy tội nghiệp liền chạy tới đỡ Thiện-Hữu dậy, và đưa về nhà cho ăn uống săn sóc. Sau hơn bảy ngày, Thiện-Hữu xin đi, cha mẹ người chăn bò cố lưu lại, nhưng Thiện-Hữu nói: "Nếu hai bác có lòng thương giúp cháu, thì cho cháu xin một cây đờn và đưa cháu ra chỗ chợ. Như thế là quý hóa lắm rồi, và cháu suốt đời xin đội ơn cứu giúp của hai bác". Thiện-Hữu được toại nguyện.

Thiện-Hữu có tài đờn giỏi, tiếng đờn réo rất khi bỗng lúc trầm, khiến cho người nghe tâm thần ảo não xao xuyên cõi lòng. Một hôm nọ, hoàng hôn phủ trên vạn vật, người giữ vườn nhà vua nghe tiếng đàn réo rất, lòng cảm thấy bang khuâng tìm đến người khảy đàn. Thấy một chàng thanh niên mù, mặt mày khôi ngô, dáng điệu trượng phu, người giữ vườn lén đưa chàng mù vào vườn ngự uyển để chuyện trò cho có bạn, và được dịp thưởng thức tiếng đàn.

Một ngày nọ, vào một bình minh trời đẹp, công chúa và các tỳ nữ đi dạo vườn hoa, bỗng nghe tiếng đàn thanh tao tuyệt diệu phát ra từ một góc vườn. Công chúa và các tỳ nữ lần bước đến chỗ phát ra tiếng đàn. Lắng tai nghe, công chúa càng cảm thấy trong lòng rạo rục, tiếng đàn có sức cuốn hút lạ thường, nên quên về cung. Vua cha hay tin truyền lệnh triệu hồi, nhưng công chúa mãi mê tiếng đàn vẫn chưa chịu hồi cung, làm cho vua cha cả giận phải đích thân ra chỗ người mù khảy đờn.

Nhà vua quan sát thấy công chúa càng nhìn người mù khảy đờn, càng say đắm ngấm mãi không chán. Công chúa bị bắt buộc theo vua cha về cung. Suốt đêm hôm ấy, công chúa trần trọc không ngủ được. Hình ảnh người mù và tiếng đàn réo rất đã chiếm trọn cõi lòng công chúa. Không nén được nỗi nhớ thương, công chúa đã thưa với phụ vương và hoàng hậu: "Tâu Phụ-vương! Con muôn Phụ-vương và Mẫu-hậu cho phép con được sống với người khảy đàn kia".

Trước lời thưa bất ngờ của công chúa, nhà vua vừa cảm thấy xấu hổ vừa tức giận phán rằng: "Cha đã hứa gả con cho Đông cung thái tử Thiện-Hữu thành Ba-La-Nại rồi, nay thái tử đi biển tìm ngọc quý chưa về. Có sao con lại đòi được gả cho người mù nghèo khổ này, có phải con đã điên rồi chăng?" Đồng thời nhà vua hạ lệnh bắt giam người mù vào ngục. Công chúa lạy lục van xin vua cha tha cho, nhưng không được.

Từ khi Thiện-Hữu bị giam vào ngục, công chúa nhớ thương, nên ngày ngày lén vào ngục để thăm Thiện-Hữu. Thân gần ngày tháng dài lâu, công chúa cảm thấy Thiện-Hữu tâm lượng thanh cao, tánh tình tao nhã, trí thức hiểu biết quảng bác, nên đem lòng kính yêu. Khi lửa tình nung nấu cõi lòng lên đến cao độ, công chúa không còn đủ sức dẫu kín nỗi lòng, nên một hôm thố lộ với Thiện-Hữu, xin kết nghĩa trăm năm.

Thiện-Hữu nói: "Nàng đường đường là một công chúa con vua một nước, ngôi cao tước cả, muôn dân trọng vọng. Còn tôi là kẻ mù lòa sống nhờ tiếng đàn, lang thang khắp chốn, đâu dám sánh cùng".

Công chúa nói: "Nhân duyên thiện cảm, nhân cách tâm lượng con người đâu phải chỉ hạn cuộc nơi giai cấp giàu sang vua chúa?"

Thiện-Hữu nói: "Cảm ơn lòng tốt của công chúa. Nhưng thật tình tôi không dám. Nếu vua biết được việc này, thì tôi bị chém đầu".

Công-chúa nói: "Việc này để em lo".

Một hôm nhân lúc vua cha và mẫu hậu vui vẻ, công chúa bày tỏ việc thương yêu Thiện-Hữu. Vua cha bất ngờ kinh ngạc, liền trợn mắt nghiêm sắc mặt nhìn thẳng vào công chúa mà phán rằng: "Con điên rồi sao chứ? Con đường đường là công chúa của một nước, cao sang quyền quý tột đỉnh hơn người, sao lại muốn kết hôn với kẻ ăn mày mù lòa tù đầy?"

Công chúa đã tha thiết trình bày nhân cách phong độ, kiến thức quảng bác của Thiện-Hữu, và lòng yêu thương của mình, rồi một mực khẩn cầu vua cha cho thành hôn với Thiện-Hữu. Nhưng nhà vua không những không bằng lòng mà còn nổi giận lôi đình to tiếng nặng lời mắng nhiếc. Công chúa đã đau khổ buồn khóc suốt mấy ngày liền. Lòng lại càng thương nhớ Thiện-Hữu hơn.

Nói về Thiện-Hữu bị giam trong ngục. Sau những ngày được công chúa vào thăm, lòng cảm thấy an ủi vô bờ bến. Thì bỗng nhiên công chúa vắng mặt,

không còn vào thăm viếng như mọi ngày. Thiện-Hữu có ý trông với cõi lòng thương nhớ. Nhưng Thiện-Hữu đã linh cảm được điều gì bất trắc xảy ra cho công chúa rồi! Còn về phần công chúa tuy bị vua cha giận dữ khước từ, nhưng không đành nén được nỗi lòng thương nhớ Thiện-Hữu, nên quyết tâm lấy lại bình tĩnh tiếp tục lên vào ngục thăm. nghe tiếng động, Thiện-Hữu hỏi lớn: "Ai đó?"

Công-chúa đáp: "Em đây!"

Thiện-Hữu với giọng buồn trách: "Công-chúa vào đây chi nữa! Kẻ ăn mày mù lòa này có đáng chi đâu, để cho người cao quý bận tâm, tôi không dám!"

Công chúa nói: "Sao chàng lại nói như vậy?"

Thiện-Hữu đáp: "Chẳng phải đã quên kẻ hèn hạ mù lòa này rồi sao? Nếu không, mấy ngày vừa qua bật vô âm tín?"

Công chúa buồn đáp: "Thật oan cho em lắm chàng ơi! Em nào có quên! Một ngày không gặp còn dài hơn ba mùa thu! Nếu em nói dối thì đôi mắt chàng mãi mãi mù lòa. Còn em thật lòng thì xin trời đất chứng cho, để đôi mắt anh được sáng".

Công chúa vừa dứt lời, thì trời sấm sét, mắt trái của Thiện-Hữu sáng ra. Ánh sáng từ mắt của Thiện-Hữu tỏa ra như vì sao sáng, sắc mặt của Thiện-Hữu trở nên anh tuấn phi thường. Công chúa vừa cảm mến vừa khâm phục, mới gạn hỏi thăm quê quán tông tích của Thiện-Hữu. Thiện-Hữu thật tình đáp: "Không dấu gì nàng. Tôi chính là Đông cung thái tử nước Ba-La-Nại đây".

Vừa nghe, công chúa nói: "Xin chàng đừng nói thế. Tôi biết thái tử Thiện-Hữu đã đi biển khơi để tìm ngọc chưa về".

Thiện-Hữu không muốn cho ai biết mình đã bị em hại để đoạt lấy ngọc quý, nên nói với công chúa: "Chính tôi là Thiện-Hữu đã cãi phụ hoàng đi biển khơi tìm ngọc quý, trên đường về nước bị người đâm đui đôi mắt để đoạt lấy ngọc, nên tôi mới ra nông nỗi này!"

Công chúa nói: "Có lẽ chàng bị mù lâu ngày không tiếp xúc với ánh sáng, nay mắt vừa mới được thấy, làm tinh thần điên loạn giao động, nên mới nói sáng thế chẳng?"

Thiện-Hữu nói: "Thôi xin thề, mong thánh thần trời đất chứng minh cho. Nếu tôi nói dối thì mắt tôi mù trở lại. Bằng như lời nói tôi chân thật, thì xin cả hai mắt tôi đều sáng".

Vừa dứt lời, mắt Thiện-Hữu chớp chớp mấy cái, đôi mắt mở sáng như hai vì sao. Tướng mạo của Thiện-Hữu trở nên khôi ngô anh tuấn lạ thường, làm cho công chúa càng tin tưởng kính phục không còn hồ nghi gì nữa. Công chúa vô cùng mừng rỡ vội chạy vào tâu vua cha tỵ sự và xin được dẫn Thiện-Hữu yết kiến. Thiện-Hữu trình bày sự tình. Nhà vua lúc đầu không tin, hàm hồ nạt nộ. Nhưng mỗi lúc thấy phong độ đối đáp của Thiện-Hữu không phải là hạng người thường, dần dần nhà vua đem lòng thương mến tin tưởng, mời Thiện-Hữu lưu lại triều đình thời gian tĩnh dưỡng, đồng thời lập tức sai sứ đi gấp đến thành Ba-La-Nại báo tin.

Thiện-Hữu bây giờ đôi mắt sáng trở lại như xưa. Nghĩ nhớ ơn người chăn bò giúp đỡ, Thiện-Hữu yêu cầu công chúa xin vua cha đem vàng bạc trọng thưởng cho họ. Người chăn bò rất đỗi ngạc nhiên mừng nói: "Tôi thương giúp đỡ người nghèo mù lòa có ít, mà sao được phước lợi nhiều như thế này. Rồi tự giải thích: Nếu như mở lòng từ bi quảng đại giúp đời, thì công đức chắc phải vô lượng vô biên".

Từ triều thần cho đến dân chúng nghe biết chuyện này, ai nấy đều phải tỉnh ngộ, ngâm câu: "Ở hiền thì được gặp lành, giàu sang hạnh phúc dành người từ tâm".

Trong khi sứ giả nước Lý-Chơn-Ban chưa đến thành Ba-La-Nại, vua và hoàng hậu vì quá nhớ thương Thiện-Hữu, nên mất ăn bỏ ngủ khóc đến mờ mắt. Một hôm nghe tiếng chim bạch-hạc của Thiện-Hữu nuôi ngày trước, đang ở trong lồng bỗng nhiên kêu lên thảm thiết. Hoàng hậu xót xa viết thư đeo vào cổ bạch-hạc, rồi an ủi vỗ về chim và nói: "Chủ của con đi biển tìm ngọc quý đã lâu quá rồi mà chưa thấy về, không ai để tâm thương yêu chăm sóc con. Ta thì mất con, còn con thì mất chủ, cả hai cùng chung nỗi đau khổ buồn thương mất mát người yêu mến! Vậy nay ta nhờ con mang thư này tìm Thiện-Hữu, người chủ yêu quý của con. Con hãy hết sức cố gắng để cho có ngày sum họp".

Trải mắt ngày trời, bạch-hạc bay khắp nơi trên biển cả, không hoang đảo nào mà không lượn bay tìm kiếm, nhưng bạch-hạc chẳng thấy tông tích Thiện-Hữu đâu cả. Thế rồi, vào một hoàng hôn gió mây hiu hắt, bạch-hạc muốn tìm nơi nghỉ cánh qua đêm, để ngày mai lại tiếp tục bay đi tìm tông tích

người chủ yêu quý, thì thấy vườn ngự uyển của vua nước Lý-Chơn-Ban, cây cỏ um tùm, hoa thơm cỏ lạ, liền lượn mấy vòng trên không, muốn tìm chỗ dừng chân nghỉ đêm. Bỗng nhiên liếc thấy trong vườn ngự uyển có đôi trai tài gái sắc dạt nhau ngắm cảnh dạo mát. Bạch-hạc nhìn kỹ thì thấy đấy chính là người chủ của mình. Quá mừng, nên không một chút do dự, liền đáp xuống đậu trên vai Thiện-Hữu. Bất ngờ Thiện-Hữu thấy trên cổ bạch-hạc có mang lá thư, nổi vui mừng chủ tớ hội ngộ. Thiện-Hữu liền quỳ lạy, hai tay chấp lấy phong thư của Mẫu-hậu mở ra xem.

Biết được tự sự, Thiện-Hữu liền viết thư hồi âm rồi đeo vào cổ bạch-hạc. Thiện-Hữu vuốt ve vỗ nhẹ trên thân bạch-hạc với lời an ủi dịu dàng: "Con hãy giúp ta mang thư này về cho Mẫu-hậu ta. Ta và con sẽ đoàn tụ trong ngày gần đây. On của con ta không quên được". Thái tử dứt lời, bạch-hạc vỗ cánh tung bay.

Sau khi biết được chuyện này, vua nước Lý-Chơn-Ban liền ra lệnh chuẩn bị hành trang và cho đoàn hộ tống Thiện-Hữu về nước Ba-La-Nại.

Được tin Thiện-Hữu về nước, không khí u buồn bấy lâu nay bỗng nhiên tan biến trong khoảng khắc. Từ trong triều, vua quan hoàng thân quốc thích, cho đến ngoài nhân gian bá tánh quốc dân, người người đều lộ vẻ vui mừng. Treo đèn kết hoa trống chiêng nghênh đón thái tử Thiện-Hữu. Niềm hân hoan lộ trên mặt mọi người. Không khí tung bừng náo nức khắp cả nước từ thành thị đến thôn quê.

Tất cả mọi người đón chào Thiện-Hữu trở về, tay bắt mặt mừng, ai cũng muốn ôm chầm lấy Thiện-Hữu. Thiện-Hữu nhìn khắp mọi người như để đáp lễ về sự ngưỡng mộ nồng nhiệt dành cho mình. Nhưng Thiện-Hữu nhìn khắp trong đám đông mấy lượt mà vẫn không thấy Ác-Hữu đâu cả. Hỏi ra mới biết đã bị vua cha hạ lệnh bắt giam vào ngục. Thiện-Hữu xót thương, đã mấy lượt khẩn thiết cầu xin vua cha tha tội cho em. Nhưng vua cha chỉ cho phép Ác-Hữu ra để Thiện-Hữu thăm. Thiện-Hữu thấy em tay chân bị gông cùm đau đớn khổ sở, động lòng trắc ẩn, đã mấy lần quỳ lạy xin vua cha mở lượng hải hà khoan dung cho Ác-Hữu.

Trong lúc vua cha còn lưỡng lự, triều đình các đại thần đồng thanh lên tiếng ngăn cản phản đối: "Quốc gia xã tắc có pháp luật kỷ cương. Vua có công minh, trăm họ mới kính phục, dân nước mới thịnh trị".

Thiện-Hữu ôm lấy Ác-Hữu vỗ về rơi lệ thở than, rồi hỏi ngọc Như-Ý Ma-Ni bảo châu cất ở đâu. Hỏi đến ba bốn lượt, Ác-Hữu mới ngập ngừng chịu nói.

Thiện-Hữu được ngọc Như-Ý Ma-Ni bảo châu rồi, liền đốt hương quỳ trước ngọc quý mà khẩn nguyện: "Nếu quả thật ngọc Như-Ý Ma-Ni bảo châu linh diệu muốn gì được nấy, thì xin cho đôi mắt của cha mẹ tôi sáng đẹp như xưa". Lời khẩn nguyện của Thiện-Hữu vừa dứt, thì đôi mắt của vua và hoàng hậu trở nên sáng đẹp hơn trước.

Từ ngày được ngọc Như-Ý, Thiện-Hữu dốc lòng lo việc bố thí giúp đỡ muôn dân. Khắp bốn phương thiên hạ ai nấy đều được ấm no hạnh phúc, sống trong thanh bình lạc nghiệp. Người người lớn nhỏ đều lo tu tâm dưỡng tánh, làm việc phước lành, sống trong quốc gia thanh trị thái bình.

Đến đây, đức Phật nói với A-Nan rằng: "Vua và hoàng hậu xứ Ba-La-Nại thời xưa, chính là Phụ-vương Tịnh-Phạn và Mẫu-hậu Ma-Da của ta ngày nay. Hoàng tử Ác-Hữu ngày xưa, chính là tiền thân của Đề-Bà Đạt-Đa ngày nay. Còn thái tử Thiện-Hữu thời quá khứ đó, chính là tiền thân của Như-Lai ngày nay vậy.

---o0o---

Hai Nhà Vua Hiền Đức

Một hôm đức Phật đang ở trong vườn Trúc-Lâm thuộc thành Vương-Xá, giải đáp những điều thắc mắc cho các đệ tử, thì bất ngờ vua nước Câu-Tát-La đến xin được ra mắt hầu thăm Phật. Vừa trông thấy Phật, vua Câu-Tát-La thành kính cúi đầu đánh lễ sát chân Phật. Đánh lễ xong, vua Câu-Tát-La ngồi qua một bên. Đức Phật hướng về nhà vua ôn tồn hỏi: "Bệ hạ có việc chi mà ngự giá đến đây một cách bất thường như thế này?"

Nhà vua đáp: "Bạch đức Thế-Tôn! Vừa rồi con phê một vụ án khó xử, phải vận dụng nhiều tâm trí, phí nhiều thì giờ mà lòng vẫn thấy chưa được an ổn trọn vẹn".

Đức Phật nói: "Hay thay! Hay thay! Thưa Bệ-hạ, trị nước an dân nên bằng vào sự công bằng đạo đức mà phê xử. Ấy là con đường thánh thiện trị quốc của bậc minh quân. Như-Lai tin Bệ-hạ thâm nhuần giáo pháp từ bi hỷ xả trí tuệ của Như-Lai, chắc thiên hạ đều được an cư lạc nghiệp".

Đức Phật lại tiếp: "Có những nhà vua thời xưa không gặp được Phật chỉ nghiên đọc sách vở của các bậc hiền triết mà khéo tu tâm trị quốc, thế mà cũng đã tránh được việc ác, hiện đời quốc gia được thanh bình thịnh trị, khi

mạng chung, những nhà vua đó được sanh về cõi trời hưởng phước báu đời đời".

Vua Câu-Tát-La nghe Phật nói thế xong, liền thưa: "Bạch đức Thế-Tôn! Xin ngài thương xót kẻ cho con được biết một vài vị vua nào ở thời quá khứ, hành xử đạo đức chánh trực, tiêu biểu để cho con học hỏi theo".

Đức Phật nói: "Tốt lắm! Thưa Bệ-hạ! Thuở xưa có một vị vua, kinh đô ở thành Ba-La-Nại, sanh được một thái tử thông minh tuấn tú, tài đức song toàn, nên hoàng thân quốc thích, dân chúng lớn nhỏ đều quý mến. Thái tử tuổi vừa mười sáu, thì vua cha băng hà, và được triều thần suy tôn lên ngôi kế vị, lấy vương hiệu là Phạm-Đa-Ta. Vua Phạm-Đa-Ta đạo đức công bình, tánh tình thuần hậu trung trực hơn cả vua cha. Nhờ vậy mà tiếng thơm đồn xa, thiên hạ trong nước không có tiếng kêu ca oán, khắp nơi dân chúng an cư lạc nghiệp. Những vụ kiện tụng trong nhân gian gần như không còn. Vua Phạm-Đa-Ta thấy dân chúng sống thanh bình, đất nước thịnh trị, nên lại càng tự xét mình về đường tu tâm dưỡng tánh, hành xử chánh pháp. Nhà vua ấy tự nghĩ rằng, chắc ta không thể nào thấy hết lỗi lầm của ta. Vậy ta nên nhờ mọi người khác soi sáng nhắc chỉ dùm ta, như thế, họa hoằn mới có thể thấy được lỗi lầm của mình, và như thế ta mới thật sự tiến bộ trên bước đường thánh thiện an dân trị quốc.

Nghĩ vậy rồi, nhà vua liền cho truyền rao khắp từ trong thành thị cho đến ngoài thôn quê: "Ai biết được lỗi lầm của đức vua nêu ra, thì sẽ được trọng thưởng. Ai có những oan ức nên trình bày ra, thì sẽ được bảo đảm công minh xét xử".

Trải suốt hơn một năm trời, lời truyền rao ấy lan khắp mọi nơi trong dân gian. Nhưng nhà vua chỉ tiếp nhận được những lời khen ngợi, mà không có một lời chê trách nào. Nhà vua tự nghĩ rằng, có lẽ vì ta ở ngôi vị đế vương đầy quyền uy tuyệt đỉnh thiên hạ, nên chẳng ai dám mở miệng ra phê phán lỗi lầm của ta chăng? Nghĩ vậy rồi, nhà vua liền bí mật gọi quan tể tướng đầu triều thay thế nhà vua xử lý việc triều chính. Nhà vua lại bảo quan hầu cận đổi y phục thường dân cũng như ngài. Rồi ngài cùng với quan cận thân lặng lẽ lên ngựa ra khỏi hoàng thành. Suốt tám tháng trời, nhà vua giả dạng thường dân đi khắp miền quê đô thị hỏi về đời sống của dân chúng, hỏi về cung cách của nhà vua trị nước. Đến đâu ai nấy cũng đều hết lời khen ngợi vua của họ là bậc minh quân hiền đức.

Lúc bấy giờ có vị vua nước láng giềng tên là Ma-Ly-Ca được dân chúng từ trên đền dưới đều kính mến tài đức. Vua Ma-Ly-Ca cũng biết tu tâm dưỡng tánh, thi hành chánh sự công minh cũng đã từng giả dạng thường dân đi khắp trong nước để hỏi thăm về đời sống dân tình, dò xem dân chúng đối với mình như thế nào.

Vào một dịp đi dự hội quốc vương ở nước lân bang, giữa đường, xe vua Ma-Ly-Ca gặp xe vua Phạm-Đa-Ta. Quan đánh xe của vua Ma-Ly-Ca bảo vị quan đánh xe của vua Phạm-Đa-Ta rằng:

- "Anh tránh xe ra một bên, để cho xe đức vua Ma-Ly-Ca của ta đi trước".

Vị quan đánh xe cho vua Phạm-Đa-Ta cũng nói: "Anh nên tránh xe anh ra, để cho xe đức vua Phạm-Đa-Ta của ta đi trước mới phải".

- "Nhà ngươi nên biết đây là xe của đức vua Ma-Ly-Ca, ngài là bậc vua hiền đức được toàn dân cả nước Kosala ca tụng".

Người đánh xe của vua Phạm-Đa-Ta nghĩ bụng rằng: "Bên kia xe cũng đường đường là một nhà vua, thì biết phải làm sao để họ nhường cho xe của vua ta đi trước bây giờ?"

Đang lúc suy tư tự tìm lời thuyết phục đối phương, thì như nghĩ ra một điều gì kỳ diệu, ông tự nói: "Ờ! Ta có cách!"

Rồi xoay hỏi người đánh xe hầu vua Ma-Ly-Ca kia: "Vậy tuổi tác đức vua của nhà ngươi là bao nhiêu?"

- Đáp rằng: "Vua Ma-Ly-Ca của ta bằng tuổi vua Phạm-Đa-Ta của ngươi".

Khi hỏi đến diện tích đất nước, dân số, quân lính, hoàng thân quốc thích, quần thần thì được quan hầu kia cho biết thế lực của quốc vương Ma-Ly-Ca không kém gì thế lực của vua Phạm-Đa-Ta. Người đánh xe của vua Phạm-Đa-Ta. Người đánh xe của vua Phạm-Đa-Ta lại nghĩ rằng, thế lực hai nước đã bằng nhau, bây giờ chỉ còn có cách sánh về đạo đức thử xem ai hơn ai, nên liền hỏi: "Vua của nhà ngươi đức hạnh như thế nào? Lấy gì làm vinh quanh?"

Để trả lời, người đánh xe của vua Ma-Ly-Ca ngậm lớn rằng:

*Với người thế lực hùng cường,
Vua tôi quyết thắng chẳng nhường cho ai,
Gặp người thanh nhã văn tài,
Vua tôi khuyên lệ những bài ái êm,
Với người đôn hậu thanh liêm,
Vua tôi quý mến lòng thêm kính nhường
Gặp kẻ hung ác đứng đường,
Ngài quyết trừng trị không đường thoát thân.*

Đọc xong bài thơ, người đánh xe cho vua Ma-Ly-Ca hỏi: "Vậy đức tánh của vua nhà ngươi như thế nào, sao không nói ra, để chúng ta cùng quyết định ai nên tránh đường nhường xe cho đức vua của ai đánh được đi trước. Còn đức tánh của vua Ma-Ly-Ca ta thì đã rõ ràng như thế rồi đó".

Vị quan đánh xe cho vua Phạm-Đa-Ta ôn tồn đáp:

*Vua tôi hiền đức ôn hòa,
Anh minh từ thiện nhà nhà an vui,
Kẻ hung, người ác, hận đời,
Vua tôi độ lượng dùng lời nhủ khuyên,
Khấp trong thiên hạ lành hiền,
Bỏ lòng bợn xén, tinh chuyên tu hành,
Vua tôi dân chúng tín thành,
Nói lời chân thật, giữ mình tu tâm,
Việc lành nào chẳng không làm,
Việc ác nào chẳng lưu tâm tránh chừa,
Đức vua tâm hạnh đại thừa,
Nhân dân trên dưới hưởng mưa phước lành.*

Ngồi trong xe, nghe rõ lời đối đáp, thấy rõ cung cách của vua tôi Phạm-Đa-Ta đã hơn hẳn mình, nên vua Ma-Ly-Ca liền bước xuống xe ra lệnh cho quan hầu kéo xe mình qua một bên để nhường lối cho vua Phạm-Đa-Ta đi trước. Nhân đây vua Phạm-Đa-Ta dùng đạo lý khuyên hóa vua Ma-Ly-Ca.

Những lời khuyên hóa đầy đạo lý của vua Phạm-Đa-Ta như những giọt nước mát chảy sâu vào tim phổi vua Ma-Ly-Ca. Thế rồi, cả hai nhà vua sau khi chia tay từ biệt ai về nước nấy, mỗi người đều lấy đạo đức trị dân, còn chính bản thân mình thì ngày đêm ngoài việc quốc sự ra cũng hết sức chuyên cần tinh tấn tu tâm dưỡng tánh hành thiện bố thí không một chút giải đãi. Cả hai

nhà vua ấy khi mạng chung đều sanh lên cõi trời hưởng phước báu và tiếp tục tu hành không đời kiếp nào gián đoạn.

Nói xong, đức Phật khai thị cho vua nước Câu-Tát-La biết rằng: Người đánh xe cho vua Ma-Ly-Ca trong kiếp quá khứ đó, chính là tiền thân của Mục-Kiền-Liên ngày nay. Còn vua Ma-Ly-Ca của kiếp quá khứ xa xưa kia, chính là A-Nan. Người đánh xe cho vua Phạm-Đa-Ta thuở xưa, chính là tiền thân của Xá-Lợi-Phất. Còn vua Phạm-Đa-Ta trong quá khứ đó, chính là tiền thân của Như-Lai ta đây vậy.

---o0o---

Chuyện Luân Thánh Vương

Một hôm tại thành Câu-Thi-Na, trong rừng Ta-La Song-Thọ, trước những ngày đức Phật sắp nhập Niết-bàn, tôn giả A-Nan và đại chúng vô cùng buồn khổ, nhất là A-Nan tâm thần hôn mê, hồn bất phụ thể, quên ăn bỏ ngủ, vì nghĩ rằng Phật sắp lìa đời, như mặt trời rơi rụng, như con mắt thế gian không còn, như con thơ mất mẹ.

Sau khi được Phật an ủi khuyên hóa, A-Nan tỉnh ngộ, liền bạch Phật rằng: "Kính bạch đức Thế-Tôn! Thành Câu-Thi-Na này so với các thành Vương-Xá, thành Ba-La-Nại, thành Xá-Vệ, thành Tỳ-Xá-Ly, thì Câu-Thi-Na quả là nhỏ bé, kém văn hóa không khác gì nơi biên địa. Ngài nhập Niết-bàn nơi đây chúng sanh không được lợi ích nhiều. Con nay trộm nghĩ, tốt hơn, đức Thế-Tôn nên rời Câu-Thi-Na này, để đến các thành lớn kia nhập Niết-bàn. Nơi đó dân chúng đông đúc, trình độ văn hóa cao, lòng tin nơi đạo Ngài sâu đậm. Như vậy chúng sanh sẽ được nhiều lợi lạc hơn".

Nghe tôn giả A-Nan trình bày xong, đức Phật từ hòa dẫn giải: "Này A-Nan! Ông không nên nói như thế! Ông đâu có biết rằng, thuở quá khứ thành Câu-Thi-Na này có một vị Chuyển-luân Thánh-vương tên là Đại-Thiện-Kiến ngự trị, đem chánh pháp thống nhiếp bốn châu thiên hạ. Lúc bấy giờ vương thành mỗi bề rộng trên mười cây số, có bảy lớp thành bao bọc chung quanh. Lớp thành thứ nhất bằng vàng. Lớp thành thứ hai bằng bạc. Lớp thành thứ ba bằng lưu ly. Lớp thành thứ tư bằng pha lê. Lớp thành thứ năm bằng xa cừ. Lớp thành thứ sáu bằng mã não. Lớp thành thứ bảy tổng hợp tất cả các thứ châu báu trên đời làm thành. Cứ mỗi lớp thành là có ao nước tám công đức bao bọc.

Đền đài lầu các bao lơn đều làm toàn bằng bảy thứ bảo châu, điêu khắc chạm trổ huy hoàng trang nghiêm rực rỡ. Bốn cửa thành mỗi cửa đều có chín tầng lớp chạm trổ sơn son thếp vàng ngời sáng thật là hoa lệ. Cây cối trong thành xanh tươi mát mẻ quanh năm. Có đủ thứ chim quý ngày ngày reo hót thanh thót trên cành cây, bay lượn trên mặt nước hồ. Trong vườn muôn thứ hoa thơm cỏ lạ rộn nở bốn mùa. Khắp hoàng thành, gió thoảng cành cây, các loài chim quý hòa tấu tạo thành âm thanh thiên nhạc. Nhân dân trong thành đều phú quý giàu sang, hưởng đầy đủ ngũ dục lạc như cõi trời Đao-Lợi. Hai bên đường xa trong thành treo đầy ngọc minh châu sáng chói không phân ngày đêm. Âm nhạc dịu dàng phát ra từ cành cây hoa lá khuyến khích khen ngợi mọi người trì trai giữ giới tu niệm, hòa với tiếng thuyết pháp, khiến cho người làm lành hưởng thiện.

Vua Đại-Thiện-Kiến là bậc vua hiền đức, tướng mạo đoan trang, dân chúng trong thành ai nấy đều quý mến ngưỡng mộ như bậc cha mẹ. Một hôm nhà vua muốn đi du ngoạn để xem dân tình, liền hạ lệnh cho quan chủ binh chuẩn bị tám vạn bốn ngàn xe ngựa để cho cung phi mỹ nữ và Bà-La-Môn, trưởng giả, cư sĩ đồng tham dự cuộc du ngoạn này. Riêng vua Đại-Thiện-Kiến cưỡi trên lưng con bạch tượng đi giữa quân hầu. Dân chúng nghe vua xuất thành, đồng nhau kéo đến đứng hai bên đường hàng hàng lớp lớp để được nhìn dung nhan của đức vua. Khắp nơi, vua Đại-Thiện-Kiến đều thấy cỏ cây hoa lá xanh tốt đầy đầy, dân chúng đâu đâu cũng được hưởng thái bình âu ca lạc nghiệp. Nhà vua lại còn hạ lệnh xây thêm hồ ao ở những nơi ngã tư đường, trồng cây mát hoa thơm để cho dân chúng đến tắm rửa thưởng ngoạn. Đồng thời vua Đại-Thiện-Kiến còn sắc chỉ cho các quan địa phương nên đem của cải tiền vàng bạc trong kho ra bố thí để tùy sở thích của dân chúng lấy dùng.

Sau ngày du ngoạn trở về hoàng cung, khoảng tuần lễ sau, những người Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ đem đủ loại vàng bạc của báu đến tặng cho vua. Vua Đại-Thiện-Kiến nói: "Ta đã ra lệnh khắp nơi mở cửa kho bố thí cho nhân dân. Ta đâu cần thiết bạc tiền mà các khanh đem đến tặng ta làm gì?"

Các vị Bà-la-môn, trưởng giả đồng loạt tâu vua rằng: "Muôn tâu Thánh-thượng! Cung điện Thánh-thượng quá nhỏ. Mỗi lần hạ thần chúng tôi vào ra mắt Thánh-thượng thì không đủ chỗ để cho thân quyến tùy tùng của chúng tôi đứng. Xin Thánh-thượng vì lợi ích muôn dân mà mở mang cung điện lớn thêm".

Nghe lời tâu hữu lý, nhà vua im lặng suy nghĩ: "Họ tâu có lý lắm. Nay ta nên mở rộng trụ xứ này".

Bấy giờ trời Đế-Thích biết rõ tâm niệm của vua Chuyển-luân Thánh-vương Đại-Thiện-Kiến, liền gọi vị thiên tử tên Tỳ-Thủ Kiến-Ma là vị kiến trúc tài ba khéo léo nhất, bảo rằng: "Nay vua Chuyển-luân Thánh-vương Đại-Thiện-Kiến ở cõi Diêm-phù-đề muốn mở mang cung điện, nhà ngươi nên xuống đó giúp đỡ để cho cung thành nhà vua ấy cũng được trang nghiêm tuyệt mỹ như cung điện của ta đây vậy".

Thiên tử Tỳ-Thủ Kiến-Ma vâng lệnh, liền vận dụng thần thông co duỗi cánh tay trong nháy mắt đã biến thành một trang tráng sĩ đến cõi nhân gian đứng trước nhà vua Đại-Thiện-Kiến.

Lúc đó, nhà vua trông thấy hình dáng đặc biệt của vị tráng sĩ, biết không phải là người thường, nên hỏi rằng: "Ngài là ai, bỗng nhiên hiện trước ta đây?"

Vị thiên tử đáp: "Tôi tên là Tỳ-Thủ Kiến-Ma vâng lệnh trời Đế-Thích đến đây giúp Đại-vương mở mang cung điện". Vua Đại-Thiện-Kiến nghe xong rất đổi vui mừng ưng thuận ngay.

Nhờ sự giúp đỡ thần diệu của Tỳ-Thủ Kiến-Ma, chẳng bao lâu đền đài cung điện vua Chuyển-luân Thánh-vương Đại-Thiện-Kiến được xây xong bằng thất bảo, cực kỳ lộng lẫy rộng lớn trang nghiêm, nguy nga tráng lệ. Đặc biệt trong cung điện mới này có điện thuyết pháp, giữa điện thuyết pháp có tòa sư tử làm bằng bảy thứ châu báu và chung quanh tòa có tám vạn bốn ngàn chỗ ngồi nghe pháp.

Sau khi cung điện hoàn thành xong, thì cũng không còn thấy bóng hình của người tráng sĩ tài ba kia đâu nữa. Nhà vua truyền lệnh đánh trống thổi kèn rao khắp nhân gian rằng: "Tại thành nội, Đại-vương sẽ mở hội thuyết pháp bảy ngày đêm để khánh thành cung điện mới, đồng thời bố thí vàng bạc com áo, dân chúng ai thích đến nghe Phật Pháp thì sẽ được tùy ý nhận lấy của báu về dùng".

Khi các hàng Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ và bá quan, vạn dân thi đua nhau vào chỗ ngồi xong, vua Chuyển-luân Thánh-vương Đại-Thiện-Kiến uy nghi bước lên ngôi tòa sư tử thuyết pháp về Thập Thiện, rồi tiếp đó thuyết về những thiện pháp khác, khiến cho mọi người đều được lợi lạc hưởng sự vui

thú của cõi trời. Vua Đại-Thiện-Kiến tiếp tục làm việc lợi ích như thế suốt hơn một vạn hai nghìn năm.

Này A-Nan! Nhà vua ấy lại vào tịnh thất quán tưởng biết được thời quá khứ của mình nhờ tu hạnh bố-thí, nhẫn-nhục, từ bi mà nay được phước báu làm Chuyển-luân Thánh-vương tôn quý nhất trên đời không ai sánh bằng. Nhà vua ấy lại phát nguyện triệt để tinh tấn tu Tứ-vô-lượng-tâm, cung phi mỹ nữ hoàng thân quốc thích cùng cố gắng tu tập.

Lúc bấy giờ công chúa Thiện-Hiền cùng hoàng hậu và cung phi mỹ nữ ngồi thiền chánh niệm trong tịnh thất đã hơn bốn vạn năm cũng khởi niệm rằng: "Chúng ta ngồi thiền Chánh niệm nơi đây đã lâu lắm rồi, nay chúng ta nên đến ra mắt thăm Đại-vương".

Trong giây lát những người này hiện trước vua tâu rằng: "Muôn tâu Thánh-thượng! Nay Thiện-Hiền cùng tám vạn bốn ngàn thể nữ đến ra mắt vấn an Đại-vương".

Vua Đại-Thiện-Kiến nghe xong, liền lên pháp tòa sư tử. Các thể nữ kia cũng liền kéo đến trước pháp tòa đồng cung kính chấp tay quỳ thưa: "Chị em chúng con trong tịnh thất chánh tâm thiền quán đã hơn bốn vạn năm, nay đến đây yết kiến vấn an Đại-vương, và có điều muốn thưa thỉnh, kính xin Đại-vương thương xót thuận cho".

Vua Đại-Thiện-Kiến đáp: "Quý hóa thay, các người cứ tùy ý nói".

Công chúa Thiện-Hiền tâu vua rằng: "Thiện hạ trong bốn phương: Nam Diêm-phù-đề, Tây Cồ-da-ni, Bắc Uất-đan-việt, Đông Phát-bà-đề đều giàu sang, vui vẻ, yên ổn biết tu hành thập thiện, tất cả đều nhờ đức giáo hóa của Đại-vương. Riêng thành Câu-Thi-Na trong cõi Diêm-phù-đề này còn có đến tám vạn bốn nghìn thành. Quốc-vương, Đại-thần, Bà-la-môn, Trưởng giả đều muốn yết kiến Đại-vương, ước mong để nhờ ơn mưa móc pháp nhũ. Nhưng Đại-vương thiên định trải qua nhiều năm, nên mọi người không có dịp triều kiến chiêm ngưỡng dung nhan, lòng họ khát vọng muốn được thấy tôn nhan Đại-vương như con hiếu lâu năm muốn được thấy cha hiền. Và lại bốn phương thiên hạ cần sự vỗ về dìu dắt của Đại-vương. Lại nữa, voi ngựa xư cộ đều có sẵn, Đại-vương nên khéo dùng thời nghỉ để đi du ngoạn quan sát dân tình sinh hoạt. Và lại ngày trước Đại-vương thường thuyết khuyến hóa muôn dân tu Thập thiện, nhưng thời gian gần đây Ngài lại chuyên tâm thiền định bỏ mất việc lợi ích này. Bọn nữ nhân chúng con không làm lợi ích nhân quần, nên chuyên tâm thiền quán. Còn Đại-vương là bậc ân đức của

muôn dân, đâu phải vì mãi mê tịnh tâm thiên định mà ở lâu mãi trong thiên thất được, bỏ mất điều lợi ích của muôn dân.

Vua Đại-Thiên-Kiến nghe xong, ôn tồn đáp: "Những lời khuyên vừa rồi của các khanh thật không đúng ý ta. Các con nên biết rằng, tất cả hình tướng đều là vô thường, ân ái hội hợp rồi phải biệt ly, bốn phương thiên hạ đông đảo hưng thịnh rồi cũng suy tàn. Xưa kia ta đã từng làm đấng trẻ thơ bốn vạn tám ngàn năm; làm vua bốn vạn tám ngàn năm, nhờ liên tục gắng tu, sau rốt, ta làm Chuyển-luân Thánh-vương đến tám vạn bốn ngàn năm, trị vì bốn phương thiên hạ, cung điện đầy đầy bảy báu, muôn dân ấm no, hạnh phúc, thuyết pháp tám vạn bốn ngàn năm. Từ đấy đến nay trải qua năm mươi tám vạn bốn ngàn năm. Tuy mạng sống lâu dài, nhưng cuối cùng rồi cũng hết. Thành Câu-Thi-Na này trước đây cũng hưng thịnh to lớn, lại còn có đến tám vạn bốn ngàn thành lớn khác tùy thuộc, cực thịnh vô cùng, rồi cũng suy tàn tiêu tan với thời gian. Tất cả sự đời có hợp rồi phải tan, có thịnh rồi phải suy, còn rồi phải mất. Biết rõ điều đó, ta đã lo chuyên cần tịnh tâm tu mà được phần tối thắng. Ta cần phải trông nhiều thiện căn hơn nữa". Chẳng bao lâu, vua Chuyển-luân Đại-Thiên-Kiến ấy mạng chung, sanh lên cõi trời Phạm-Thiên.

A-Nan! Vua Chuyển-luân Thánh-vương Đại-Thiên-Kiến kia trị vì bốn châu thiên hạ, nhưng nhà vua cũng chỉ ở một thành Câu-Thi-Na cõi Diêm-phù-đề; voi ngựa mỗi thứ có đến hơn tám vạn bốn ngàn con, nhưng nhà vua cũng chỉ cười có một con. Tuy có tám vạn bốn ngàn xe làm bằng thất bảo sẵn sàng cung ứng, nhưng nhà vua cũng chỉ ngồi một chiếc. Tuy có tám vạn bốn ngàn phu nhân, nhưng nhà vua chỉ yêu quý có một người. Tuy có hơn tám vạn bốn ngàn lâu đài cung điện làm bằng châu báu, mà thật sự nhà vua cũng chỉ ở một cung điện. Thế mà nhà vua phải bận tâm lo khắp bốn châu thiên hạ, buộc lòng vào chuyện chúng sanh, luống mết tinh thần, mà chính bản thân không được mấy chân lợi ích.

Đức Phật lại bảo tiếp A-Nan rằng: "Vua Chuyển-luân Đại-Thiên-Kiến tôn quý kia không phải là người nào khác lạ mà chính là tiền thân của ta. Thành Câu-Thi-Na huy hoàng rực rỡ rộng lớn ngày xưa, chính là thành Câu-Thi-Na nhỏ hẹp ngày nay. Sự việc như thế, sao ông có thể nói thành Câu-Thi-Na này là chỗ biên địa được ư?"

Vua Chuyển Luân Đảnh-Sanh

Một hôm tại Trúc-Lâm tịnh xá, sau khi kinh hành xong, đức Phật ngồi trên pháp tòa, nhìn khắp đại chúng một lượt, rồi từ kim khẩu của Ngài phát ra lời pháp âm: "Ta nhớ có một kiếp nọ trong quá khứ, nhằm thời Đại kiếp. Con người của thời Đại kiếp đó sống đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Lúc ấy có một vị vua nhờ nhiều kiếp tu hành tích lũy phước đức mà được làm Chuyển-luân Thánh-vương, tên là Đảnh-Sanh.

Một hôm nhân ngày rằm, sau khi tắm gội sạch sẽ, vua Đảnh-Sanh lên lầu độ ngọc trai. Bỗng nhiên từ phương Đông bay đến một bánh xe bằng vàng có ngàn cãm, nằm trước mặt nhà vua. Vua Đảnh-Sanh ngạc nhiên thầm nghĩ rằng, ta đã từng nghe các bậc tiên nhân ngũ thông giảng nói: "Như có bánh xe bằng vàng ngàn cãm tự nhiên xuất hiện trước vị vua dòng Sát-đế-lợi, thì nên biết đó là y báo thù thắng của bậc Chuyển-luân Thánh-vương".

Để xem thử thật hư ra sao, nhà vua quỳ gối, tay trái nâng bánh xe, tay phải bung lư hương nâng trước ngực, ngược mặt lên trời khẩn nguyện rằng: "Nếu quả thật bánh xe này là vật của bậc Chuyển-luân Thánh-vương, thì hãy tự bay đi một vòng trong khắp quốc độ, rồi trở lại đây nằm ngay trước mặt ta".

Nhà vua vừa khẩn dứt lời, bánh xe vàng ngàn cãm kia vụt khỏi tay nhà vua, bay lên hư không lượn một vòng khắp mười phương cõi nước, rồi trở lại nằm yên trên tay nhà vua. Vua Đảnh-Sanh vui mừng tin rằng, mình sẽ là Chuyển-luân Thánh-vương.

Rồi vào một ngày rằm khác sau đó chẳng lâu, trong lúc nhà vua thọ ngọc trai, có một thốt voi trắng hình dáng uy nghiêm, từ thân lông phảng phát ra mùi hương thơm của hoa sen, đến đứng trước cửa thành. Lính giữ thành báo tin, ai nấy đều lấy làm lạ. Các quan văn võ hiệp cùng các tượng sư giỏi nhất của triều đình tập trung cùng nhau dùng hết phương kế điều phục voi để đem dâng vua hầu được ban thưởng, nhưng đều bất lực. Cuối cùng họ triệu thỉnh nhà vua đến. Vừa thấy nhà vua ngự đến, voi liền tỏ vẻ cung kính quỳ mọp. Mọi người đều lấy làm kinh ngạc. Nhà vua hướng về quần thần phán rằng: "Ta đã từng nghe các vị tiên nhân ngũ thông giảng nói, hễ có voi trắng phảng phát hương thơm xuất hiện quỳ mọp trước vua, thì phải biết vị ấy là vua Chuyển-luân Thánh-vương".

Nói xong, nhà vua quỳ xuống đất, tay mặt nâng lư trầm khói hương nghi ngút, tay trái ấn vào ngà voi, ngược mặt lên trời mà khẩn: "Nếu quả thật voi

báu này là của bậc Chuyển-luân Thánh-vương, thì voi hãy đi một vòng khắp sơn hà thiên hạ rồi trở về đây quỳ mọp trước ta". Vua vừa dứt lời, voi cúi đầu xá ba xá rồi quay đi nhanh như chớp. Trong lúc triều thần bá quan còn đang ngơ ngác ngẩn người nhìn nhau, thì hình dáng của voi không còn thấy đâu nữa cả. Quan cận thần vẫn yên lặng nghiêm chỉnh đứng hầu. Chẳng bao lâu voi trắng lại hiện về quỳ mọp trước nhà vua.

Vua Đảnh-Sanh vô cùng mừng rỡ tin biết mình sẽ là Chuyển-luân Thánh-vương. Trước hiện tượng kỳ diệu như vậy, bá quan văn võ đều quỳ khấu đầu trước vua tung hô chúc tụng: Thánh-thượng vạn vạn tuế! Vạn vạn tuế.

Rồi sau đó chẳng bao lâu, cũng vào ngày trai, vua tắm gội sạch sẽ, mặc áo chỉnh tề, lên lầu vái vọng bốn phương, thì bỗng nhiên từ trời cao bay xuống một con ngựa màu xanh da trời, chói sáng như làn điện chớp, uy phong đến trước vọng nguyệt đài cúi đầu vái chào nhà vua. Cũng như những lần trước, lần này vua Đảnh-Sanh thấy hiện tượng kỳ lạ xuất hiện, liền suy nghĩ và cũng có những cử chỉ khẩn nguyện như khi thấy voi trắng. Sau lời khẩn nguyện của vua, ngựa liền phi khắp cả sơn hà một lượt rồi trở về quỳ mọp trước vua Đảnh-Sanh. Nhà vua mừng rỡ, càng tự tin rằng mình sẽ là Chuyển-luân Thánh-vương.

Khoảng thời gian sau đó chẳng bao lâu, cũng trong ngày trai, một trang Nữ Bảo xuất hiện, hình dung đoan chánh, đẹp đẽ tuyệt vời, tướng chừng hơn cả bao nhiêu vẻ đẹp hương trời sắc nước tô điểm cho nàng. Từ thân thể nàng xông ra mùi thơm thiên đàn, khi miệng nói phát ra mùi thơm hoa sen. Mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi của nàng Nữ Bảo tầm xa đến hơn chín cây số ngàn. Nàng Nữ Bảo thông minh tuệ trí, ăn nói dịu dàng. Mỗi khi tay nàng đụng vào áo vua thì biết được nhà vua nghĩ gì, muốn gì, tình trạng sức khỏe của nhà vua biến chuyển thăng trầm ra sao! Vua Đảnh-Sanh được nàng Nữ Bảo đến hầu hạ, tự nghĩ rằng, trước kia những vị tiên nhân ngũ thông thường giảng nói: Những bậc Chuyển-luân Thánh-vương thường được có nhân vật Nữ Bảo hiện đến hiến dâng phò giúp. Ta nay được Nữ Bảo, chắc ta sẽ là Chuyển-luân Thánh-vương.

Tiếp theo đó chẳng bao lâu, có vị thần Chủ-Tạng xuất hiện đến yết kiến vua Đảnh-Sanh. Vị thần này quản thủ tất cả của thất bảo trong thiên hạ. Mắt có thể nhìn thấu suốt lòng đất, xuyên suốt biển sâu núi rừng. Vua Đảnh-Sanh, muốn thử tài năng của vị thần Chủ-Tạng này, nên cùng với thần ngồi thuyền ra biển cả và nói: "Nay ta muốn lấy trân bảo lạ, nhà ngươi có cách nào giúp ta toại nguyện không?"

Thần Chủ-Tạng nghe nhà vua phán xong, liền lấy hai tay khuấy nước biển, trên mười đầu ngón tay của thần hiện ra mười kho đầy trân bảo, và nói: "Muôn tâu Thánh-thượng! Tùy ý ngài lấy dùng, còn bao nhiêu tôi sẽ trả về biển cả". Vua Đảnh-Sanh tự tin biết mình được phước báu của bậc Chuyên-luân Thánh-vương.

Tiếp theo sau đó chẳng bao lâu, lại có vị thần Chủ-Binh xuất hiện, uy phong lẫm liệt, thông suốt thao lược binh thư, tấn thối vẹn toàn, trăm trận trăm thắng. Vua Đảnh-Sanh được thần Chủ-Binh tận lực phò trì, lòng vô cùng hoan hỷ, tự nghĩ mình có phần phước Chuyên-luân Thánh-vương.

Sau khi vua Đảnh-Sanh được thất bảo, lại có voi báu, ngựa báu, và tướng thần, nữ bảo không thiếu món gì, nhà vua phán với các triều thần bá quan văn võ rằng: "Nay bảy báu trong cõi Diêm-phù-đề đã thuộc về ta, mưa thuận gió hòa, nhân dân an lạc. Ta phải làm gì nữa đây?"

Các quan triều thần tâu rằng: "Muôn tâu Thánh-thượng! Thiên hạ thế gian đã quy thuận thánh triều, nhưng Phát-Bà-Đề là vị chủ tể phương Đông vẫn chưa thuận phục. Vậy Thánh-thượng nên đem quan đến đó mà làm cho họ khuất phục". Nghe theo lời tâu, nhà vua đem bảy báu và quân binh đến phương Đông chinh phục. Vừa nghe vua Đảnh-Sanh đến, Phát-Bà-Đề và dân chúng đều khắp khởi vui mừng, quỳ kính nghinh đón, xin quy thuận.

Các triều thần lại tâu với vua Đảnh-Sanh rằng: "Cõi Diêm-phù-đề ngài đã thống lãnh, Phát-Bà-Đề ở phương Đông ngài cũng đã khuất phục, nhưng Cô-Đà-Ni chủ trì ở phương Tây chưa quy thuận, mong ngài hãy đem bảy báu và quân binh đến đó để điều ngự họ. Khi Cô-Đà-Ni và dân chúng phương Tây nghe vua Đảnh-Sanh và quân binh đến, thấy đều tỏ lòng kính quý vui mừng nghinh tiếp, xin quy thuận.

Cũng như những lần trước, vua Đảnh-Sanh được Uất-Đàn-Việt ở phương Bắc và dân chúng nơi đây nghinh đón xin quy thuận. Thế là cõi Diêm-phù-đề và bốn phương thiên hạ đều thần phục về một mối, dưới sự trị vì của vua Đảnh-Sanh.

Các quan triều thần lại tâu với vua Đảnh-Sanh rằng: "Bốn phương thiên hạ trong cõi Diêm-phù-đề đã nằm dưới tay thống trị của Thánh-thượng. Nay chỉ còn có chư Thiên cõi trời Đao-lợi, từng trời thứ ba mươi là cõi trời phước lạc sung túc; tướng ăn, thì thức ăn cao lương mỹ vị liền hiện đến; tướng mặc, thì y phục đẹp tốt hoa lệ liền hiện kề; mạng sống lâu dài, thân hình đẹp đẽ trang nghiêm, không cõi trời nào sánh bằng, mà cho đến nay họ vẫn chưa quy

thuận Thánh-thượng. Vậy hạ thần chúng tôi dám mong Thánh-thượng nên đem bảy báu, ngàn thái tử và quân binh đến đó chinh phục".

Vua Đảnh-Sanh tiếp tấu thực hành. Nhờ phước tu nhiều kiếp, uy đức cao dày sung mãn, nhà vua mang quân binh đằng vân vượt lớp lớp tầng không đến cửa trời Đao-Lợi. Nơi đây, nhà vua thấy một cây đại thọ to lớn xanh tươi rậm rạp hoa trái muôn màu, lóng lánh ánh kim cương, gió thoảng hơi mát, phảng phất mùi hương thơm nhẹ, khiến cho lòng nhà vua và quân sĩ cảm thấy khoan khoái thanh thoát, quên bao nỗi mệt nhọc trong thời gian qua đã phải vượt lớp lớp tầng mây mới đến được chốn này.

Thấy thế, vua Đảnh-Sanh hỏi nguyên do. Vị đại thần đáp: "Đó là cây Ba-Li-Chất-Đa. Nơi cây này, hằng năm chư tiên thiên cõi trời Đao-Lợi tập họp vui chơi hưởng lạc suốt trong ba tháng mùa hạ".

Nhà vua lại thấy một khối trắng bạc như đám mây ngàn, liền hỏi. Một trong những vị đại thần đáp: "Đó là Thiên-Pháp-Đường. Nơi mà chư Thiên cõi trời Đao-Lợi thường hội họp để bàn việc thiên đình và nhân gian thế sự".

Vị đại thần vừa tâu xong, thì trời Đế-Thích, vị vua của cõi trời Đao-Lợi và chư thiên đình tiên nữ hiện đến đều cung kính chấp tay lễ chào nghinh đón vua Đảnh-Sanh. Tiếp theo, vua trời Đế-Thích mời vua Chuyển-luân Đảnh-Sanh vào Thiên-Pháp-Đường, rồi thứ tự theo chỗ chủ khách cùng ngồi.

Lúc ngồi đối diện, tướng mạo của hai vua đoan trang tốt đẹp giống nhau. Vua trời Đế-Thích nhờ nhiều kiếp thọ trì đọc tụng kinh điển Đại-thừa, diễn nói chánh pháp, tu tập pháp lành, hộ trì Phật Pháp, vun bồi công đức lớn, nên được thân hình và cõi nước trang nghiêm an lạc.

Trong khi đối diện đàm đạo với vua trời Đế-Thích, cảnh tiên thiên tuyệt mỹ an nhàn, vua Đảnh-Sanh khởi tâm suy nghĩ rằng: "Ta có nên chiếm lấy cõi trời Đao-Lợi này để ở lại đây luôn không?"

Vua Đảnh-Sanh vừa khởi vọng niệm như vậy, liền đọa trở lại cõi trần gian Diêm-phù-đề. Nhà vua chán chường đau khổ tiếc nuối cảnh tiên thiên, ô mê lòng hoài vọng nhớ thương xót xa sự ly biệt giữa người và thiên giới, rồi sâu não phát bệnh mà chết.

Đức Phật nói với đại chúng rằng: "Trời Đế-Thích thuở ấy chính là tiền thân đức Phật Ca-Điếp. Còn vị vua Chuyển-luân Thánh-vương Đảnh-Sanh kia chính là tiền thân của ta đây vậy.

---o0o---

Vì Hiếu Quên Thù

Một hôm trên pháp tòa đang thuyết giảng về lý Nhân Quả, khi đề cập đến kiếp quá khứ, đức Phật nói với đại chúng rằng: Thuở đời quá khứ vô lượng kiếp có một nhà vua rất mực nhân từ, lấy điều nhân nghĩa hiền đức trị dân, nhờ vậy mà khắp nơi thanh bình lạc nghiệp, dân chúng trong nước mến phục đức vua, nên thường gọi vua là Hiền-Vương. Lúc bấy giờ có vua nước lân bang vô cùng tham lam độc ác, bóc lột dân lành, hành hạ trăm họ, tóm thù của quý trong thiên hạ dồn vào kho tàng nhà vua. Vì vậy, đâu đâu trong nước của nhà vua ác độc kia cũng nghe thấy tiếng ta thán oán hận. Nhân dân gọi vua đó là Ác-Vương.

Vua lân bang tham ác thấy nước của vị vua Hiền-Đức ngày một thanh bình giàu mạnh, dân chúng sống hạnh phúc ấm no, mới nghĩ bụng rằng, từ lâu nghe nói vị vua Hiền-Đức này chưa từng sát sanh giết hại mạng sống của ai. Nếu nay ta đem quân đánh chiếm thì chắc dễ dàng chiến thắng. Nghĩ như vậy rồi, Ác-Vương liền hội họp triều thần, trình bày kế hoạch xuất quân tấn công nước của vua Hiền-Đức. Quân thần văn võ bá quan của Ác-Vương đều tán đồng ca tụng Ác-Vương là bậc vua anh hùng tài trí, dũng lược có tài cái thế an bang.

Nghe quân của Ác-Vương tấn công xâm lăng nước mình, vua Hiền-Đức còn đang suy nghĩ tận thối lưỡng nan, thì các đại thần tướng sĩ họp nhau lại tâu vua rằng: "Tâu Bệ-hạ! Xin bệ hạ lập tức ra lệnh xuất binh dẹp trừ quân giặc xâm lăng. Hiện nay trong triều không thiếu gì mưu sĩ tướng tài quân giỏi. Xin Bệ-hạ phải nghĩ đến sự an nguy của quốc gia xã tắc và sự sanh tồn của muôn dân mà lập tức hạ chiếu chỉ cấp tốc xuất quân để diệt trừ giặc".

Vua Hiền-Đức nghĩ rằng: "Nếu ta xuất quân thắng địch, thì sẽ gây ra quân ta và quân giặc cảnh đầu rơi máu đổ, tạo điều đau khổ cho vợ con họ biết chừng nào. Còn nếu ta không xuất quân, thì dân tình sẽ tắm máu đào trong cảnh binh đao khói lửa, gây nên tang tóc khóc than ngút ngàn, bởi quân giặc hoành hành. Cho dù thắng hay bại cũng chỉ vì ngôi vị đế vương của ta. Ta không thể nào nhẫn tâm làm việc như thế này".

Biết được ý nghĩ của vua Hiền-Đức, nên đã bao lần quần thần hội họp triều kiến khẩn thiết lạy xin nhà vua hãy cấp tốc ra lệnh xuất quân phản công để diệt trừ quân giặc xâm lăng. Nhưng nhà vua vẫn thái độ trầm buồn yên lặng.

Quần thần tướng sĩ đều cho như vậy là điều sỉ nhục quốc thể, khinh thường quốc dân, nên họ tự động cùng nhau đồng tâm quyết chí tự điều khiển binh mã ra trận chống giặc. Riêng vua Hiền-Đức bàn cùng thái tử rằng: "Ta không thể chứng kiến cảnh xương rơi máu đổ, chỉ vì ngôi vị của cha con ta. Vậy cha con ta nên rời khỏi hoàng thành này. Mặc cho kẻ giặc muốn chiếm nước chiếm ngôi, miễn bá tánh trăm họ tránh khỏi chết chóc khổ sở là cha an lòng rồi!"

Thế rồi, vua Hiền-Đức và thái tử cùng nhau lén ra khỏi hoàng thành, lẩn tránh lên núi cao rừng thẳm ẩn cư. Vài hôm sau quân giặc tấn công chiếm thành, tiến thẳng vào cung điện nhà vua lục soát, nhưng không thấy vua Hiền-Đức đâu cả. Quân giặc cả giận truyền lệnh: "Ai tìm bắt được hoặc chỉ chỗ ẩn cư của vua Hiền-Đức thì sẽ được trọng thưởng trăm ngàn lượng vàng và chức quan lớn". Lệnh này chẳng bao lâu truyền khắp cả nước.

Sau khi rời khỏi hoàng cung đi ẩn vào chốn thâm sơn cùng cốc, vua Hiền-Đức ngày đêm tĩnh tọa suy tư sự đời: "Thế gian vô thường mộng huyễn, phú quý danh vọng phù du, quốc gia hưng vong an nguy trong tác bóng, mạng sống trong hơi thở. Chúng sanh vì sắc tình danh vọng lợi lộc quyền uy, mà đời đời phải trôi lăn lặn hụp trong biển khổ luân hồi". Tư duy việc đời, rồi nghĩ đến thân phận bọt bèo, nên nhà vua suốt ngày sống trong chánh niệm thiền quán. Còn thái tử thì ngày ngày vào rừng tìm hoa trái để dâng cho vua cha độ nhứt. Vua và thái tử đã bắt đầu quen với cuộc sống thanh đạm êm đềm, vui với cảnh thiên nhiên "cái thân ngoại vật là tiên trong đời".

Cuộc sống thanh tịnh bình thản trong chốn rừng già tịch mịch đã làm cho hai tâm hồn vua và thái tử an vui với những ngày chim kêu vượn hú, cây cỏ núi rừng, non nước trời mây; đêm đêm thả hồn với trăng sao, cõi lòng hòa cùng với bao la vũ trụ, quên hết chuyện đời.

Cuộc sống ẩn dật của nhà vua lặng lẽ trôi qua như dòng suối mát, tưởng thế là đã yên phận. Nào ngờ, bỗng một hôm có người Bà-la-môn đến tìm gặp vua và nói: "Tôi là người đói khổ không đủ cơm ăn áo mặc. Nghe lời truyền rao của vua Ác-Vương rằng: Ai kiếm được Ngài thì sẽ được trọng thưởng trăm ngàn lượng vàng và được quan tước lớn. Vì lẽ sống, tôi không quản ngại cực khổ hiểm nguy, trải qua bao ngày tháng lặn lội đó đây để tìm Ngài, thì mãi đến hôm nay mới được gặp".

Vua Hiền-Đức nghe xong, bình thản đáp: "Hiện nay ta không còn gì hết! Thôi thì ta vui lòng cho nhà ngươi cái thân mạng của ta đây, để nhà ngươi

đem nộp cho tân vương thì sẽ được trọng thưởng, hưởng giàu sang, quan to chức lớn".

Nghe nhà vua Hiền-Đức bảo thế, người Bà-la-môn rất đổi vui mừng nhưng làm bộ than thở nói: "Vì hoàn cảnh chứ tôi nào có đành lòng làm chuyện này đâu!"

Vua Hiền-Đức từ hòa nói với người Bà-la-môn: "Người cứ nên làm theo ý định đã thúc đẩy người đến đây tìm ta. Ta vui lòng xả bỏ thân này. Đời người sớm muộn, già trẻ gì rồi cũng một lần chết. Sống mà có ích cho đời thì đáng sống. Còn sống mà không có ích cho đời thì cái sống đó có ý nghĩa gì đâu? Chết mà có ích cho ai được nhiều, thì ít nhất cái chết của ta cũng giúp được cho người sẽ có đời sống tốt đẹp hơn. Đời người chỉ là một giấc mơ. Tất cả thế gian này đều là tạm bợ mộng huyễn. Người cứ tự tiện dùng thân mạng ta".

Người Bà-la-môn nói: "Nếu lòng từ bi của Ngài đã quyết, thì xin Ngài vui lòng theo tôi vào kinh thành để tôi hiến Ngài lên cho tân vương".

Nhà vua đổi lời từ biệt thái tử, rồi theo sau người Bà-la-môn đi vào kinh thành. Thái tử kêu gào than khóc, nhưng không dám làm phật lòng vua cha!

Vừa thấy vua Hiền-Đức trong phong thái thản nhiên trước bề rỗng của mình thì lòng vua Ác-Vương rất đổi ngạc nhiên, không dấu nổi vui mừng đắc ý và truyền lệnh trọng thưởng cho người Bà-la-môn, đồng thời ra lệnh lập tức giam vua Hiền-Đức vào ngục tối.

Sau khi nhốt vua Hiền-Đức vào ngục, Ác-Vương ra lệnh truyền rao cho dân chúng biết ngày xử tử vua Hiền-Đức bằng cách đốt sống. Dân chúng nghe tin này, ai nấy đều xúc động rơi lệ khóc than như mất một bậc cha hiền. Việc gì đến rồi phải đến. Ngày đưa vua Hiền-Đức lên dàn hỏa diển ra nơi pháp trường. Dân chúng khắp nơi trong nước thương tiếc đổ về pháp trường như nước lũ vỡ bờ, để mong được chiêm ngưỡng bậc quốc phụ của họ lần cuối.

Riêng về thái tử, sau khi vua cha rời rừng sâu theo người Bà-la-môn về triều, thì giả dạng làm người thợ săn chen lẫn trong đám thường dân đông đảo đến pháp trường. Trước khi bị châm lửa hành quyết, vua Hiền-Đức ngược mắt nhìn trời thốt to lên mấy lời tâm huyết cuối cùng: "Hỡi những người con hiếu thảo hãy noi gương cha mẹ hiền đức nhân nghĩa mà dùng Từ-Bi-Hỷ-Xả nhân hậu đối xử với mọi người. Nên lấy ân báo oán, thì oan khiên sẽ tiêu diệt. Không nên lấy thù trả oán thì thù oán sẽ chất chồng, mà kiếp kiếp sẽ

phải chìm đắm trong vòng sanh tử trả vay. Hãy nhớ những lời ta đây, hỡi những người con hiếu thảo!"

Sau khi vua Hiền-Đức chết, thái tử trở lại núi rừng, nơi vua cha và thái tử đã từng sống qua những ngày tháng êm đềm thanh thoát, nhưng bây giờ đây chỉ còn lại kỷ niệm mà thôi. Thái tử một mình một bóng sống lặng lẽ với cỏ cây hoa lá thú rừng. Nhưng đôi lúc thái tử nghĩ đến vua cha lòng trào dâng uất hận, quyết tìm cách báo thù. Những lúc ấy, hình ảnh của vua cha hiện từ thân nhiên ngồi trên đàn hỏa thốt lên những lời thống thiết cuối cùng lại hiện rõ về chiếm trọn tim óc của thái tử, làm cho lòng thái tử trở nên bình thản. Đã nhiều lần nổi uất hận trào dâng thúc dục như thế, nhưng thái tử đều khắc phục dần lòng đờc. Có những đêm một mình một bóng dưới ánh trăng thâu, nghĩ đến cái chết của vua cha, nghĩ đến sự tan tành của cả một hoàng tộc, lòng thái tử xót xa bất an uất ức, khí xung thiên sôi sục trào dâng.

Thế rồi, vào một ngày kia, nổi oán hận căm thù xâm chiếm lòng thái tử. Thái tử không còn có thể yên tâm tiếp tục sống trong chốn u tịch rừng già, nên rời bỏ chốn sơn lâm để giả dạng người thường dân lẫn vào chốn kinh thành quyết chờ dịp báo thù cha, đền nợ nước cho hả dạ. Nhờ sẵn có bẩm tánh tài trí thông minh với sự khôn ngoan lịch thiệp khéo léo, nên thái tử đã được người giới thiệu vào làm kẻ tôi tớ giúp việc cho một vị quan đại thần triều đình. Chẳng bao lâu, thái tử đã được phép gần gũi vị quan đại thần và được lòng tin cậy, xem như người tâm phúc, cho làm cận vệ sẵn sóc hằng ngày. Vị quan đại thần rất đặc ý về người cận vệ tài ba lại chu đáo của mình. Một hôm, nhân lúc cao hứng, quan đại thần hỏi: "Ngoài việc hằng ngày con hầu cận bên ta, con còn có tài đặc biệt nào nữa không?"

Thái tử đáp: "Nghề nào con cũng có thể làm được. Nhưng đặc biệt là nghề nấu ăn thì con có khả năng và thích thú nhất".

Quả thật không sai, sau mấy lần nấu ăn, quan đại thần rất hài lòng về hương vị những món ăn do thái tử nấu. Từ đấy trở đi, quan đại thần lấy làm đặc ý, thường bày yến tiệc mời vua và các quan đại thần trong triều. Đặc biệt, mỗi lần vua dự tiệc do thái tử đích thân đầu bếp thì đều Ấc-Vương tấm tắc khen thức ăn đặc biệt ngon. Nhờ sự khéo tay, chẳng bao lâu tiếng khen về tài nấu ăn của thái tử được đồn khắp cả hoàng triều.

Biết được ý vua muốn người đầu bếp của mình, đồng thời vị quan đại thần này cũng muốn đẹp lòng vua, nên đã tiến cử thái tử để cho vua dùng. Nhà vua được người đầu bếp đặc biệt xuất sắc, nên rất đổi hài lòng. Chẳng bao

lâu, thái tử được nhà vua thương mến tin cậy, phong chức quan yển trù để coi việc ăn uống và yến tiệc cho vua. Nhờ cách ăn nói khôn ngoan, với tài nấu thức ăn khéo léo, chẳng bao lâu thái tử được vua xem như người tâm phúc, luôn luôn được gần gũi bên cạnh vua. Từ ngày được hôm sớm hầu cận chăm sóc thức ăn cho Ác-Vương, thái tử lại càng tỏ ra tế nhị khôn khéo hiền hậu chân thật, nên Ác-Vương vô cùng thương mến tin cậy.

Một hôm Ác-Vương bảo thái tử chuẩn bị thức ăn để cùng vào rừng săn bắn. Trong lúc Ác-Vương hứng thú mãi mê đuổi theo một con nai, nên bỏ đoàn tùy tùng cách xa phía sau. Chỉ có Ác-Vương và thái tử đuổi theo nai lạc sâu vào rừng già. Đến trưa, Ác-Vương quá mệt mỏi nằm nghỉ dưới gốc cây, trao bảo kiếm cho thái tử cầm giữ. Dưới bóng mát, gió rừng phảng phất hiu hiu, hương rừng thoảng nhẹ, Ác-Vương gối đầu lên bấp vê của thái tử ngủ say lúc nào không hay.

Trong lúc đó, thái tử nghĩ rằng: "Giờ đây kẻ thù đã nằm trong tay ta rồi!" Thái tử rút gươm định chém Ác-Vương. Nhưng ngay khi đó, lời trăng trối của vua cha vang vọng sống dậy nơi lòng: "Hỡi những người con hiếu thảo! Không nên lấy oán trả oán, thì oán sẽ diệt dứt ... " Rồi thái tử lại nhẹ nhàng tra thanh kiếm vào vỏ. Ba lần rút kiếm ra định chém đầu Ác-Vương. Nhưng ba lần hình ảnh của vua cha Hiền Đức hiện rõ về trong tâm thức với lời trăng trối thông thiết trước khi chết trên đàn hỏa đờ rực, làm cho thái tử ngừng tay.

Ác-Vương giật mình tỉnh giấc hoảng hốt kêu to trong giọng nói kinh hoàng, đôi mắt trăn trăn nhìn thái tử nói: "Vừa rồi trẫm chiêm bao thấy có người cầm gươm muốn giết trẫm! Kinh khủng quá!"

Thái tử từ tốn lễ độ thưa: "Tâu Bệ-hạ! Có lẽ bệ hạ vì quá mệt mỏi, nên ngủ chiêm bao thế thôi. Có hạ thần đây rồi, ai mà dám hại Bệ-hạ! Xin Bệ-hạ cứ yên tâm".

Ác-Vương nghe người đầu bếp tâm phúc của mình nói thế, lấy làm yên lòng rồi nằm ngủ tiếp. Nhưng chẳng bao lâu, nhà vua lại giật mình hoảng hốt thốt lên: "Trẫm chiêm bao thấy có người rút gươm muốn giết trẫm!" Đến lần chiêm bao thứ ba, Ác-Vương quá kinh hãi về giấc mộng khủng khiếp, nên ngồi chồm dậy kể cho thái tử nghe: "Trong giấc chiêm bao, trẫm thấy rõ thái tử con vua Hiền-Đức rút gươm muốn chém ta! Lạ thật! Tại sao chỉ trong thời gian ngắn, mà trẫm đã ba lần chiêm bao giống nhau như thế này?" Ác-Vương rất đỗi lo âu cho mệnh hệ của mình.

Thái tử thấy thái độ của Ác-Vương bàng hoàng khùng hoảng, động mối từ tâm, không còn muốn che dấu nỗi lòng sâu kín đã ấp ủ từ lâu, liền bày tỏ tự sự với Ác-Vương: "Tâu Bệ-hạ! Bệ-hạ có biết chăng? Con của tiên vương Hiền-Đức chính là hạ thần đây! Trong khi Bệ-hạ mỗi một say mê trong giấc ngủ, hạ thần đã ba lần rút gươm toan muốn chém đầu Bệ-hạ để trả thù cho Phụ-vương. Nhưng nhớ lại lời phụ vương của hạ thần khi bị đưa lên dàn hỏa bực tử, trước khi nhắm mắt, người còn thống thiết căn dặn: "Hỡi những người con hiếu thảo! Không nên lấy oán báo oán, oán sẽ chất chồng. Nên lấy ân trả oán, thì oán sẽ dứt diệt ..." Do vậy mà hạ thần đã dừng tay. Và sáng nay, khi mãi mê rượt đuổi nai, hạ thần cố ý làm cho Bệ-hạ lạc vào rừng sâu, chứ đâu phải hạ thần không biết lối ra! Hạ thần đã có những việc lỗi lầm như thế, xin Bệ-hạ tùy ý xử phạt".

Ác-Vương nghe thái tử thuật xong, rất đỗi xúc động phán rằng: "Ta rất khâm phục tiên vương là bậc nhân đức. Ta rất xúc động quý mến khanh là kẻ chí hiếu đáng nêu gương cho đời noi theo. Còn so lại ta đây, thật quả là kẻ quá tham ác tàn nhẫn. Giờ đây ta hiểu rõ điều thiện lẽ ác rồi. Đúng lúc ta vui lòng đền tội để giải nỗi oan khiên khổ tâm thâm kín của khanh bấy lâu".

Nghe qua những lời này, thái tử quá xúc động quỳ khóc trước mặt Ác-Vương, rồi ngược mặt lên trời phát nguyện những lời thống thiết: "Giữa Bệ-hạ và tiểu thần này kể từ nay trở đi không còn thù hận gì nữa. Xin Trời Đất và Phụ-vương chứng cho lòng thành của con!"

Ác-Vương cảm động nắm lấy tay của thái tử rung rung rơi lệ, nghẹn ngào thốt không nên lời. Thế rồi hai người, Ác-Vương và thái tử cùng nhau ra khỏi rừng già, thì thấy đoàn tùy tùng đều lộ vẻ lo âu cho nhà vua, họ đã chờ đợi nhà vua từ lúc nào.

Ác-Vương hướng về đám quần thần tùy tùng nói lớn: "Các khanh hãy nghe đây! Hôm nay ta muốn cho các khanh biết một điều tối quan trọng. Các khanh có biết thái tử con của tiên vương Hiền-Đức giờ này đang ở đâu không?"

Mọi người đều ngơ ngác nhìn nhau trước câu hỏi bất ngờ của Ác-Vương. Thì trong đám tùy tùng có một đại thần bước ra quỳ gối tâu rằng: "Tâu Bệ-hạ! Khi hành quyết hỏa thiêu vua Hiền-Đức, thì thái tử con của vua ấy đã thất kinh hồn vía chạy lạc mất cho đến nay, không còn biết tông tích ở đâu nữa cả".

Ác-Vương xoay lại nắm lấy tay thái tử giơ cao lên hướng về mọi người mà phán to rằng: "Đây chính là thái tử con của tiên vương Hiền-Đức. Đúng là một người con chí hiếu, một bậc trung thân nhân hậu, không trả thù, mà lấy ân báo oán. Nhờ đức tánh trung hậu quân tử đó, nên ta còn được sống mà gặp lại các khanh nơi đây. Nếu không, ta đã rơi đầu nơi rừng sâu, đâu còn có cơ hội gặp lại các khanh nữa. Nay ta quyết định trả nước lại cho thái tử và làm lễ đăng quang để thái tử lên ngôi kế vị tiên vương Hiền-Đức. Từ đây hai nước kết giao thân hữu".

Trước lời tuyên bố bất ngờ của Ác-Vương, quần thần ngỡ ngác ngạc nhiên. Sau đó, thái tử được suy tôn lên ngôi vua, dân chúng cả nước vạn triệu người như một hân hoan khắp khởi vui mừng, âu ca lạc nghiệp.

Giảng xong câu chuyện tiền kiếp trên đây, đức Phật hướng về đại chúng nói rằng: "Vị Ác-Vương ở thời quá khứ kia chính là Đê-Bà Đạt-Đa. Còn vị thái tử trung hiếu kia là tiền thân của A-Nan. Vị vua Hiền-Đức thời quá khứ đó chính là tiền thân của Thích-Ca Như-Lai đây vậy".

---o0o---

Kẻ Ngu Hay Cãi

Một thuở nọ, đức Phật đang ở trong vườn Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc, thành Xá-Vệ, giảng pháp cho đồ đệ nghe. Thính chúng trong pháp hội này gồm hàng tại gia, xuất gia đủ cả tứ chúng, và vua quan, đại thần, tể tướng, bá quan, vạn dân, hơn tám vạn người.

Gần đến giờ Ngọ, các thầy tỳ-kheo phân thành từng đoàn bung bình bát vào thành Xá-Vệ khát thực. Trên đường đi vào thành, trời còn sớm, chưa đến giờ Ngọ, các thầy tỳ-kheo mới bàn với nhau rằng: "Trời hãy còn sớm, nếu chúng ta vào thành khát thực e rằng các tín chủ chưa chuẩn bị kịp thức ăn cúng dường. Tốt hơn, để tránh sự phiền lòng vội vã của người tín chủ có thể khởi tâm không được hoan hỷ trọn vẹn, thì chi bằng chúng ta cùng nhau tạm thời đi vào giáo đường của đạo Bà-la-môn nghỉ chân một lát, đồng thời cũng để nghe họ giảng đạo ra sao, rồi sau đó đi vào thành khát thực thì có lẽ hợp thời hơn".

Nghe vậy, đa số đều đồng ý kéo nhau vào giáo đường Bà-la-môn. Các thầy tỳ-kheo lễ phép chào hỏi xong, mỗi người kiếm chỗ ngồi nghe theo các đạo trưởng Bà-la-môn và đồ chúng của họ luận đạo. Các thầy Bà-la-môn bàn cãi

đạo lý với nhau, ai cũng tranh phần đúng, ai cũng nói mình có lý, ai cũng nói ý kiến của mình là hợp với chân lý hơn, đáng để thực hành. Các thầy Bà-la-môn luận cãi nhau mỗi lúc một sôi nổi không còn giữ được thái độ bình tĩnh nữa, đưa đến những lời thề thốt văng tục, và tiếp theo đó là chân tay gây gộc, cuối cùng trận đấu khẩu luận đạo của họ biến thành trận ẩu đả hỗn loạn.

Các thầy tỳ-kheo thấy vậy cùng nhau đứng dậy lặng lẽ bỏ đi để vào thành khát thực. Đến giờ ngộ, các thầy tỳ-kheo đều trở về tịnh xá thọ trai.

Sau khi thọ trai xong, tăng chúng vây quanh Phật và đem những việc đã nghe thấy ở giáo đường Bà-la-môn vừa rồi, bạch lên đức Phật: "Bạch đức Thế-Tôn! Những người đạo Bà-la-môn họ vì tìm chân lý mà biện luận tranh cãi nặng lời, đến nỗi dùng tới dao gậy đá thương nhau. Như thế thì chừng nào họ mới đạt được chân lý? Cúi xin đức Thế-Tôn từ bi chỉ dạy để cho chúng con được rõ".

Đức Phật mỉm cười hiền hòa đáp: "Này các con! Tất cả đều do si mê mà ra. Không phải các người Bà-la-môn kia chỉ ngu dốt sâu hận ở một đời này đâu! Mà ta nhớ từ thuở quá khứ xa xưa, trong một kiếp nọ, cũng ở cõi Ta-bà này, có một nhà vua sùng tín đạo Phật. Ngày ngày ngoài việc triều chính ra, nhà vua còn chuyên cần nghiên cứu thông hiểu nghĩa lý kinh Phật, thực hành lời Phật dạy. Trái lại đình thần dân chúng trong nước không nhiệt tâm hâm mộ Phật Pháp, không thông hiểu đạo lý của chư Phật. Xem một vài trang kinh sách Phật, rồi họ tưởng là đủ thông hiểu lời chư Phật dạy. Họ tỏ ra khinh mạn tự cao tự mãn. Vì vậy, tâm trí hiểu biết của họ đối với giáo nghĩa của chư Phật chẳng khác nào như bọt nước trong biển cả, như ngôi sao đối với ánh trăng, như miệng chum đối với quãng trời bao la cao rộng, như ếch ngồi đáy giếng, như hồ ao nhỏ bé đối với đại dương. Lại có lắm kẻ còn tin theo giáo thuyết tà ma ngoại đạo. Để cho quần thần dân chúng tỉnh ngộ, hâm mộ nghiên cứu giáo lý Phật-Đà, nhà vua truyền lệnh tìm hết những người mù trong nước từ thuở còn lọt lòng, tập trung lại tại một nơi trong hoàng cung.

Sau hơn ba tháng trời, những người mù khắp nơi trong nước, được đưa về triều. Nhà vua lại truyền lệnh các quan trong triều và dân chúng cả nước phải tụ tập ở quảng trường trước cửa ngõ môn hoàng thành để chánh kiến cảnh thí nghiệm hy hữu. Đồng thời nhà vua cũng ra lệnh cho quan quản tượng dắt voi ra để cho những người mù sờ và cho họ tự do phát biểu ý kiến theo sự hiểu biết của họ. Còn nhà vua thì đích thân chủ tọa cuộc thí nghiệm này.

Những người mù được dắt đến vây quanh, để họ tùy thích sờ mó voi một hồi lâu, rồi xem họ phát biểu sự hiểu biết của mình. Người sờ trúng chân voi, thì nói voi giống như cái quạt. Kẻ sờ trúng vành lỗ tai, thì nói voi như cái rổ. Người sờ trúng đuôi, thì nói voi giống như cái chổi. Kẻ sờ trúng bụng voi, thì nói voi giống như trống chầu. Kẻ sờ trúng hông voi, thì nói voi giống như bức tường. Người sờ trúng lưng voi, thì nói voi như mặt bàn. Kẻ sờ trúng ngà voi, thì nói voi giống như cái kèn. Rồi cả bọn họ cãi nhau ồn ào để tranh phần đúng về mình.

Thấy bọn mù tranh cãi về sự hiểu biết của mình đối với voi, mỗi lúc một ồn ào. Không ai chịu thua ai, họ quờ quạng muốn đánh nhau. Thấy cảnh tượng như vậy, không nén được lòng, nhà vua bật cười to ha hả và phán với thần dân rằng: "Các quan văn võ triều thần và dân chúng cả nước đối với Phật Pháp hiểu biết chẳng khác nào như những kẻ mù kia hiểu biết về con voi". Rồi nhà vua ngâm lớn kệ rằng:

*Thần dân cả nước khác chi mù
Phật Pháp hiển bày cứ vẫn ngu
Chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng nghiên cứu
Nghông nghênh khoe mép, tưởng đặc thù.*

Ngâm xong bài kệ, nhà vua hướng về thần dân giảng nói lớn rằng: "Ở đời có những kẻ chỉ mới học năm ba quyển sách, hiểu biết nông cạn như vài bụm cát trong bãi biển mà cứ tưởng mình thâm hiểu kinh điển diệu lý cao siêu, rồi vênh váo tự đắc, khua môi múa mép, tự cho ta đây là hơn cả. Những kẻ đó chẳng khác nào những kẻ mù sờ voi kia vậy". Nói xong, nhà vua đứng dậy thành kính chấp tay ngược mặt lên trời đọc lời đại nguyện:

*Chúng sanh vô biên, thệ độ hết,
Phiền não vô tận, thệ đoạn sạch,
Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng, thệ nguyện thành.*

Đức Phật thuật câu chuyện trên xong, để giải đáp thắc mắc của các tỳ-kheo kia, Ngài hướng về đại chúng mà nói rằng: "Những người Bà-la-môn tranh cãi ẩu đả trong giáo đường của họ, mà các con vừa thấy đó, tiền kiếp của họ chính là bọn người mù sờ voi ở thời quá khứ. Họ ngu dốt không chịu tìm minh sư học đạo, không chịu thân gần thiện-tri-thức để học hỏi kinh điển, nghiên tầm nghĩa lý chơn chánh, chuyên tâm tu niệm, mà cứ tranh cãi hơn

thua, nên mãi đắm chìm trong ngu dốt. Còn vị vua ở thời quá khứ đó, chính là tiền thân của Như-Lai ta đây vậy".

---o0o---

Chồn Cưỡi Công Chúa

Một thuở nọ tại vườn Trúc-Lâm thuộc thành Vương-Xá, ta từng nghe đức Phật nói như vậy: "Thuở xa xưa vào một kiếp nọ, có vị đạo sĩ lánh mình ẩn tu trong hang động, ngày ngày sống với núi rừng cỏ cây, vui với chim hót suối reo, đêm đêm chuyên tâm thiền tọa tụng kinh âm thanh lãnh lót thiền vị làm sao! Trong lúc ấy, có một con chồn đêm đêm cứ đứng giờ tụng kinh của đạo sĩ là nó đến nằm trước cửa để nghe. Cho dù gặp phải những đêm giông tố sấm sét gió mưa, chồn cũng vẫn không vắng thiếu bữa nào. Lâu ngày, con chồn kia như thấm được lời kinh tiếng kệ, hiểu được nghĩa lý vi diệu một vài đoạn kinh. Thế rồi một hôm chồn nảy sinh ra ý nghĩ kỳ lạ: "Nay ta đã hiểu được nghĩa lý kinh điển thánh hiền. Thánh hiền là bậc tôn quý của loài người. Còn ta nay hiểu được giáo lý của thánh hiền, thì ta chắc phải được làm vua trong loài thú. Mà vua thì phải có quần thần". Nghĩ như thế rồi, chồn kia đứng dậy lập mưu chiêu binh mãi mã.

Trên đường chiêu mộ binh sĩ, đầu tiên chồn gặp một con cáo đang mắc bệnh liên phu trương hùng hổ ra oai nhảy lại toan muốn giết cáo. Cáo kia đang lúc bệnh mới mệ thấy vậy thất kinh mới hỏi chồn: "Tôi với anh không có oán thù, sao anh lại muốn giết tôi".

Chồn găm gù hung hăng đáp: "Người có biết ta đây là chúa tể của muôn loài hay không? Tại sao người thấy ta mà không biết hạ mình cung kính lễ chào? Như thế là người đắc tội khi quân. Ta không giết thì để người sống làm gì nữa chứ? Nếu người chịu phục tùng theo ta, thì ta tha cho mạng sống, sẽ hưởng được sung sướng sau này".

Vì con bệnh hoành hành đau nhức không còn sức lực để tranh hùng, nên cáo phải hạ mình nói: "Thưa ngài! Xin ngài tha tội. Tôi xin tuân lệnh phục tùng theo hầu hạ ngài".

Thế rồi hai con chồn cáo cùng kéo nhau đi. Đi được một quãng đường thì gặp một con chó sói lạc đàn đói khát đang đi kiếm ăn. Chồn và cáo liền bao vây tấn công muốn giết chó sói. Bất ngờ trước hành động hung tợn của đôi

phương, chó sói lấy làm kinh hoàng ngạc nhiên hỏi: "Tôi với hai anh có oán thù gì đâu? Tại sao hai anh lại muốn hãm hại tôi? "

Chồn hùng hổ nói: "Nhà ngươi gặp vua tôi của ta đi kinh lý mà không biết giữ lễ vái chào, lại còn tỏ ra lơ là mục hạ vô nhơn. Ta không triệt hạ ngươi thì để làm chi nữa chứ? Nếu ngươi chịu theo ta thì được sống. Bằng không thì tự chuốc lấy cái chết vào thân ngay bây giờ. Một trong hai con đường, theo ta thì sống, chống lại thì chết, ngươi phải chọn gấp".

Nghe thế, sói thấy mình thân cô thế yếu, đành nuốt hận hạ giọng nói: "Thưa ngài! Xin ngài bớt giận tha mạng cho. Tôi nguyện tuân theo lời ngài, phục tùng hầu hạ".

Được sói xong, chồn lại tiếp tục đi chiêu mộ binh mã, khéo lợi dụng khí thế quần bầy để uy hiếp thế cô, khéo mưu mô dùng voi khắc phục cọp, lợi dụng loài thú này khắc phục loài thú khác. Nên chẳng bao lâu cọp, beo, voi, sư tử đều bị mắc mưu phục tùng chồn . Từ đây, chồn tự xưng làm chúa tể muôn loài.

Từ khi các loài ác thú núi rừng phục tùng dưới sự chỉ huy của chồn, thì chồn tự cho mình là có uy thế hùng mạnh nhất trong muôn loài. Nên chồn lại nghĩ rằng: "Ta bây giờ nghiễm nhiên là một vị vua của muôn loài. Thế là ta phải có hoàng hậu. Mà hoàng hậu thuộc loài thú thì hóa ra tầm thường thấp hèn lắm sao?! Không được, ta phải kiếm trong loài người một công chúa trẻ đẹp để làm hoàng hậu, như thế mới tỏ ra được cái đặc biệt hơn muôn loài thú vật". Nghĩ vậy rồi, chồn cười trên lưng một thớt voi to mạnh dẫn theo sau đoàn cáo, sư tử, voi vào thành Ba-La-Nại. Dân chúng trong thành thấy đoàn ác thú hung hăng đi đứng lảng xảng trên các đường sá phố phường, nên ai nấy đều khiếp sợ. Chẳng mấy chốc, tin này được trình báo đến nhà vua tới tấp. Vua lập tức phái sứ giả ra nói: "Chúng ngươi là loài thú ở chốn núi rừng, sao lại dám cả gan ngang tàng đi trong phố xá làm cho dân chúng lo sợ bất an như thế này?"

Ngồi chễm chệ trên lưng voi, chồn hất mặt xác xược đáp: "Ta là vua của tất cả muôn loài. Ta nay đến đây là muốn cưới công chúa của thành Ba-La-Nại này để làm hoàng hậu. Các ngươi có thuận theo lời ta thì tốt. Ta để cho dân chúng được an ổn. Bằng không thuận gả công chúa cho ta. Thì trước hết các ngươi hãy nhìn vào binh tướng hùng dũng của ta đây, chỉ trong giây lát thành trì này sẽ sụp đổ tan tành, dân chúng trong thành sẽ bị nghiền nát

không còn một mạng. Vậy người hãy lập tức trở về tâu lại cho vua của các người biết quyết định của ta".

Sau khi được sứ giả trình tấu, nhà vua rất là lo âu, liền hội quần thần văn võ bá quan trình bày rõ sự việc để tìm phương kịp thời đối phó. Các quần thần nghe nói đến voi, sư-tử, cọp, beo kết thành đoàn kéo vào phố phường, ai nấy đều xanh mặt thất sắc đồng tâu lên vua rằng: "Xin Bệ-hạ nên thuận theo lời của chồn, mà đem công chúa gả cho nó, để đổi lấy sự sanh tồn của trăm họ, sự an toàn của thành trì, và sự thanh bình của quốc gia xã tắc. Bằng không thì chúng ta không thể tránh được hiểm nguy. Bởi vì trong nước ta hiện nay chỉ có voi, ngựa là bậc giỏi hơn hết. Nhưng chồn kia không những chỉ có voi, ngựa mà còn có cả cọp, beo, sư-tử nữa, thì chúng ta đâu có cách nào địch nổi. Hơn nữa, hễ ngựa, voi nghe tiếng sư-tử rống thì chúng hoảng hốt bỏ mọp kinh hãi khiếp sợ chạy trốn. Như vậy, khi ra trận với chồn, thì thua là điều chắc, chúng ta khó tránh được sự tổn thất tiêu diệt. Chi bằng Bệ-hạ không nên vì tiếc một người mà để cả nước trăm họ phải chịu hậu quả không thể lường được".

Trong lúc nhà vua còn phân vân suy nghĩ chưa biết phải quyết định ra sao, thì có một đại thần từ trước giờ yên lặng, nhưng vốn nổi tiếng là người can đảm, thông minh tài trí xưa nay, đứng lên tâu rằng: "Tâu Bệ-hạ! Hạ thần từng xem sách thánh hiền cổ kim, xưa nay chưa hề thấy công chúa mà đem gả cho loài thú như vậy. Và lại, làm như thế thì còn gì quốc thể kỷ cương của triều đình, còn gì uy quyền cao quý của ngôi vua chí tôn chí thượng!?! Tuy hạ thần là kẻ tài sơ trí mọn, nhưng hạ thần này quyết phải giết con chồn hỗn láo kia đi, để giải thoát hiểm nguy cho quốc gia xã tắc, đem lại sự an lành cho bá tánh muôn dân trăm họ, và giải cứu muôn thú bị con chồn quý quyết đốn mạng kia không chế".

Trong lúc bâng khuâng lo âu chưa biết phải giải quyết cách nào cho thỏa đáng, thì nghe được lời tâu như thế, nhà vua hiển rõ trên sắc mặt nỗi vui mừng hy vọng, liền hướng về vị đại thần kia hỏi: "Vậy khanh có kế nào tuyệt diệu, hãy mau nói ra cho Trẫm nghe đi?"

Vị đại thần kia đáp: "Tâu Bệ-hạ! Bệ-hạ cứ phái sứ thần ra định ngày giáp chiến và giao hẹn với con chồn yêu quái kia rằng, nếu ngày lâm trận, chồn để sư-tử đi tiên phong, thì hai bên xáp trận đánh trước rồi sau đó mới cho sư-tử rống. Giao hẹn như thế, con chồn quý quyết kia tưởng mình sợ sư-tử, nó sẽ cho sư-tử đi tiên phong và rống trước khi xáp trận. Khi sư-tử rống lên thì các loài thú của chồn kia đều hoảng hốt mất hồn rối loạn bỏ chạy. Đồng thời

trước đó Bệ-hạ nên ra lệnh trong thành dân chúng cũng như voi, ngựa của ta tất cả đều lấy bông gòn nhét lỗ tai thật chặt. Khi nghe sư-tử của chồn rống lên thì ta cho lệnh xung phong tấn công. Như thế là ta sẽ tiêu diệt lũ chồn, cáo kia như trở bàn tay".

Nhà vua nghe vị đại thần tâu xong, không dấu được nổi vui mừng, liền phán rằng: "Hay lắm! Hay lắm! Lời tâu của khanh quả thật là diệu kế. Chí lý lắm!"

Không để mất cơ hội tốt, nhà vua liền sai sứ ra định ngày xáp trận với chồn, và căn dặn chồn phải giữ đúng những điều giao ước là: "Sư-tử đi tiên phong xáp trận trước rồi mới được rống sau".

Chồn tâm dạ vốn quỷ quyệt, tuy nhận lời giao ước, nhưng không làm đúng những điều ước định. Nên khi voi, ngựa binh lính của nhà vua ra trước cửa thành, dàn trận tề chỉnh để chờ lệnh lâm trận xáp chiến, thì chồn ra lệnh cho sư-tử rống to, với mưu đồ để cho ngựa, voi nhà vua kinh sợ bỏ chạy. Nhưng chồn đâu có biết rằng, nhà vua đã ra lệnh nhét bông gòn kỹ cho voi ngựa trước đó rồi. Vừa nghe tiếng rống vang trời của sư-tử, chính chồn giật mình kinh hãi từ trên lưng voi rớt xuống đất bể tim giập mật chết ngay tại chỗ, không kịp nhắm mắt. Các loài thú theo sau con chồn kia cũng đều kinh hoàng run sợ chạy tứ tán vào rừng. Chỉ trong trong chốc lát, không mất người tổn của mà nhà vua thắng trận, giải thoát được hoạn nạn tàn sát của con chồn ác ôn một cách dễ dàng.

Kẻ đên đây, đức Phật liền nói bài kệ rằng:

*Gian tham chi lắm hỡi chồn ơi!
Kiếp thú cưới người được sao người?
Quý quyết dẫn binh đòi công chúa,
Tan thay! Muôn thú được thành thoi.*

Đức Phật nói kệ xong. Ngài hướng về đại chúng mà phán rằng: "Vị đại thần thông minh tài trí hiền kế kia là tiền thân Xá-Lợi-Phất. Con chồn đòi cưới công chúa là tiền thân của Đề-Bà Đạt-Đa. Vị vua xứ Ba-La-Nại thời bấy giờ chính là tiền thân của Như-Lai đây vậy.

---o0o---

Chim Phượng Hoàng

Tôn giả A-Nan thuật rằng: Một hôm trên núi Kỳ-Xà-Quật thuộc thành Vương-Xá, có một lần nọ, tôi đã từng nghe đức Phật nói về tiền kiếp của Ngài như vậy:

Thuở quá khứ xa xưa, có một kiếp nọ Như-Lai làm chim Phượng-hoàng chúa với năm trăm người vợ đẹp theo hầu hạ, cuộc sống vinh hoa phú quý quyền uy hạnh phúc như thế, tưởng đã êm đềm với ngày tháng trôi qua. Nhưng bỗng một ngày kia Phượng-hoàng chúa bay dạo trên khu rừng già để thưởng ngoạn những hoa thơm trái lạ, chợt thấy một nàng Phượng-hoàng trẻ đẹp sắc xanh da trời với bộ lông tuyệt mỹ, dáng bay dịu dàng, tiếng hót thanh tao, khiến cho Phượng-hoàng chúa khởi tâm đắm sắc, mê mẩn dục tình, bỏ năm trăm vợ hiền trẻ đẹp để theo nàng Phượng-hoàng yêu kiều diễm lệ kia. Nàng Phượng-hoàng trẻ đẹp mới này khó tánh, kén ăn kén ở lại thích chiều chuộng, làm cho Phượng-hoàng chúa phải chiều lòng để cho đẹp dạ nàng. Vì thế, ngày ngày Phượng-hoàng chúa phải bay đi khắp đó đây để tìm những trái cây ngon ngọt thơm tốt đem về để làm đẹp lòng nàng Phượng-hoàng tình nhân.

Lúc bấy giờ Hoàng-hậu thành Vương-Xá đau nặng, nhà vua đã mấy phen cho mời các ngự y, danh y trong nước đến xem bệnh hột thuốc, nhưng bệnh tình Hoàng-hậu vẫn không thuyên giảm chút nào. Một hôm, Hoàng-hậu bị cơn bệnh hoành hành mê sảng thiếp đi, trong cơn mê sảng chiêm bao thấy có người đến mách rằng, bệnh của lệnh bà chỉ có ăn thịt Phượng-hoàng chúa mới hết, bằng không thì chẳng bao lâu nữa sẽ phải chết. Khi thức giấc, Hoàng-hậu lo sợ khóc lóc đem điềm chiêm bao tâu cho vua nghe. Vua lấy làm lo âu liền triệu tập quần thần để đoán mộng. Các thầy đoán mộng tâu vua rằng: "Nếu căn cứ vào điềm chiêm bao của Hoàng-hậu, thì chỉ còn có cách là ăn thịt chim Phượng-hoàng chúa, hoàng hậu mới hết bệnh".

Thế rồi, nhà vua truyền lệnh rằng: "Ai bắt được chim Phượng-hoàng chúa về dâng lên vua thì sẽ được trọng thưởng ngàn lượng vàng và gả công chúa làm vợ".

Khi lệnh nhà vua vừa truyền ra, các người thợ săn vội vã thi đua nhau đi khắp núi rừng để tìm bắt chim Phượng-hoàng chúa với hy vọng được trọng thưởng và làm chồng công chúa. Những thợ săn không quản ngại ngày đêm đi lùng tìm, họ dùng đủ trăm phương ngàn kế bủa vây khắp nơi để tìm cách bắt cho được Phượng-hoàng chúa. Chẳng bao lâu, một trong số những thợ săn đã theo dõi biết được tông tích nơi ẩn trú của Phượng-hoàng chúa và nàng Phượng-hoàng tình nhân.

Gã thợ săn này biết rằng con Phượng-hoàng chúa không dễ gì bắt được nó. Trong lúc suy tư tìm phương cách, thì anh ta nghĩ ra một diệu kế, lấy mật và bánh bột nhồi trộn lẫn nhau rồi tự trét lên thân mình anh ta. Đồng thời chọn mua trái cây thơm ngọt gắn dính lên khắp mình anh nhìn như một đồng trái cây. Xong rồi, gã thợ săn giả trang ngồi yên bất động trên một cành cây cổ thụ, kiên nhẫn đợi chờ mấy ngày liền.

Bỗng vào một buổi mai khi ánh bình minh vừa rạng chiếu chân trời, chim chóc khắp nơi trên cành cây kẽ lá reo hò thi đua nhau bay đi tìm mồi, thì Phượng-hoàng chúa cũng như mọi ngày bay đi tìm trái cây ngon ngọt cho tình nhân. Khi Phượng-hoàng chúa bay qua đám rừng già, thoát nghĩ thấy mùi thơm ngọt thoảng trong gió, liền tìm bay đến chỗ phát ra mùi thơm, lượn mấy vòng trên không quan sát kiếm tìm. Phượng-hoàng nhìn kỹ thì thấy trên cây cổ thụ một đồng trái cây thơm tốt, nên lòng rất mừng rỡ tự nhủ rằng: "Đỡ quá! Sao mà nhiều trái cây ngon ngọt thế này! Từ đây ta sẽ không còn phải mất thì giờ khổ công ngày ngày tìm kiếm trái cây cho người yêu quý của ta nữa!"

Chẳng ngần ngại, Phượng-hoàng đáp nhanh xuống cây cổ thụ quán sát một hồi thấy rõ một khối trái cây tươi tốt thơm ngọt. Tin chắc không còn ngại ngần e sợ, Phượng-hoàng liền bay đến đậu trên đồng trái cây, đứng ngay vị trí bả vai của gã thợ săn ngụ trang kia, miệng vừa cắn trái cây, chân dính mật. Nhanh như chớp, gã thợ săn chụp lấy. Phượng-hoàng kinh hãi thét lên mấy tiếng vùng vẫy. Nhưng đã quá chậm rồi. Phượng-hoàng run rẩy van xin: "Ông ơi! Chắc ông đã phải khổ cực lắm mới bắt được tôi. Vì tôi mà ông đã phải ngồi bất động cực nhọc như thế này. Chắc là để đổi lấy điều gì lợi ích lớn lao lắm đây, nên ông mới tốn hao khổ công thế này? Nếu ông chịu thả tôi ra, tôi sẽ dẫn chỉ cho ông một núi vàng. Nơi đó, ông sẽ trở thành giàu sang triệu phú. Còn mạng tôi đây có đáng gì đâu! Xin ông thương xót tha cho".

Gã thợ săn đáp: "Sao lại không đáng? Nhà vua đã hứa rằng, hễ ai bắt được người đem nộp, thì sẽ được thưởng ngàn lượng vàng và được gả công chúa làm vợ. Còn núi vàng kia làm sao bằng công chúa? Bộ người muốn đùa với ta sao chứ?"

Nói xong, kẻ thợ săn trói chặt Phượng-hoàng đem về dâng nạp lên vua. Được chim Phượng-hoàng chúa, nhà vua rất đổi vui mừng, liền truyền lệnh làm thịt nấu cho Hoàng-hậu ăn để hết bệnh.

Phượng-hoàng chúa thưa: "Muôn tâu Thánh-thượng! Thánh thượng là bậc chí tôn trong thiên hạ, ân đức trùm khắp cả bốn phương. Nay vì cứu mạng sống của Hoàng-hậu mà tôi phải hy sinh, thì tôi cũng không lấy gì làm tiếc cái thân mạng hèn hạ này. Nhưng tâu Thánh-thượng, tôi vốn biết bùa phép linh thiêng kỳ diệu, có thể cứu Hoàng-hậu ra khỏi ngặt nghèo mà không cần phải ăn thịt tôi. Nếu Thánh-thượng tin thương, thì xin cho một thau nước, tôi sẽ vẽ thần chú linh phù trong nước rồi đem dâng cho Hoàng-hậu uống và tắm thì bệnh hết ngay. Nhược bằng không hiệu nghiệm, tôi xin chịu tội mất mạng cũng chẳng muộn. Còn nếu Hoàng-hậu lành bệnh, xin Ngài thả tôi về lại với núi rừng". Nhà vua lấy làm ngạc nhiên, nhưng vẫn nhận lời và ra lệnh cặn thận bưng thau nước đến.

Quả đúng như vậy. Sau khi Hoàng-hậu uống và tắm nước linh phù xong, thì cảm thấy mạnh khỏe và sắc diện Hoàng-hậu trở nên trẻ đẹp hơn trước. Nỗi sầu lo ưu buồn của nhà vua và của cả hoàng triều cũng liền theo đó không còn nữa. Được tin Hoàng-hậu bình phục như thường, từ trong thành nội cho đến ngoài nhân gian, khắp mọi cõi lòng tràn ngập nguồn vui.

Sau khi Hoàng-hậu trở nên mạnh khỏe trẻ đẹp hơn xưa, nhà vua vô cùng mừng rỡ và thâm khen tài nghệ thần bí của Phượng-hoàng. Nhà vua muốn giữ Phượng-hoàng ở lại hoàng cung. Nhưng trước đó nhà vua đã hứa thả Phượng-hoàng về với núi rừng, khi Hoàng-hậu lành bệnh. Trong lúc đó, Phượng-hoàng để thử ý nhà vua, xem có con thiết tha cần mình nữa không, nên xin nhà vua giữ lời hứa. Riêng về nhà vua lúc này thì mãi bận vui với Hoàng-hậu, nên chẳng còn để ý tới Phượng-hoàng nữa.

Trước khi rời khỏi cung vua để bay về núi rừng sống lại cuộc đời mây nước trời cao rừng thẳm bao la, Phượng-hoàng còn tâu với vua lần chót rằng: "Muôn tâu Bệ-hạ! Để trả ơn Bệ-hạ tha sống, xin Bệ-hạ cho phép tôi được đáp xuống hồ sen bán nguyệt đọc thần chú linh phù, để nhân dân trong nước của Ngài nếu ai có bệnh tật mà uống nước hồ này thì cũng sẽ được tiêu trừ". Nhà vua cả mừng bằng lòng ngay. Từ đấy, nhân dân trong nước, hễ ai có bệnh tật gì đến xin lấy nước hồ sen uống thì đều được lành bệnh ngay.

Phượng-hoàng bay đậu trên nóc cung điện bái chào nhà vua và hoàng triều lần cuối trước khi từ biệt. Từ trên nóc cung điện, Phượng-hoàng nói lớn lên rằng: "Trên đời này có ba kẻ điên: Kẻ thứ nhất là tôi. Kẻ thứ nhì là gã thợ săn, và kẻ thứ ba là Bệ-hạ".

Nói xong thấy nhà vua và cả hoàng triều nhìn chim Phượng-hoàng với dáng điệu ngơ ngác ngạc nhiên, Phượng-hoàng liền nói tiếp: "Chư Phật đã từng nói, nữ sắc cắt giết mạng người. Tôi vì mê sắc đẹp của tình nhân mà bội bạc bỏ năm trăm người vợ hiền chung tình ngày đêm săn sóc cho tôi. Tôi vốn là vua của loài Phượng-hoàng, trời cao mây nước vốn là giang sơn của tôi. Thế mà vì nữ sắc, tôi phải ngày ngày đem thân làm tôi mọi đi kiếm tìm thức ăn ngon ngọt để về cung phụng cho một con Phượng-hoàng mái, để đến nỗi phải rơi vào tay gã thợ săn xuyt nữa toi mạng. Ấy là tôi điên.

Còn gã thợ săn kia, tôi đã thật tình khấn khoản chỉ núi vàng cho gã để đổi lấy mạng sống của tôi, để gã trở nên người giàu sang triệu phú. Nhưng gã vì quá ước mơ được lấy công chúa. Lời hứa của đàn bà chẳng khác sương sáng cành hoa, mây chiều lã đãng, có chắc gì đâu? Nghe thì hay ho êm dịu, thấy thì đẹp như hoa nở bướm lượn, nhưng tất cả đều là ảo tưởng huyền mộng, không có gì thật cả. Sự nghiệp danh giá của kẻ nam nhi sẽ lại tan tành trong nháy mắt vì nữ sắc. Như gã thợ săn kia, vì nghe lời hứa của nhà vua, say sưa sẽ được công chúa, mà mất cả núi vàng, mất cả giàu sang và mất cả công chúa. Ấy là kẻ điên thứ hai.

Còn Bệ-hạ được một danh y cứu sống Hoàng-hậu, cứu bệnh tật muôn dân, đem lại sự an lành cho thiên hạ. Ấy thế mà Bệ-hạ để cho danh y ấy ra đi không một lời khấn khoản nài nỉ, không một chút tiếc nuối. Bệ-hạ chỉ biết vui với Hoàng-hậu, sẵn sàng chém đầu bất cứ ai, miễn là được Hoàng-hậu vui vẻ bên vua. Nếu tôi không có thần chú linh phù thì chắc cái đầu tôi cũng bay đi rồi, và giờ này thân tôi đã vào bụng Hoàng-hậu. Thế có phải Bệ-hạ là kẻ điên thứ ba không?" Nói xong, Phượng-hoàng cất cánh bay cao vào khoảng trời mây bao la cao rộng xanh biếc.

Thuật câu chuyện xong, đức Phật nói với đại chúng rằng: "Người thợ săn trong mẩu chuyện mà ta mới vừa kể chính là tiền thân của Đề-Bà Đạt-Đa. Còn Hoàng-hậu đòi ăn thịt chim Phượng-hoàng kia chính là tiền thân vợ của Đề-Bà Đạt-Đa ngày nay. Nhà vua thuở đó chính là tiền thân của Xá-Lợi-Phất. Chim Phượng-hoàng chính là tiền thân của Như-Lai đây vậy".

Đức Phật còn nói tiếp, thuở ấy, tuy đọa làm thân súc sanh, nhưng ta đã phát tâm tu Bồ-Tát hạnh, hành Bồ-Tát đạo với tâm từ bi hỷ xả cứu độ thế nhân. Chẳng qua vì một niệm si mê đắm sắc dục tình mà ta đã phải lụy thân làm kiếp con Phượng-hoàng.

Nai Cứu Người

Trong thời quá khứ có con nai chúa thân hình mang bộ lông sắc vàng óng ánh. Trên đầu mỗi sợi lông là những hạt ngọc kim cương lóng lánh. Nai tự biết mình có thân hình đặc biệt hơn các nai khác. Đêm cũng như ngày từ trên thân nai phát ra ánh sáng như những vì sao trên nền trời đêm không trăng. Biết điều này dễ khiến cho người chú ý, dẫn đến hiểm nguy tánh mạng, nên nai chúa thường ẩn mình trong rừng sâu.

Tuy nai biết ẩn tránh như vậy, nhưng các thợ săn đã nhiều lần theo dõi tìm cách gài bẫy, giăng lưới, đào hầm, trét đồ ăn nơi thân cây, bỏ mồi trên cỏ để cố bắt cho được nai. Thừa biết điều bất trắc hiểm nguy đó, nai chúa đã khôn ngoan tránh né được tất cả những cạm bẫy. Nai chúa ở nơi nào cũng đều có một đoàn nai mạnh khỏe lanh lẹ tùy tùng hầu hạ. Vì vậy mà mỗi cử chỉ động tĩnh xung quanh liền được báo tin mau lẹ để cho nai chúa kịp thời ẩn tránh.

Cuộc sống của nai chúa êm đềm phẳng lặng ngày tháng trôi qua trong khu rừng già tịch mịch, như thế trái cũng đã bao năm. Thế rồi, bỗng một hôm trời trong gió mát, khí trời ẩm áp sau những ngày mưa giông dữ dội, thì bỗng nhiên có tiếng thét thanh kêu cứu từ ghènh đá thác nước ở ven rừng, làm phá tan sự yên tĩnh của sơn lâm u tịch bấy lâu nay. Tiếng kêu ré dứt quãng vang dội cả một góc trời: "Xin cứu tôi với! Nước cuốn trôi tôi! Bỏ người ta ơi, xin cứu tôi với ..! Tôi sắp chết đuối rồi, xin cứu dùm tôi với ..!" Tiếng thét la kêu cứu gấp rút nghe mà hãi hùng khiến phải rùng mình!

Thoạt nghe, nai chúa vánh đứng đôi tai thì rõ biết đó là tiếng người đang chết đuối kêu la cầu cứu. Nai chúa liền hét lên một tiếng lớn rồi đâm đầu phóng nhanh về hướng có tiếng người kêu ối ối cứu mạng. Thấy vậy, đoàn nai hầu cận cũng co giò cong đuôi phóng theo sau. Đến bên bờ thác, quả nhiên nhìn thấy một người đang trôi lên hụp xuống bị cuốn trôi theo dòng thác lũ bạc đầu cuộn cuộn chảy. Người này đã đuối sức bắt lực buông tay theo dòng nước. Nai chúa nhanh như chớp, phóng mình ra giữa dòng nước lũ, cố lấy hết sức mang gã thợ săn đã mệt lả bất tỉnh sắp chết chìm kia để lên trên lưng đưa vào bờ. Rồi nai chúa liếm mặt mũi kẻ kia cho tỉnh lại.

Gã thợ săn được nai chúa đưa vào bờ, sau một hồi lấy lại hơi thở bình thường, hoàn hồn tỉnh táo, nhìn thấy thân thể nai chúa đầy hạt châu báu kim cương, sắc vàng lóng lánh. Không dẫu được nổi ngạc nhiên, gã đem lòng hâm mộ, kính ngưỡng chấp hai tay bái xá nai chúa lia lịa, để bày tỏ ơn cứu sống. Gã lầm bầm nói: "Thưa ngài, ơn cứu sống của ngài, tôi không biết lấy

gì đền đáp. Tôi nguyện đời đời ghi mãi nơi lòng. Sau này có việc chi cần đến tôi, bất cứ lúc nào, xin ngài cứ kêu lên một tiếng là tôi sẵn sàng tuân mạng phục dịch theo ý ngài".

Nai chúa nói: "Tôi không mong trả ơn. Tôi chỉ mong ông một điều mà thôi, là đừng nói cho ai biết tôi đang ở khu rừng này. Như vậy là ông đã trả ơn tôi rồi. Chúng tôi sống trong khu rừng này bấy lâu nay, ngày ngày thông dong hưởng thanh khí thiên nhiên, ăn lá cây hoa cỏ, uống nước suối nguồn, nghe gió reo từ đồi cây ngọn núi, nói lời chân thật. Chúng tôi sợ loài người các ông lắm! Xin ông khi rời nơi đây làm ơn đừng nhớ đến tôi, quên khu rừng già này, ấy là tôi an tâm, là vạn phúc lắm rồi". Nói xong, nai chúa dẫn đàn nai tùy tùng mau lẹ phóng nhanh biến dạng vào rừng sâu. Gã thợ săn kia đứng nhìn theo ngơ ngác, man mác trong lòng nỗi tiếc nuối, nai đã mất dạng sau đám cây rừng.

Gã thợ săn về nhà kể lại cho vợ con nghe tự sự đầu đuôi câu chuyện trọt chân té xuống dòng thác lũ, được nai chúa cứu sống. Nai chúa lông vàng óng ánh, thân hình đầy ngọc ngà châu báu kim cương rực rỡ v.v... Vừa kể, gã thợ săn vừa vò tay xuýt xoa khâm phục nai quý. Vợ con gã say sưa nghe, vừa kinh hoàng, vừa ngạc nhiên, vừa mừng, vừa thích thú như chuyện thần tiên.

Sau đó chẳng bao lâu, lệnh triều đình truyền rao về sự nằm mộng của hoàng hậu. Hoàng hậu của vua xứ đó thường nằm chiêm bao thấy một con nai vàng mình đầy ngọc ngà chói sáng, ngồi trên tòa dùm tiếng người thuyết pháp. Điềm chiêm bao này xảy đến với bà liên tiếp suốt mấy tháng trời. Hoàng hậu thầm mơ ước được nai quý. Niềm ao ước khiến cho bà tương tư, rồi ngày biếng ăn, đêm trằn trọc chập chờn giấc ngủ. Vào một ngày nọ, nhân khi nhà vua đến âu yếm, hoàng hậu thừa lúc vua thân thiết ân tình, liền đem chuyện mình nằm mộng thuật lại cho vua nghe, và khuyên vua nên tìm cách bắt con nai này thả trong vườn ngự uyển, trước để làm tăng thêm giá trị bảo vật của quốc gia, sau là để cho vua và hoàng hậu ngày ngày thưởng ngoạn.

Nghe xong, nhà vua đồng ý chiều theo để đẹp lòng hoàng hậu. Đồng thời cũng để làm tăng thêm cái giá trị đặc biệt của quốc triều. Sáng hôm sau, nhà vua truyền lệnh: "Ai bắt được con nai chúa lông sắc vàng óng ánh, trên mình đầy châu báu đem dâng thì sẽ được trọng thưởng ngàn lượng vàng, và cất cho một huyện để trọn quyền cai trị cùng với mười mỹ nữ trẻ đẹp làm thiếp hầu hạ. Hoặc ai biết chỗ nai chúa ở mà dẫn chỉ cho vua cũng được trọng thưởng bằng nhau".

Khi lệnh vua được truyền ra nhân gian, các chàng thanh niên, các thợ săn hăng hái thi nhau đi tìm bắt nai chúa, những mong để được trọng thưởng. Riêng gã thợ săn được nai chúa cứu sống, khi nghe nhà vua treo giải thưởng đặc biệt to lớn như vậy, lòng cảm thấy xao xuyến giao động, cộng thêm bên cạnh, vợ gã cứ lần la thủ thỉ ní non đêm vắng tình dài xúi dục: "Anh ơi! Đây là dịp may ngàn năm một thuở, không còn có cơ hội nào tốt hơn nữa. Giàu sang danh vọng đã kề tay mà anh không nắm lấy, cứ nhẩn tâm để cho vợ con mãi mãi sống trong cảnh nghèo nàn đến thế này sao!? Ôn nghĩa cái giống gì? Đồ cái loài thú vật mà cũng bận tâm ơn với nghĩa!? Đàn ông chi mà nhu nhược ngu đàn quá thế trời ơi!"

Tiếng khóc than của người vợ trẻ mỗi lúc mỗi ní non thống thiết làm cho anh chàng thợ săn sốt ruột khó xử. Trong tâm trí của gã còn hiện rõ cử chỉ hiền từ, lời nói thành khẩn thiết tha của nai chúa: "Xin ông đừng nói cho ai biết, tôi ở chốn rừng này. Ông hãy quên tôi, ấy là ông trả ơn tôi rồi đó. Tôi sợ lòng dạ con người lắm ..."

Nhưng liền ngay đó, hình ảnh giàu sang phú quý vua ban cứ mỗi lúc lại sôi động trong trí óc của anh như nước sôi sùng sục, làm mờ lý trí. Lại thêm cô vợ bên cạnh cứ ní non thúc dục, làm cho lương tâm anh mỗi lúc một mờ dần như ngọn đèn cạn dầu trước gió, để nhường lại lòng tham tiền của giàu sang vinh hoa phú quý lấn át ngự trị. Không còn giữ được thái độ sáng suốt bình thản nữa. Một ngày nọ, anh lẻ làng tìm vào hoàng cung tâu vua.

Trước triều đình lộng lẫy uy nghiêm, vua và đình thần cân đai áo mão uy phong凛冽, mà từ trước tới giờ chưa một lần nào thấy qua, khiến anh quá khiếp sợ. Đối trước cảnh tượng uy nghiêm của triều đình, hình dáng anh càng lúng túng mất tự nhiên, áo quần không tươm tất, mặt mũi thất sắc lộ vẻ sợ hãi, làm cho nhà vua đem lòng ngờ vực. Sợ vua không tin, anh nói: "Muôn tâu Bệ-hạ, nếu bần dân không chỉ ra được chỗ nai chúa ở, thì xin đem cái đầu này ra đền tội".

Nhà vua nghe giọng nói run run của anh quả quyết như thế, liền ra lệnh cho quân lính chuẩn bị ngựa xe lên đường theo sự hướng dẫn của anh. Còn đích thân nhà vua dẫn đoàn quân đặc biệt tiếp cận. Khi đến khu rừng già, nhà vua ra lệnh cho quân lính phân ra đội ngũ cân mật bao vây lấy cả khu rừng. Còn chính nhà vua và đoàn tùy tùng hùng hậu, đi theo sự hướng dẫn của gã thợ săn. Dọc theo dòng suối, lần sâu vào rừng già âm u một hồi lâu, bỗng xa xa có ánh sáng lấp lánh như sao đêm, gã thợ săn ra hiệu, mọi người nằm sát mặt đất im lặng nhìn xem động tĩnh. Nai chúa như linh cảm biết có sự chẳng lành

xảy đến, quát to một tiếng, các nai cận vệ co giò tháo chạy chỉ còn lại mình nai chúa đứng yên một chỗ, hướng mắt nhìn về đám người sát dấu thân dưới cây lá.

Gã thợ săn đưa tay chỉ nai chúa, râu nhỏ với vua rằng: "Tâu Bệ-hạ, con nai chúa mình đầy châu ngọc kia đó kìa! Nó đang nhìn về chúng ta đấy! Xin Bệ-hạ ra lệnh gấp kéo nó chạy mất!"

Nhà vua lệ như chớp lập tên dương cung bắn nai, thì liền ngay khi đó bàn tay của gã thợ săn cũng đứt rụng xuống đất máu phun lai láng.

Tên không trúng nai. Nai chúa biết mình nguy khôn đến nơi không còn cách nào trốn thoát được, liền cúi đầu quỳ mọp kêu lớn: "Muôn tâu Bệ-hạ đừng tay! Vì tôi mà Bệ-hạ phải cực nhọc long thể ngự giá đến chốn rừng sâu âm u này. Để đền tội làm phiền lòng Bệ-hạ, nay tôi xin vui vẻ nạp mạng, để khỏi phiền nhọc đến long thể. Nhưng trước khi chết, cho tôi được xin hỏi một điều là, ai chỉ cho Bệ-hạ biết tôi ở chốn này?"

Nhà vua chỉ tay vào gã thợ săn.

Nai chúa hướng về gã thợ săn với giọng thống thiết nói: "Ta đã sống ẩn cư nơi chốn rừng sâu an ổn tự bấy lâu. Nhưng nào có ngờ đâu, vì lòng từ bi thương xót cứu mạng sống cho người, mà ngày nay ta phải mang họa vào thân đến nông nỗi này! Ta đã biết lòng người phản trắc, cứu nhơn nhơn trả oán. Nên trước đây, khi đôi ta chia tay, ta đã khẩn thiết van xin người một điều: Đừng cho ai biết ta ở chốn này. Từ lâu ta sống xa cách thế nhơn, nào ngờ hôm nay vì cứu sống nhà người mà ta phải nhận lấy hậu quả bi thảm như thế này!"

Trước thái độ hiền hòa thống trách của nai, nhà vua nghe lấy làm lạ, liền hạ cung xuống hỏi đầu đuôi câu chuyện. Nai kể hết sự tình đã xảy ra, khiến cho nhà vua và quần thần xót xa cảm động. Nghe nai của nói xong, sắc mặt nhà vua trở nên nghiêm nghị, xoay lại hỏi gã thợ săn: "Có đúng như thế không? Người phải nói thật, bằng không sẽ bị mất đầu ngay bây giờ".

Gã thợ săn run sợ quỳ thưa: "Muôn tâu Bệ-hạ, quả đúng như thế".

Vua vừa xấu hổ với nai, vì nghĩ rằng loài người quá ư tệ bạc thua cả loài thú. Đồng thời, vừa giận ghét khinh bỉ gã thợ săn kia là kẻ vong ân bội nghĩa ơn cứu sống, nên định dương cung bắn gã thợ săn một phát cho rồi đời. Nhưng nai chúa mau lệ nhảy đến trước vua lạy mọp xin tha sống cho gã.

Trước nghĩa cử nhân từ quân tử của nai chúa, nhà vua vô cùng cảm phục đức tánh từ bi nhân hậu nhẫn nhục của con thú vật, nên đã ra lệnh cho quân hầu sửa soạn chiếc xe đặc biệt để đưa nai về cung.

Trước khi lên xe về cung, nai lại một lần nữa quỳ mọp khẩn khoản xin vua một điều, là mong nhà vua lấy đức hiền hòa khoan hậu để an dân trị quốc. Nếu nhà vua hứa làm được như vậy, thì nai mới theo vua về triều. Bằng không, xin vua mở lượng hải hà cho nai ở lại chốn rừng già để tiếp tục sống cuộc đời ẩn dật, hoặc chết ngay tại chỗ cũng cam lòng. Nghe qua những lời nhân hậu phát xuất từ miệng của một con thú vật, khiến cho lòng vua và đoàn tùy tùng tướng sĩ vô cùng xúc động cảm phục, nên nhà vua đã hứa khả với nai. Lúc ấy, nai mới chịu lên xe về triều.

Về đến hoàng cung, hoàng thân quốc thích, văn võ bá quan triều thần, ai nhìn thấy hình thể của nai cũng đều cảm mến ngưỡng mộ.

Riêng vua và hoàng hậu từ ngày có nai nơi vườn ngự uyển, lòng cảm thấy thoải mái hơn, đối đãi với bá quan trong triều cũng như đối với hoàng thân quốc thích và dân chúng hết sức là rộng lượng cởi mở hơn trước. Ngày ngày mọi người ra nhìn nai, ai nấy cũng cảm thấy trong lòng thanh thản vui vui, tự nhiên muốn phát tâm ăn ở hiền lành, tinh tấn tu tâm dưỡng tánh.

Cũng từ ngày có nai chúa trong vườn ngự uyển, cứ ba năm vào khoảng cuối xuân đầu hạ, khi hoa lá đua nhau trở màu, dưới đầm hoa sen chớm nở, nhà vua lệnh mở hết cửa thành để cho dân chúng vào xem nai và thưởng ngoạn đền đài phong cảnh hoàng cung. Thấy vua không còn đóng kín hoàng thành như trước, nên dân chúng cảm thấy vua cùng với trăm họ dân gian gần gũi không cách biệt xa lạ nữa. Ai nấy đều khắp khởi vui mừng. Nhờ đức của vua và hoàng hậu biết tu, nhân dân cũng theo gương đó mà ăn ở hiền lành, nên cuộc sống của muôn dân trăm họ được thêm phần an cư lạc nghiệp.

Nói đến đây, đức Phật xoay lại gọi A-Nan mà bảo rằng: "Gã thợ săn kia chính là tiền thân của Đề-Bà Đạt-Đa. Nhà vua chính là tiền thân của A-Nan ông đây. Còn nai chúa có thân hình đầy châu ngọc chính là tiền thân của Như-Lai ta đây. Bởi do một kiếp xa xưa ta vụng tu mà phải sa đọa làm thân nai. Tuy bị đọa làm thân nai, nhưng lòng ta vẫn giữ mãi tu Bồ-Tát hạnh. Do nhiều kiếp tu Bồ-Tát hạnh tích lũy công đức, mà ngày hôm nay ta đạt thành đạo quả Vô-thượng Bồ-đề.

Quốc Vương Hữu Đức

Trong kinh Đại-Niết-Bàn (Đại thừa), phẩm Kim-Cang-Thân, đức Phật Thích-Ca nói: "Trong thời quá khứ vô lượng kiếp xa xưa, có đức Phật ra đời hiệu là Hoan-Hỷ Tăng-Ích Như-Lai. Lúc bấy giờ đất nước thái bình thanh trị, dân chúng ấm no hạnh phúc an vui vô cùng, chẳng khác hạnh phúc của chư Bồ-Tát cõi nước Cực-Lạc. Đức Phật Hoan-Hỷ Tăng-Ích trụ ở đời rất lâu, đến khi cơ duyên độ sanh viên mãn, Ngài nhập Niết-bàn ở thành Câu-Thi-Na, rừng Ta-La Song-Thọ. Sau khi Phật Tăng-Ích nhập Niết-bàn, chánh pháp còn ở đời rất lâu đến vô lượng ức năm.

Vào lúc chánh pháp chỉ còn 40 năm cuối, bấy giờ có vị tỳ-kheo tên là Giác-Đức trì giới thanh tịnh, đề chúng dự nghe đồng đảo. Tỳ-kheo Giác-Đức khuyên cấm các tỳ-kheo không được chứa nuôi tôi tớ, trâu bò, heo dê cùng những vật phi pháp. Điều này khiến cho các tỳ-kheo phá giới oán ghét tìm cách phá phách hãm hại tỳ-kheo Giác-Đức. Lúc bấy giờ Quốc-vương Hữu-Đức biết được sự việc như vậy. Vì lòng hộ trì chánh pháp, nên nhà vua đem quân lính đến bảo vệ tỳ-kheo Giác-Đức an toàn thoát khỏi nạn. Bọn tỳ-kheo phá giới kia tức giận gây chiến với nhà vua, làm cho nhà vua bị thương nặng. Thấy cảnh đau lòng, tỳ-kheo Giác-Đức an ủi nhà vua rồi khen: "Lành thay! Lành thay! Vua vì hộ trì chánh pháp mà không tiếc thân mạng. Đời sau thân vua sẽ là vô lượng pháp khí". Nghe xong lời tán thán ấy, nhà vua hoan hỷ thân tâm nhẹ nhàng, rồi tắt thở, thần thức sanh về cõi Phật A-Súc làm đệ tử thứ nhất của Phật này.

Quân lính theo vua chiến đấu với bọn ác tăng và những người tùy hỷ khen ngợi tinh thần vị pháp vong thân của nhà vua đều được tâm Bồ-đề bất thối chuyển, sau khi chết đều được sanh về cõi Phật A-Súc. Còn tỳ-kheo Giác-Đức sau khi mạng chung cũng được sanh về cõi Phật A-Súc làm đệ tử thứ hai trong chúng Thanh-văn của đức Phật này".

Khi thuật câu chuyện trên đây xong, đức Thích-Ca Như-Lai gọi ngài Ca-Diếp nói: "Này Ca-Diếp! Vị Quốc-vương Hữu-Đức kia chính là tiền thân của ta. Còn tỳ-kheo Giác-Đức chính là tiền thân của Phật Ca-Diếp đó vậy.

---o0o---

Tể Tướng Đại Diện Tôn

Kinh Trường A-Hàm, quyển 5, có đoạn nói về tiền thân đức Phật Thích-Ca như vậy:

Lúc bấy giờ trời Đại-Phạm-Vương hóa thân làm một Đồng-tử đến nói với trời Đao-Lợi rằng: "Các người có muốn nghe chuyện kỳ đặc về Phật Thích-Ca không?"

Các Trời Đao-Lợi đáp: "Hay thay! Chúng tôi từ lâu muốn biết điều đó".

Đồng-tử Đại-Phạm-Vương nói: "Trong quá khứ có một kiếp nọ, Phật Thích-Ca trong lúc đang tu Bồ-Tát hạnh, mới được sanh ra, Ngài đã thông minh diệu trí hơn người. Cha Ngài tên là Điền-Tôn làm quan tể tướng của vua Địa-Chủ. Vua Địa-Chủ có thái tử tên là Từ-Bi hay đi giao du với các vị đại thần dòng Sát-Đế-Lợi. Bỗng nhiên tể tướng Điền-Tôn mắc phải bệnh ngặt nghèo rồi qua đời để lại sự tiếc thương cho bao người. Nhất là nhà vua sầu khổ vì mất vị tể tướng tài ba trung hậu.

Thái tử Từ-Bi thấy vua cha buồn rầu, nên đến tâu rằng: "Tâu Phụ-vương! Xin Phụ-vương chớ nên buồn khổ nữa mà tổn hại đến long thể. Tể tướng Điền-Tôn có một người con trai tên là Diệm-Mang tài ba lỗi lạc. Lúc tể tướng Điền-Tôn còn sanh tiền mỗi mỗi việc triều chánh thường đem bàn thảo với công tử Diệm-Mang, trước khi đem thi hành. Vì thế, chẳng những Diệm-Mang đã hiểu rõ những việc triều chánh mà còn biết dự đoán những việc tương lai. Theo thiên nghi của con, Phụ-hoàng nên triệu Diệm-Mang vào triều bàn luận trao cho việc quốc sự chắc thích hợp hơn cả".

Vừa nghe thái tử Từ-Bi trình tấu, vua Địa-Chủ như rũ sạch nỗi ưu phiền lo âu, liền triệu Diệm-Mang vào triều, sau những ngày cùng nhau bàn luận kỹ lưỡng, nhà vua phán rằng: "Nay ta phong cho người vào chức vụ của cha người ngày trước. Vậy từ đây người hãy hết lòng tận trung với quốc với quân, cũng có nghĩa là tận hiếu với thân phụ người nữa đó". Nói rồi, nhà vua đem ấn tướng trao cho Diệm-Mang.

Từ khi Diệm-Mang nhận lãnh ấn tướng, ngày đêm chuyên tâm lo việc triều chánh của vua trao, thành quả tỏ ra đặc biệt xuất sắc hơn ngày trước của cha. Còn nhà vua thì ở trong thâm cung lo hưởng thú vui dục lạc. Chẳng bao lâu, Diệm-Mang được tiếng khen đồn xa. Từ vua cho đến quốc dân, ai nấy thấy đều quý mến tôn xưng là Đại-Điền-Tôn.

Chẳng bao lâu sau đó, vua Địa-Chủ băng hà, triều thần suy tôn thái tử Từ-Bi lên ngôi thay thế cho vua cha. Thái tử Từ-Bi sau khi lên ngôi liền nghĩ đến

việc chọn người vào chức tể tướng để giúp nhà vua trị nước an dân. Đã hơn ba tháng trời nhà vua suy nghĩ tìm người hiền tài. Nhưng suy đi nghĩ lại không ai tài trí đức độ hơn Đại-Điền-Tôn. Vua Từ-Bi khai triều nghị hội, triệu thần luận bàn sôi nổi, kết quả lễ trao ấn tín cho tể tướng Đại-Điền-Tôn được tổ chức trọng thể sau đó.

Với đức độ tài ba và lòng trung hậu chân chánh, chẳng bao lâu tể tướng Đại-Điền-Tôn danh vang khắp thiên hạ. Do đó, nên các vua của bảy nước lân bang đều triệu thỉnh ông làm cố vấn chỉ đạo việc nước cho họ. Bảy nhà đại cư sĩ cũng nhờ ông giúp ý kiến để xử lý việc nhà của họ. Bảy trăm kẻ phạm-Chí cũng nhờ Đại-Điền-Tôn hướng dẫn họ đọc tụng kinh điển. Họ nghĩ ông là thần minh của trời Phạm-Thiên sai xuống thế gian, nên họ hết lòng kính nể. Chẳng bao lâu sau đó, tể tướng Đại-Điền-Tôn phát tâm chuyên tu suốt ba tháng hạ để thân tâm thanh tịnh, hầu mong được trời Phạm-Thiên giáng lâm dạy đạo. Đã ba tháng trôi qua mà không thấy trời Phạm-Thiên đâu cả! Tể tướng Đại-Điền-Tôn quyết tâm từ bỏ tất cả chức tước triều đình, đi ra ngoài cửa thành phía Đông, tìm đến một gốc cây trong một túp lều tranh đem hết lòng thành chuyên tu Tứ-vô-lượng-tâm: Từ-Bi-Hỷ-Xả. Trải qua một thời gian tu luyện chuyên tâm thiền quán, bỗng nhiên vào một đêm nọ có ánh sáng rạng ngời từ trên trời cao chiếu xuống, liền khi đó có một Đồng-tử hiện ra trước mặt bảo rằng: "Nhà ngươi có muốn hỏi điều chi thì cứ tự nhiên".

- Đại-Điền-Tôn cung kính mở lời: "Thưa Đồng-tử, tôi muốn biết nhờ tu pháp gì mà được làm Phạm-Thiên?"

Đồng-tử đáp: "Bỏ xú ố nơi cõi lòng thì sẽ làm được Phạm-Thiên".

Đại-Điền-Tôn lại hỏi: "Thế nào là xú ố nơi cõi lòng?"

Đồng tử đáp: "Dối trá, ngã mạn, tham lam, sân hận, si mê, ích kỷ, cố chấp, tăng thượng mạn, hận thù, tất cả thứ đó là xú ố. Lòng còn chứa chấp những thứ xú ố đó thì khó có thể tránh khỏi đọa vào địa-ngục, ngạ-qui, súc-sanh, chớ đừng nói chi làm được Phạm-Thiên".

Tể tướng Đại-Điền-Tôn nghe xong thâm nghĩ rằng: "Lòng xú ố tai hại như thế. Ngày nào còn ở tại gia thì ngày đó còn vương bận vợ con nhà vừa, công danh, phú quý, lợi dưỡng, không có phương cách nào dứt sạch xú ố. Chi bằng ta nên xuất gia".

Nghĩ vậy rồi, Đại-Điền-Tôn liền đem ý định xuất gia của mình tâu trình với vua Từ-Bi và các vương quốc lân bang, xin trao trả chức tể tướng để rảnh tay thực hiện chí nguyện xuất gia.

Sau khi nghe Đại-Điền-Tôn tâu, vua và các quốc vương nghĩ rằng: "Hạng Bà-la-môn thường ham bạc vàng, châu báu, gái đẹp. Thế thì nay ta nên mở kho châu báu, tuyển chọn thể nữ trẻ đẹp, rồi mời tể tướng Đại-Điền-Tôn đến để ông ta tùy sở thích chọn lựa. Làm như vậy, chắc Đại-Điền-Tôn sẽ bỏ ý định từ quan xuất gia tu học đạo.

Nhưng nào có ngờ những thứ ấy không làm lay chuyển được lòng kẻ đã quyết tâm tu hành. Đại-Điền-Tôn vẫn khấn thiết tâu rằng: "Muôn tâu Thánh-thượng! Tâm lòng của Thánh-thượng quá ưu đãi như thế, hạ thần đã được ân mưa móc lắm rồi! Nhưng mong Thánh-thượng rủ lòng thương, để hạ thần được toại nguyện xuất gia tu hành. Chỉ có xuất gia là phương cách tốt nhất để có thể trừ bỏ lòng xú uế".

Vua Từ-Bi cùng với các vị quốc vương khuyên Đại-Điền-Tôn nên đợi bảy năm nữa để các quốc vương có thời gian sắp đặt truyền ngôi cho các vương tử rồi cùng nhau đi xuất gia với Đại-Điền-Tôn luôn một thể. Đại-Điền-Tôn thưa vua: "Thế gian vô thường, mạng người chỉ trong hơi thở, thở ra mà không hít vào thì đã qua đời khác ... Mạng người khó có thể bảo toàn được".

Các quốc vương đều khuyên Đại-Điền-Tôn rằng: "Nếu bảy năm mà khanh cho là lâu thì 6 năm, 5 năm, 4 năm, có được chăng?" Nhưng tể tướng Đại-Điền-Tôn lòng đã quyết, vẫn một mực giữ ý định. Và cứ như thế các quốc vương khát hẹn thời gian giảm dần dần cho đến khi khát hẹn chỉ còn đợi đến bảy ngày thôi, để các quốc vương thu xếp rồi cùng đi xuất gia, lúc đó Đại-Điền-Tôn mới chịu đồng ý.

Đại-Điền-Tôn đem việc này trình bày cho bảy vị đại cư sĩ và bảy trăm người Phạm-Chí biết. Các cư sĩ đồng ý. Nhưng các Phạm-Chí lại khuyên Đại-Điền-Tôn rằng: "Tể tướng chớ nên xuất gia. Xuất gia thì phải ở chỗ tịch mịch cô đơn vắng vẻ, đời sống thanh đạm, ăn ngủ thiếu thốn. Còn ở tại gia thì được hưởng đủ thú vui dục lạc. Chúng tôi xin tể tướng nghĩ lại nên bỏ ý định xuất gia, để chúng ta cùng hưởng công danh, phú quý, dục lạc trần gian cho trọn kiếp người".

Đại-Điền-Tôn nói với các Phạm-Chí rằng: "Nếu ta cho tại gia là vui, xuất gia là khổ, thì ta đã không có ý chí xuất gia rồi. Nhưng ta đã thấu rõ tại gia là khổ, cái khổ ràng buộc tinh thần, tâm tánh không thể thanh tịnh, kéo theo đó

cái khổ đọa lạc muôn đời ngàn kiếp. còn xuất gia là vui, cái vui tinh thần thoải mái, tâm tư thanh tịnh, cái vui vĩnh viễn giải thoát giác ngộ tự tại. Ta đã suy nghĩ kỹ, nên mới quyết định chọn lấy đời sống xuất gia".

Các vị Phạm-Chí nghe rồi liền nói: "Nếu thế thì chúng tôi cũng xin theo tể tướng xuất gia, tôn xưng tể tướng làm Đạo-Sur của chúng tôi. Đạo-Sur làm gì thì chúng tôi cũng làm theo như thế".

Tin tể tướng Đại-Điền-Tôn xuất gia chẳng mấy chốc lan truyền khắp từ trong hoàng cung ra đến nhân gian, khiến cho ai nấy đều cảm động. Các hoàng hậu cung phi và các phu nhân của các đại thần đều nghĩ rằng: "Đại-Điền-Tôn là bậc tể tướng tài ba đức độ an bang tế thế, không những chỉ cho riêng đức vua Từ-Bi, mà còn là tể tướng của bảy quốc vương lân bang nữa. Quyền uy danh vọng, phú quý tột đỉnh hơn người, thế mà còn từ bỏ để đi tu. Huống chi là bọn chúng ta. Nghĩ vậy rồi, họ cùng nhau đến xin theo Đại-Điền-Tôn để được xuất gia tu hành. Chẳng bao lâu số người xin xuất gia lên đến hơn tám vạn bốn ngàn người.

Kể đến đây, Phạm-Thiên Đồng-tử nói với các trời Đạo-Lợi rằng: "Các người chớ nghĩ rằng, vị đại thần tể tướng Đại-Điền-Tôn đó chẳng phải là ai đâu khác, mà chính là tiền thân của đức Phật Thích-Ca. Ngài hiện đang thuyết pháp ở núi Kỳ-Xà-Quật. Nếu các người có nghi lời ta nói, thì xin cứ đến đó mà hỏi thì sẽ rõ. Như đức Điều-Ngự Thích-Ca có dạy điều gì, thì quý vị nên cố gắng nhớ lấy".

Lúc bấy giờ có vị nhạc thần tên là Bát-Giá-Dục của trời Đạo-Lợi, dẫn bằng hữu quyền thuộc đến trước đức Phật quỳ thưa rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Do vì lời nói của vị Phạm-Thiên Đồng-tử, nên nay chúng con đến đây ra mắt xin hỏi Ngài một điều: Trong một thời quá khứ xa xưa, có một kiếp nọ Ngài làm tể tướng tên là Đại-Điền-Tôn, bạch đức Như-Lai có phải đúng thế không? Và vị tể tướng Đại-Điền-Tôn đồng ý với vua Từ-Bi là chỉ trong bảy ngày thì xuất gia tu hành. Rồi cùng đại chúng đi qua khắp các nước du hóa độ sanh, điều này có đúng không? Cúi mong đức Thế-Tôn, vì để cho chúng trời người ba cõi có niềm tin sâu đậm vững chắc, và vì sự lợi ích chúng sanh, ngưỡng mong đức Thế-Tôn từ bi ban cho chúng con một lời xác định".

Đức Phật từ tốn đáp: "Lời thuật vừa rồi của Phạm-Thiên Đồng-tử quả thật không hư dối. Chớ đem lòng nghi tể tướng Đại-Điền-Tôn đó là ai đâu khác, mà chính là tiền thân của ta đó vậy".

Nhẫn Nhục Tiên Nhân

Một hôm trên núi Linh-Thứu thuộc thành Vương-Xá trong pháp hội Pháp-Hoa, đức Phật đã tuyên bố thọ ký cho những đồ đệ có căn trí cao sâu vào thời tương lai sẽ chứng đạo quả Vô-thượng Bồ-đề.

Trong số tăng đồ được thọ ký ấy gồm có: A-Nhã Kiền-Trần-Như đời sau sẽ thành Phật hiệu là Phổ-Minh Như-Lai; Ma-Ha Ca-Điếp sẽ thành Phật hiệu là Quang-Minh Như-Lai; Xá-Lợi-Phất sẽ thành Phật hiệu là Hoa-Quang Như-Lai; Mục-Kiền-Liên sẽ thành Phật hiệu là Đa-Ma La-Bạt Chiên-Đàn-Hương Như-Lai; A-Nan sẽ thành Phật hiệu là Sơn-Hải-Huê Tự-Tại Thông-Vương Như-Lai; Ma-Ha Ba-Xà Ba-Đề pháp danh là Đại-Ái-Nhạo Tỳ-kheo ni đạo hiệu là Ma-Ha Kiền-Đàm-Di sẽ thành Phật hiệu là Nhất-Thiết Chúng-Sanh Hỷ-Kiến Như-Lai; Da-Du Đà-La sẽ thành Phật hiệu là Cự-Túc Thiên-Vạn Như-Lai; Đề-Bà Đạt-Đa sẽ thành Phật hiệu là Thiên-Vương Như-Lai v.v... Những người đủ duyên đức đáng được thọ ký, đức Phật đều đã thọ ký cho cả. Nhưng trong số những người được Phật thọ ký thì A-Nhã Kiền-Trần-Như là người có những đặc thù khác biệt khiến cho đại chúng chú ý muốn biết duyên do sâu xa.

Lúc bấy giờ tôn giả Xá-Lợi-Phất quán biết lòng của đại chúng muốn thấu rõ về phước duyên đặc thù của A-Nhã Kiền-Trần-Như, nhưng không dám thưa hỏi Phật. Thấy vậy, tôn giả Xá-Lợi-Phất đến trước Phật cung kính chấp tay đánh lễ rồi quỳ thưa với Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Con nay quán thấy tâm của đại chúng đây hàng xuất gia cũng như tại gia đều muốn biết về đời trước của tôn giả A-Nhã Kiền-Trần-Như có nhân duyên đặc thù gì mà được đức Thế-Tôn sau khi thành đạo liền hóa độ ông ấy làm đệ tử trước nhất trong hàng trưởng-tử Như-Lai? Cúi mong xin đức Thế-Tôn rủ lòng thương xót giảng nói để cho tứ chúng khởi lòng kính ngưỡng thâm sâu!"

Đức Phật nở nụ cười hiền hòa đáp: "Hay lắm! Hay lắm! Xá-Lợi-Phất! Như-Lai sẽ vì các thầy mà nói rõ việc này".

Đức Phật tiếp: "Này Xá-Lợi-Phất! Ta nhớ thuở đời quá khứ có một kiếp nọ, ta làm vị tiên nhân tu hạnh nhẫn nhục mà người thời bấy giờ gọi là Đại-Nhẫn-Nhục tiên nhân. Vị tiên nhân này ẩn mình trong rừng núi thâm sâu, gác bỏ thế sự, đói ăn hoa trái, khát uống nước suối nguồn, ngày đêm chuyên tâm tu niệm ở chốn sơn lâm thâm sâu u tịch đầy hoa thơm trái lạ, đã bao năm không có bóng người lai vãng. Bạn của Đại-Nhẫn-Nhục tiên nhân là trăng sao mây nước. Nhà cửa của Đại-Nhẫn-Nhục tiên nhân là đất rừng trời

núi bao la. Ngày ngày, tiên nhân hết tọa thiền trên tảng đá bên dòng suối, lại đến dưới gốc cây ven rừng quán niệm. Tiên nhân lúc kinh hành niệm Phật dọc theo dòng suối, khi ngồi thiền quán dưới tàng cây cổ thụ um tùm. Đại-Nhẫn-Nhục tiên nhân vui thú với chim hót suốt tháng năm, thưởng ngoạn hoa rừng quanh suốt bốn mùa. Cuộc sống phẳng lặng như thế đã bao năm, tưởng chừng như bồng lai tiên cảnh, không bị ảnh hưởng trần gian thế sự nhiều phiền.

Nào ngờ, vào một chiều tà, khu rừng êm ả tĩnh mịch như mọi ngày, chim muông hót trên cành cây kẽ lá, Đại-Nhẫn-Nhục tiên nhân đang tĩnh tọa thiền quán trên tảng đá ven thác suối, thì bỗng có tiếng người nói rộn rã xen lẫn tiếng vó ngựa chập chập ngổn ngang như tiếng sắt càn lẫm lẫm mỗi lúc mỗi gần. Tiên nhân lấy làm lạ, liền nhập thiền quán sát thì biết vua Ca-Ly là vị đại quốc vương đang trị vì đất nước đương thời. Dẫn đoàn tùy tùng đi săn bắn với cõi lòng thất vọng đầy tức giận. Tiên nhân cảm thấy có triệu chứng chẳng lành sẽ xảy đến cho mình, liền tiếp tục nhập định thiền quán.

Chẳng mấy chốc, nhà vua cùng đoàn tùy tùng tay cung tay kiếm hùng hổ xông tới trước Đại-Nhẫn-Nhục tiên nhân. Như được dịp trút nỗi bực tức thất vọng trong lòng, nhà vua đồng dục to tiếng hỏi: "Ngươi là ai? Ở đây làm gì?"

- Tâu Bệ-hạ, bản đạo là kẻ tu hành. Ở đây tu tâm dưỡng tánh, tập hạnh nhẫn nhục.

Nhà vua đang cơn bực bội gần giọng quát to: "Tu là cái quái gì? Chính tại ngươi ở đây mà suốt mấy ngày nay, từ sáng đến giờ ta không săn được con thú nào. Ngươi có biết tội đáng chết không?"

Trước thái độ giận dữ của nhà vua, Nhẫn-Nhục tiên nhân vẫn thái độ bình thản đáp: "Tâu Bệ-hạ! Bản đạo là kẻ tu hành ở chốn rừng núi thâm sâu, thoát ngoài thế sự, đâu dám làm gì xúc phạm đến long thể Bệ-hạ?"

Nhà vua: "Hừ! Không xúc phạm hả? Chính do ngươi ở đây mà làm cho thú rừng sợ hãi xa lánh hết cả!"

Tiên nhân thưa: "Muôn tâu Bệ-hạ! xin Bệ-hạ mở lượng hải hà rộng xét. Bảo vệ mạng sống thì muôn thú mới không sợ. Bằng chứng là ngày ngày thú rừng đến làm bạn với bản đạo. Bản đạo sống nhờ hoa trái của thú rừng đem đến cho".

Vừa nghe tiên nhân nói thế, cơn tức giận bỗng nhiên trở nên sôi sục, nhà vua hét to: "Láo! Vừa rồi người nói tu nhân nhục hả? Hừ! Xem thử người có thật nhân nhục không? "

Vừa dứt lời, nhà vua rút gươm ra khỏi vỏ, không một chút do dự liền chặt tay tiên nhân. Mỗi nhát gươm sáng lòe phập xuống tức khắc cánh tay của tiên nhân rơi rụng, máu phun lai láng. Nhà vua như trút nỗi hằn học giận tức lên mình Đại-Nhẫn-Nhục tiên nhân. Tuy tay bị chặt đứt, nhưng gương mặt của tiên nhân vẫn bình thản trong thái độ an nhiên tự tại không chút nao núng giận hờn. Chẳng những thế, tiên nhân còn trải tâm từ bi thương xót nhà vua đây sân si.

Liền ngay khi cánh tay đứt rời thân thể rơi xuống đất, Đại-Nhẫn-Nhục tiên nhân phát lời thệ nguyện: "Nguyện đời đời dưới mọi hình thức, trong mọi hoàn cảnh, ta tìm cách giúp đỡ cho nhà vua si mê này sớm có ngày hồi tâm hướng thiện; nguyện khi tu hành thành đạo chứng quả giác ngộ, trước hết ta sẽ hóa độ cho vị vua sân si này sớm hiểu được đạo quả giải thoát".

Do lời nguyện chí thành khẩn thiết phát xuất từ lòng đại bi, nên đời đời Đại-Nhẫn-Nhục tiên nhân và vua Ca-Ly thường gặp nhau và sách tấn giúp đỡ cho nhau trên đường thánh thiện.

Thuật xong câu chuyện, đức Phật hướng về tôn giả Xá-Lợi-Phất nói: "Này Xá-Lợi-Phất! và chính ngay trong đời này, trong những ngày còn tầm sư học đạo, khi ta đến cầu học với tiên nhân Uất-Đầu Lam-Phất, thì A-Nhã Kiều-Trần-Như trước đó đã sớm thọ giáo với vị tiên nhân này rồi. Khi ta rời bỏ Uất-Đầu Lam-Phất, thì A-Nhã Kiều-Trần-Như cũng theo ta về ở rừng tu khổ hạnh. Rồi ta bỏ lối tu khổ hạnh để đến tĩnh tọa dưới cây Bồ-đề bên dòng sông Ni-Liên-Thiền, thực hành trung đạo. Sau bốn mươi chín ngày, liên tục tĩnh tọa bất động, vào một hôm, khi sao mai vừa rạng mọc, thì ta chứng được đạo quả Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Khi ta trở lại rừng tu khổ hạnh Lộc-Uyên độ cho năm bạn đồng tu khổ hạnh, thì chính A-Nhã Kiều-Trần-Như là người đầu tiên rất lấy làm hoan hỷ tiếp thọ giáo pháp Tứ-diệu-đế và chứng được quả A-la-hán".

Nói đến đây, đức Phật nhìn thẳng vào tôn giả Xá-Lợi-Phất mà bảo rằng: "Này Xá-Lợi-Phất! Thầy nên biết, vua Ca-Ly thời quá khứ kia, chính là tiền thân của A-Nhã Kiều-Trần-Như. Còn vị Đại-Nhẫn-Nhục tiên nhân kia, chính là tiền thân của Như-Lai ta đây vậy.

Người Đệ Tử Cuối Cùng

Một hôm đang lúc ở thành Câu-Thi-Na, trong rừng Ta-La Song-Thọ, đức Phật gọi A-Nan bảo rằng: "Này A-Nan! Chỉ còn hai ngày nữa Như-Lai sẽ nhập Niết-bàn. Ta quán sát thấy ông Tu-Bạt-Đà-La nay đã một trăm hai mươi tuổi, từ lâu tin theo đạo Bà-la-môn, chuyên tu phạm-hạnh, căn tánh thuần thực, là người cuối cùng đáng được độ cho xuất gia thọ giới tu hành để chứng thành đạo quả. Vậy A-Nan, con hãy đi gấp đến chỗ ở của ông ấy, để khuyên ông nên mau mau đến gặp Như-Lai sẽ tùy theo đó mà giải đáp để cho ông ta sớm được tỏ ngộ Chánh pháp".

A-Nan vâng lệnh đức Phật, hoan hỷ vội vã lên đường đi đến ngôi làng cách rừng Ta-La Song-Thọ, nơi đức Phật sắp nhập Niết-bàn, khoảng mười chín dặm. Nơi đây, ông Tu-Bạt-Đà-La đang chuyên tâm trì trai giữ giới, tu tập phạm hạnh theo đạo Bà-la-môn, đã chứng đắc ngũ thông. Tu-Bạt-Đà-La từ lâu nghe danh tiếng đức Phật và cũng đã được bạn bè nhiều lần khuyên ông nên tìm đến ra mắt đức Phật để cầu đạo lý Chánh pháp. Nhưng bởi do sở-tri-chướng và giới-cấm-thủ của ông quá sâu nặng, nên ông chỉ nể tình bạn đạo mà hẹn rày hẹn mai, rồi cuối cùng từ chối tất cả những lời khuyên tốt lành của bạn hữu.

Nhưng lạ thay! Lần này khi vừa thấy A-Nan đến, lòng Tu-Bạt-Đà-La đặc biệt vui mừng. Khi nghe A-Nan khuyên ông nên mau mau lên đường đến yết kiến Phật, để Phật giảng giải những chỗ nghi hoặc, vì ngày giờ Phật nhập Niết-bàn không còn bao lâu nữa. Vừa nghe A-Nan khuyên như vậy, ông Tu-Bạt-Đà-La không một chút do dự, vui vẻ nhận lời, liền theo tôn giả A-Nan đến rừng Ta-la Song-thọ, vừa thấy tôn nhan uy nghiêm sáng chói của Phật, Tu-Bạt-Đà-La tự nhiên cảm thấy nơi lòng như có một dòng suối mát chảy khắp cả người, tâm hồn trở nên bình thản thanh thoát lạ thường. Liền đó, những giáo điều căn cỗi của đạo Bà-la-môn ràng buộc tâm tư ông từ bao năm tháng thoát nhiên tiêu tan. Bây giờ ông cảm thấy tâm hồn sáng khoái nhẹ nhàng thoát ly trần tục. Trước mặt ông là đức Phật sáng ngời hiển lộ ra ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tỏa ra phong độ từ bi hỷ xả tự tại giải thoát siêu phàm, không như trí ông đã tưởng tượng trước đây.

Đối với đức độ oai nghi trang nghiêm thanh tịnh của Phật, khiến cho Tu-Bạt-Đà-La ngây ngất khởi lòng cung kính đánh lễ sát đất. Mỗi lạy tâm trí của ông mỗi bừng sáng như bình minh rạng rỡ ánh xuân.

Sau khi được Phật ân cần giải đáp những chỗ nghi hoặc, đồng thời khai thị cho ông nhận chân thật tướng các pháp, khiến cho ông thể nhập bản thánh chơn tâm. Bấy giờ Tu-Bạt-Đà-La thành kính đánh lễ Phật, khẩn thiết xin cho được xuất gia thọ giới, khởi tâm thâm tín phát nguyện tinh chuyên như pháp tu hành. Ngay trong đêm ấy, ông chứng được quả A-la-hán. Tu-Bạt-Đà-La thành khẩn xin được đánh lễ tạ ơn Phật đã khai thị cho ông và liền đó ông thâm thân tịch diệt trước Phật.

Thấy hiện tượng kỳ diệu đặc thù của ông Tu-Bạt-Đà-La như thế, khiến cho lòng đại chúng lúc bấy giờ thắc mắc nghi vấn. Tất cả đều hướng mắt nhìn về đức Phật với cõi lòng mong mỏi được sự giải đáp đích thực. Đức Phật biết rõ tâm trạng của đại chúng nghi ngờ. Ngài với phong độ từ dung, giọng nói thật hiền hòa trong sáng như chuông ngân, lần lượt giảng giải: "Này các đệ tử! Ta biết các con trong lòng đang mang nỗi thắc mắc nghi vấn về Tu-Bạt-Đà-La. Tại sao Tu-Bạt-Đà-La lại nghe lời khuyên của A-Nan một cách dễ dàng để đến đây ra mắt Như-Lai? Tại sao khi thấy A-Nan, Tu-Bạt-Đà-La khắp khởi vui mừng và nhất là sau khi thọ tỳ-kheo-giới, Tu-Bạt-Đà-La tu hành chỉ có một ngày đêm liền chứng quả A-la-hán và liền đó thâm thân tịch diệt trước khi Như-Lai thâm nhận Tu-Bạt-Đà-La tuổi đã già đến một trăm hai mươi rồi, làm người đệ tử xuất gia cuối cùng? Những điều thắc mắc của các con quả thật chính đáng! Vậy, các đệ tử hãy lắng nghe, ta sẽ vì các con mà giải hết mọi nghi ngờ trước khi ta vào Niết-bàn".

Khi nghe đức Phật nêu đúng chỗ nghi vấn của mình, đại chúng ai nấy đều vô cùng vui mừng hơn hờ, như khát gặp nước, như đói gặp thức ăn, nơm nớp chờ pháp âm của Phật.

Khắp nhìn đại chúng, đức Phật nói: "Trong thời quá khứ xa xưa, có một kiếp nọ ta bị đọa làm thân con nai chúa. Một hôm bỗng nhiên trời nổi mưa to gió lớn, nước lụt ngập cả khu rừng, nơi ta và đàn nai đã từng sống yên ổn bao năm, bây giờ lâm cảnh nguy khốn dập dồn, nai phải dời chỗ ẩn trú. Lúc bấy giờ nai chúa đã phải lần lượt đem sức cứu hết đàn nai qua sông. Cuối cùng chỉ còn một con nai nhỏ yếu nhất đàn, nai chúa phải ra sức cuu mang qua bờ an toàn bên kia. Nai chúa phải cố lấy hết sức tàn bơi qua dòng nước lũ, mang nai con đến bờ, rồi cố ngoi đầu lên mấy lượt như luyến tiếc trời trăng điều gì, rồi ngay khi đó nai chúa tắt thở, buông trôi chìm sâu theo dòng nước cuốn. Trong lúc hấp hối sắp vĩnh biệt trong dòng nước lũ cuốn phăng, nai chúa khởi tâm nguyện: "Trong tương lai, khi tu hành thành Phật sẽ độ hết đàn nai, đặc biệt là nai con sẽ được độ xuất gia tu hành thành đạo, trước khi Niết-bàn".

Đức Phật nói tiếp: Này các đệ tử! Các con nên biết rằng, đàn nai kia chính là tiền thân các con ngày hôm nay. Còn nai con được cứu sống cuối cùng, thì không ai đâu xa lạ, mà chính là tiền thân của ông Tu-Bạt-Đà-La. Nai chúa thời đó, chính là tiền thân của Như-Lai ta ngày nay đây.

Đức Phật còn nói tiếp: Này các đệ tử! Lại nữa, ta còn nhớ trong một kiếp quá khứ xa xưa ở thời quá khứ, khi ta còn là một tăng sĩ đang tu hành dưới cội cây cổ thụ, thì bỗng một hôm vị thọ thần của cây cổ thụ này hiện ra mách bảo với ta rằng: "Bên kia dãy núi cách đây xa tám mươi dặm có đức Phật Ca-Diếp đang thuyết những bài pháp cuối cùng trước khi Ngài vào Niết-bàn. Vậy tăng nhân hãy gấp rút đến đó để ra mắt đức Phật ấy".

Vị tăng nhân đáp: "Đường đi quá xa lại núi non ngăn cách hiểm trở, bản tăng này làm sao đi cho kịp?"

Vị thọ thần đáp: "Nếu Ngài muốn đi, xin Ngài hãy an tọa định tâm niệm Phật thì trong giây lát sẽ được đến trước đức Phật kia.

Vị tăng nhân y theo lời thọ thần khuyên, an nhiên tĩnh tọa niệm Phật. Thọ thần liền vận dùng thần lực của mình chỉ trong giây lát đưa vị tăng nhân đến trước đức Phật Ca-Diếp, nghe pháp, thoát nhiên đại ngộ, được Phật Ca-Diếp thọ ký cho trong tương lai vào thời Hiền kiếp sẽ thành Phật hiệu là Thích-Ca-Mâu-Ni. Và liền đó, vị tăng nhân kia thân thần tịch diệt trước Phật Ca-Diếp.

Thọ thần thấy vậy phát nguyện rằng: "Chừng nào vị tăng nhân được Phật Ca-Diếp thọ ký kia thành Phật, thì lúc ấy tôi nguyện làm đệ tử cuối cùng của vị Phật đó, và nhập diệt trước khi vị Phật đó vào Niết-bàn".

Phật tiếp: "Các con nên biết, vị thọ thần kia chính là tiền thân của Tu-Bạt-Đà-La. Còn vị tăng nhân chính là tiền thân của Như-Lai ta đây vậy".

Phật lại tiếp : "Này các đệ tử! Cũng trong thời quá khứ xa xưa, có một kiếp nọ Tu-Bạt-Đà-La đã từng làm cha của A-Nan. Và cả hai cha con người này đều có tâm tu hành cùng nhau phát nguyện rằng: Hễ ai gặp mình sư tu chứng đạo trước thì mách bảo cho nhau. Do nhân duyên này mà phụ tử tình thâm và lời nguyện đời đời cùng nhau nhắc nhở gắn bó tu hành, nên vẫn còn tiềm tàng trong tâm thức đến nay. Vì vậy mà Tu-Bạt-Đà-La đã từ chối tất cả bao lời khuyên của các bạn hữu, nhưng khi thấy A-Nan đến khuyên thì Tu-Bạt-Đà-La liền vui vẻ nhận lời và cùng theo A-Nan về ra mắt Như-Lai, trước khi Như-Lai vào Niết-bàn".

Đại chúng nghe đức Phật cặn kẽ giải đáp xong, ai nấy đều cảm thấy như khát được uống, đói được ăn, tâm trí sáng ngời, cõi lòng thanh thản an vui, đồng đánh lễ Phật, rồi cùng ngồi xung quanh nghe Phật di chúc những lời cuối cùng.

---o0o---

Hết